

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 04 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

- Mã chứng khoán: VNE
- Địa chỉ: Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: (84-0236.3562361)
- Fax: (84-0236.3562367) - E-mail: Info@vneco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Báo cáo thường niên của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam cho năm tài chính 2023.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VNECO tại địa chỉ website: <https://www.vneco.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VNECO;



Nguyễn Anh Tuấn



2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	2
Phần 1: Thông tin chung	4
Phần 2: Tình hình hoạt động trong năm	34
Phần 3: Báo cáo tác động môi trường xã hội	54
Phần 4: Báo cáo Ban Giám đốc	63
Phần 5: Báo cáo Hội đồng Quản trị	75
Phần 6: Quản trị công ty	79
Phần 7: Báo cáo tài chính	93



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông, Quý đối tác, Quý khách hàng!

Kính thưa toàn thể CBCNV Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO)!

Năm 2023, đan xen thuận lợi là không ít khó khăn với những diễn biến khó lường, tuy nhiên với tinh thần đoàn kết của một tập thể vững mạnh, VNECO đã chủ động vượt qua khó khăn để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông giao; Đã hoàn thành cơ bản giai đoạn đầu thực hiện tái cấu trúc hệ thống từ Tổng Công ty đến các đơn vị thành viên.

Nhìn chung tình hình hoạt động của VNECO trong năm 2023 gặp rất nhiều khó khăn, kết quả kinh doanh chưa thật sự tốt. Nguyên nhân chủ yếu trong thời gian qua do tình trạng khó khăn chung của ngành xây dựng và bất động sản, mà với VNECO trong giai đoạn hiện nay thì lĩnh vực xây dựng là cốt lõi.

Bước sang năm 2024, mặc dù chặng đường phía trước còn rất nhiều khó khăn và thách thức nhưng Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng: Với định hướng đúng đắn của Tổng Công ty; với sự hỗ trợ đồng hành của các Cổ đông lớn; với niềm tin, trí tuệ sáng tạo và truyền thống đoàn kết của CBCNV, chúng ta sẽ vượt quá thử thách để gặt hái thành công trong năm 2024.

Năm 2024, Tổng Công ty sẽ triển khai mạnh mẽ giai đoạn 2 tái cấu trúc hệ thống từ Công ty mẹ đến các đơn vị thành viên, xây dựng vững chắc vị thế thương hiệu VNECO trên thị trường Xây lắp điện Việt Nam, tăng cường mở rộng thị trường quốc tế thông qua hiện thực hóa chiến lược, thông qua đàm phán, hợp tác với các tập đoàn lớn trong và ngoài nước...

Hiện thực hóa lợi ích cổ đông, người lao động và doanh nghiệp.

Kính chúc Quý cổ đông, Quý khách hàng, các đối tác và đồng nghiệp sức khỏe và thịnh vượng!

Trân trọng!



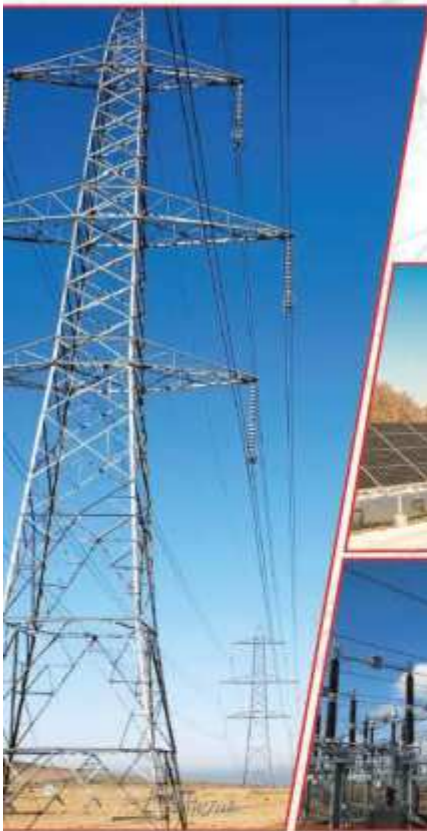
CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN ANH TUẤN

PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị	5
Giới thiệu	6
Quá trình hình thành phát triển	8
Ngành nghề địa bàn kinh doanh	10
Mô hình hoạt động	22
Sơ đồ tổ chức, công ty con, liên kết	24
Định hướng phát triển	28
Rủi ro	30





TẦM NHÌN

- ◇ VNECO mong muốn trở thành Tổng Công ty hàng đầu trong lĩnh vực kỹ thuật, xây lắp, cung cấp thiết bị trọn gói, chuyển giao công nghệ và đầu tư các dự án về nguồn điện, hệ thống lưới điện cho ngành điện, công nghiệp và hạ tầng tại Việt Nam.



SỨ MỆNH

- ◇ Chung tay phát triển ngành điện Việt Nam.
- ◇ Mang điện đến mọi miền đất nước.
- ◇ Phát triển năng lượng xanh.
- ◇ Góp phần phát triển kinh tế quốc gia.
- ◇ Mang đến cơ hội phát triển cá nhân, chăm lo cuộc sống tinh thần và vật chất đầy đủ đến nhân viên.
- ◇ Nâng cao giá trị cho cổ đông.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- ◇ Giá trị văn hoá của toàn thể cán bộ công nhân viên VNECO
- ◇ Đổi mới: Tinh thần học hỏi, luôn cải tiến để nâng cao hiệu quả công việc.
- ◇ Đồng đội: Tinh thần đồng đội, chia sẻ, hợp tác, đồng tâm hiệp lực cùng hướng tới mục tiêu chung.
- ◇ Cống hiến: Tinh thần thể hiện bản thân, đóng góp cho xã hội, cộng đồng thông qua công việc.
- ◇ Giá trị văn hoá của cấp Quản lý
- ◇ Khát vọng: Luôn có mục tiêu và hành động với niềm đam mê.
- ◇ Chính trực: Nền tảng để ra quyết định đúng đắn, không vì lợi ích cá nhân.
- ◇ Trí - Tín: Trí tuệ, sáng suốt, khả năng nhìn xa, tính quyết đoán và coi trọng uy tín.

Tên công ty : **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**

Tên giao dịch: VIETNAM ELECTRIC CONSTRUCTION JSC

Tên viết tắt: VNECO

Giấy CNĐKKD: Số 0400101450, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 27 tháng 02 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Vốn điều lệ: 904.329.530.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 904.329.530.000 đồng

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng

Số điện thoại: +84 (0)236 356 2361

Số Fax: +84 (0)236 356 2367

Email: info@vneco.com.vn

Website : vneco.com.vn

Mã cổ phiếu: VNE

Logo:  **VNECO**
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM



LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

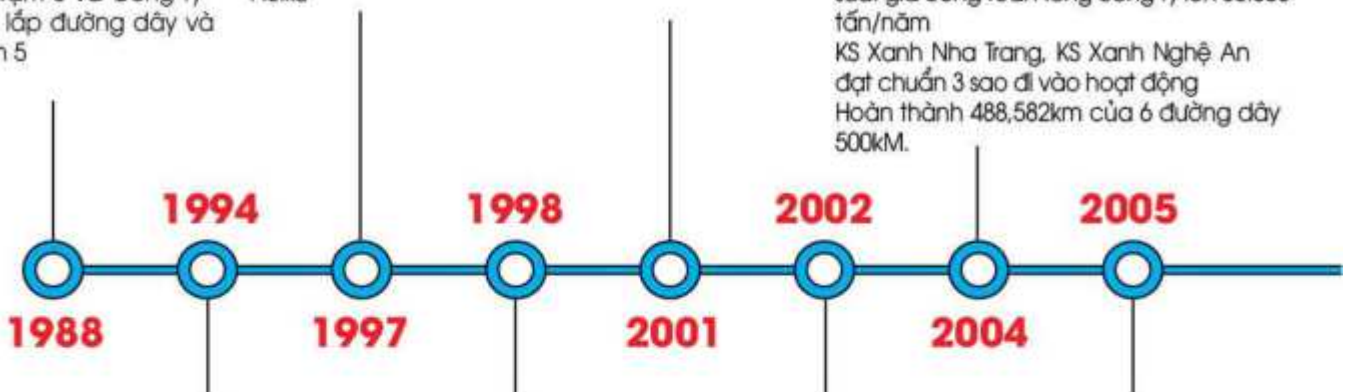


Ngày 22/02/1988 Công ty Xây lắp điện 3 được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Xây lắp đường dây và Trạm 3 và Công ty Xây lắp đường dây và Trạm 5

Hoàn thành 531 km đường dây 500kV Bắc - Nam
Hoàn thành 40 km đường dây 500kV Yaly - Pleiku

Nhà máy gia công chế tạo và mạ kẽm nhúng nóng kết cấu thép và cột thép tại Đà Nẵng với công suất 10.000 tấn/năm đi vào hoạt động

Nhà máy gia công chế tạo và mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu thép và cột thép tại TP Hồ Chí Minh công suất 15.000 tấn/năm. Cải tạo các nhà máy thép tại Quy Nhơn, Vinh đi vào hoạt động nâng công suất gia công toàn Tổng công ty lên 35.000 tấn/năm
KS Xanh Nha Trang, KS Xanh Nghệ An đạt chuẩn 3 sao đi vào hoạt động
Hoàn thành 488,582km của 6 đường dây 500kV.



Công ty Xây lắp điện 3 là Công ty hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam).

Trực thuộc Tổng Công ty xây dựng Công nghiệp Việt Nam, vốn điều lệ: 8,377 tỷ đồng

Công ty Xây lắp điện 3 được tổ chức lại thành Công ty mẹ Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp thi điểm hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Tăng vốn điều lệ lên 74,780 tỷ đồng

Cổ phần hóa, chuyển đổi Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước) thành Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
Đẩy mạnh hoạt động đầu tư các nhà máy thủy điện

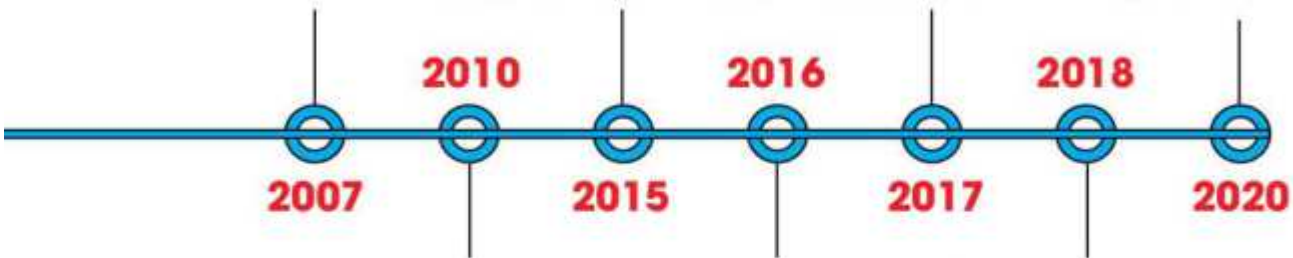


Tăng vốn từ 150 tỷ đồng lên 320 tỷ đồng
Niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
Khách sạn Xanh Huế với tiêu chuẩn 4 sao đi vào hoạt động

SCIC chuyển nhượng toàn bộ 18,9 triệu cổ phiếu VNE cho các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân
Tăng vốn điều lệ từ 637 tỷ đồng lên 823 tỷ đồng
Thoái vốn tại các đơn vị thành viên: Công ty VNECO5, VNECO 6, VNECO11, Công ty Tư vấn và Xây dựng VNECO, Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An VNECO

Tổng Công ty thực hiện tái cấu trúc tài sản, tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và mở rộng đầu tư sang lĩnh vực năng lượng tái tạo.
Thoái vốn đầu tư tại Công ty liên kết: Công ty TNHH Quản lý dự án CORE ASIA

Ngoài ngành nghề xây lắp điện truyền thống, VNECO tham gia làm Tổng thầu EPC, PC xây lắp các nhà máy điện mặt trời, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại. Thoái toàn bộ vốn đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH MTV Điện Mặt trời VNECO - Vĩnh Long và Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 7



Tăng vốn điều lệ từ 320 tỷ đồng lên 637 tỷ đồng

Tăng vốn điều lệ từ 823 tỷ lên 904 tỷ đồng

2021

Hoàn thành dự án Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong 1 với tổng mức đầu tư hơn 1.250 tỷ đồng, COD 5/8 Turbine (tương đương phát điện 19Mw/30,4Mw).

2022

Thoái toàn bộ vốn đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2.

2023

Góp vốn bổ sung vào Công ty TNHH đầu tư VNECO với số tiền: 3.580 triệu đồng; Mua bổ sung 120.375 CP của Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10 tương ứng với giá trị 703,750 triệu đồng

Tổng Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc tài sản, tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và mở rộng đầu tư sang lĩnh vực năng lượng tái tạo.
Thoái vốn đầu tư tại Công ty con: Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề đăng ký kinh doanh

- ▷ Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500kV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hóa, thể thao, sân bay, bến cảng;
- ▷ Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- ▷ Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; Sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh xăng dầu;
- ▷ Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- ▷ Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định dự án đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đầu tư và hợp đồng kinh tế, tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- ▷ Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác;
- ▷ Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- ▷ Đầu tư nhà máy thủy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;
- ▷ Đầu tư tài chính;
- ▷ Sản xuất và kinh doanh điện;
- ▷ Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- ▷ Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- ▷ Kinh doanh vận tải, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;
- ▷ Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải;
- ▷ Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;
- ▷ Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;
- ▷ Kinh doanh bánh kẹo, rượu, bia, thuốc lá, thuốc lá điếu sản xuất trong nước, hóa mỹ phẩm;
- ▷ Kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình;
- ▷ Cho thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.



Lĩnh vực kinh doanh chính

Trải qua hơn 30 năm hình thành phát triển, VNECO hiện nay tập trung vào 4 lĩnh vực kinh doanh chính gồm: xây lắp điện, sản xuất công nghiệp, bất động sản du lịch và đầu tư dự án nguồn điện.

Thi công xây lắp công trình điện

Thi công xây lắp là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và là thế mạnh truyền thống của VNECO từ khi thành lập đến nay. VNECO đã thực hiện thi công xây lắp hơn hàng chục nghìn km đường dây từ 110kV, 220kV đến 500kV, nhiều trạm biến áp 220kV, 500kV cùng nhiều công trình truyền tải điện đường dây khác.

Thế mạnh của VNECO là kinh nghiệm thi công, giám sát thi công, cung máy móc thiết bị hiện đại cho phép thực hiện đồng thời nhiều dự án đường dây và trạm biến áp có quy mô lớn và phức tạp đến 500kV.

Từ vị trí là nhà thầu xây lắp, đến nay, VNECO đã vươn lên trở thành đơn vị có đầy đủ năng lực tham gia, đã và đang thực hiện các dự án tổng thầu EPC xây lắp điện.



Danh mục các công trình đã thi công

TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
I	Đường dây 500kV		
1	Đz 500 kV Bắc - Nam	524	1992 - 1994
2	Đz 500kV Yaly - Pleiku	40	1997- 1999
3	Đz 500kV Pleiku - Phú Lâm	134.623	2001- 2006
4	Đz 500Kv Phú Mỹ- Nhà Bè- Phú Lâm	11.483	2001- 2006
5	Đz 500Kv Pleiku- Dốc Sỏi - Đà Nẵng	76.567	2001- 2006
6	Đz 500kV Đà Nẵng - Hà Tĩnh	152,01	2001- 2006
7	Đz 500kV Hà Tĩnh - Thường Tín	89.584	2001- 2006
8	Đz 500kV Nhà Bè - Ô Môn (đoạn Ô Môn - Cai Lậy)	24.585	2001- 2006
9	Đz 500kv Quảng Ninh - Thường Tín	23,96	2007- 2009
10	Đz 500kV Quảng Ninh - Hiệp Hòa (lô 8.1)	34.504	2012-2014
11	Đz 500kV Quảng Ninh - Hiệp Hòa (lô 8.2)	34.494	2012-2014
12	Đz 500kV Vĩnh Tân - Sông Mây	35,2	2010-2014
13	Đz 500kV Pleiky - Mỹ Phước - Cầu Bông	67	2010-2014
14	Đz 500kV Phú Mỹ - Sông Mây	29,57	2009-2013
15	Đz 500kV Sơn La - Lai Châu (gói thầu số 9 và 12)	33.552	2013-2015
16	Đz 500kV Long Phú - Ô Môn	17.078	2014-2016
17	TBA 500kV Duyên Hải	450MVA	2013-2015
18	Đz 500kV Duyên Hải - Mỹ Tho	29,45	2014-2016
19	Đz 500kV Dự án Xây dựng đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	5,4	2014-2016
20	TBA 500kV Pleiku 2	3.453	2015-2016
21	Đz 500kV Sông Mây - Tân Uyên	5,3	2015-2017
22	Đz 500kV Vĩnh Tân - Rê Sông Mây - Tân Uyên	33,7	2015-2017
23	TBA 500kV Tân Uyên và đấu nối	300MVA	2015-2017
24	Đz 500kV Mỹ Tho-Đức Hòa	17,08	2016-2018
25	TBA 500kV Đức Hòa	300MVA	2017-2021
26	Đz 500kV Đấu nối NMNĐ Thăng Long	4,37	2016-2017
27	Đz 500/ 220kV Hiệp Hòa - Đông Anh - Bắc Ninh 2	8,01	2016-2017
28	Đz 500kV đấu nối NMD Nghi Sơn 2 vào Hệ thống điện QG	11,42	2018-2020
29	Đz 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi (03 lô)	100,41	2018-2020
30	Đz 500kV Chợ Thành - Đức Hoà (lô 5.3)	5,3	2020-2021
31	Đz 500kV Vĩnh Tân - Vân Phong (gói 11)	22,1	2021-2022
32	TBA 500kV Thốt Nốt (gói 5)	250MVA	2021-2023
33	Đz 500kV đấu nối TBA 500kV Thuận Nam vào Đz 500kV Vân Phong - ND Vĩnh Tân (G9)	1.5	2022-2023



TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
II Đường dây 200kV			
1	Đz 220kV Vinh - Đồng Hới	214	
2	Đz 220kV Quy Nhơn - Pleiku	76	
3	Đz 220kV Pleiku - KrôngBúk	102,4	
4	Đz 220kV KrôngBúk - Nha Trang	147	
5	Đz 220kV Đà Nẵng - Hoà Khánh	13,3	
6	Đz 220kV Hàm Thuận - Bảo Lộc	28	
7	Đz 220kV Ninh Bình - Thanh Hoá	28.415	
8	Đz 220kV Hoà Khánh - Huế	82,17	
9	Đz 220kV đấu nối sau TBA 500kV Hà Tĩnh	7,34	
10	Đz 220kV Rạch Giá - Bạc Liêu	50	
11	Đz 220kV Đa Nhim - Nha Trang	113,33	
12	Đz 220kV Đà Nẵng - Đốc Sỏi	104,6	
13	Đz 220kV Đa Nhim - Long Bình	6,44	
14	Đz 220kV Cà Mau - Ô Môn (đoạn 4 mạch)	29.702	
15	Đz 220kV Thốt Nốt - Châu Đốc-Tĩnh Biên	96.198	
16	Nâng cấp ĐZ 220kV Thủ Đức - Long Bình	5.232	
17	Đz 220 kV Thanh Thủy - Hà Giang - Tuyên Quang	35	
18	Đz 220kV Tuyên Quang - Yên Bái (VT: 1 -> VT:65)	38	
19	Đz 220kV Tuy Hòa - Nha Trang (đoạn từ ĐĐ-G33)	38,82	2007- 2009
20	Đz 220kV Tuy Hòa - Nha Trang (đoạn từ G33-G50) 29,41km	29,41	2007- 2009
21	Đz 220kV Hạ Sông Ba - Tuy Hòa 35,46km	35,46	2007- 2009
22	Đz 220kV Quy Nhơn - Tuy Hòa (đoạn từ ĐĐ-G34) 46,85km	46,85	2007- 2009
23	Đz 220kV Thanh Hóa - Vinh	32,76	2011-2014
24	Đz 220kV Vũng Áng - Hà Tĩnh (gói 6.2 và 6.4)	40.735	2011-2013
25	Đz 220kV Duyên Hải - Trà Vinh	45,7	2012-2014
26	Đz đấu nối 110/220 vào TBA Sóng Mây	8,2	2011-2014
27	Đz 220kV Vinh Tân - Phan Thiết	53	2012-2014
28	Đz 220kV Phan Thiết - Phù Mỹ 2	46.67	2013-2016
29	Đz 220kV Duyên Hải - Mỏ Cày	1,8	2014-2015
30	Đz 220kV Văn Trì - Chèm	17	2012-2015
31	Đz 220kV Nhiệt điện Thái Bình	9	2013-2015
32	Đz 220kV Long Phú - Sóc Trăng	17,8	2014-2016
33	TBA 220kV Kon Tum và đấu nối	125MVA	2014-2015
34	220kV Vũng áng - Ba Đồn - Đồng Hới	26,8	2014-2015
35	Đz 220kV An Khê - Quy Nhơn	25.776	2014-2015
36	Đz 220kV Đà Nẵng - Quận 3	13,39	2014-2016



TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
37	Đz 220kV Xekaman 1 (Hutxan) - Pleiku 2 lò 8.1	33.988	2015-2016
38	Đz 220kV Xekaman 1 (Hutxan) - Pleiku 2 lò 8.2	40,45	2015-2016
39	Đz 220kV Thái Bình - Trạm 220kV Thái Bình	2,3	2014-2015
40	Đz 220kV Vĩnh Tường	4,1	2014-2016
41	Đz 220kV Hòa Bình - Tây Hà Nội	14,2	2015-2016
42	Đz 220kV Nhà máy Thủy điện Hồi Xuân - đấu nối vào HT điện Quốc gia	15.394	2013-2016
43	Đz đấu nối vào TBA 500kV Tân Uyên	4,7	2016-2017
44	Đz 220kV Cầu Bông-Bình Tân	2,7	2016-2017
45	Đz 220kV Thái Bình-Tiến Hải-Trực Ninh	8,01	2016-2017
46	Đz 220kV Di Linh-Bảo Lộc	9,75	2016-2017
47	Đz 220kV đấu nối TBA 500kV Đức Hòa	8,7	2018-2019
48	Đz 220kV Nhiệt điện Hải Dương - Phố Nối	22,1	2019-2020
49	Đz 220kV Việt Trì - Tam Dương - Bá Thiện (gói 15)	19,5	2020-2021
50	Đz 220kV KrôngBuk - Nha Trang	149	2020-2021
51	Đz 220kV đấu nối TBA Long Thành	4,6	2020-2021
52	Đz 220kV Nậm Mò - Tương Dương (gói 2)	16,2	2021-2022
53	Đz 220kV Nậm Mò - Tương Dương (gói 4)	11,9	2021-2022
54	Đz 220kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ (gói 5)	40,7	2022-2023
55	Đz 220kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ (gói 6)	35	2022-2023
56	Đz220kV Nghĩa Lộ - Việt Trì (gói 9)	53	2022-2023
57	Đz220kV Nghĩa Lộ - Việt Trì (gói 10)	41	2022-2023
58	Đz 220kV Nậm Sung - Nông Cống (gói 14)	32,9	2022-2023
59	Đz 220kV đấu nối cụm NMDZ Cà Mau 1 vào HT điện Quốc gia	30	2022-2023
60	Gói thầu số 11: Xây lắp đường dây đấu nối thuộc dự án: Trạm biến áp 500kV Vinh Yên và đường dây đấu nối	3,4	2022-2023
61	Đz 110, 229kV Phía Tây Hà Tĩnh	2,7	2022-2023
62	Đz đấu nối TBA 110kV Bến Lức	16	2022-2023
III Đường dây dưới 220kV			
1	TBA 220kV/110kV Vĩnh Tường và các đường dây đấu nối 220kV, 110kV	12,605	2016-2017
2	TBA 110kV Hòa Xuân và nhánh rẽ	1,94	2016-2017
3	Nâng cấp đường dây 110kV Long Thành - Hyosung từ 02 mạch lên 04 mạch (từ trụ số 10 đến trụ số 32) cấp điện cho TBA 110kV Hyosung	6,677	2016-2017
4	Nâng cao năng lực truyền tải Đz 110kV Lô 172 TBA 220kV Ninh Bình-Tĩnh Xuyên	10,7	2016-2017
5	Nhánh rẽ vào trạm 220kV Sơn Tây	11,82	2016-2018
6	ĐDK 110kV Hà Đông - Sơn Tây (173E1.4 đi 172E1.7)	38,226	2016-2019
7	Đz 110kV Nam Sài Gòn-Nam Sài Gòn, giai đoạn 2	3,782	2016-2019



TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
8	Đz 220-110kV Cầu Bông-Bình Tân từ G19 đến TBA 500kV Cầu Bông	3,613	2017-2018
9	Đz 110kV 173 Trảng Bàng 2-177 Đức Hòa 2; 174 Trảng Bàng 2-171 Đức Huệ; 172 Đức Huệ-178 Đức Hòa 2 (Phân pha dây dẫn)	8,763	2017-2018
10	Đz 110kV 174 Phan Thiết-172 Phan Rí (Phân pha dây dẫn)	14,3	2017-2018
11	Đấu nối 110kV sau TBA 220kV Phong Điền	5,7	2018-2018
12	Nâng cấp ĐZ 110kV TBA 220kV Quảng Ngãi-Đức Phố-Tam Quan	28,02	2018-2018
13	Cải tạo nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110kV từ TBA 110kV Nha Trang đi TBA 110kV Ninh Hòa	34,076	2018-2018
14	Treo dây mạch 2 ĐZ 110kV Quỳnh Lưu - Diễn Châu - Cửa Lò - Hưng Đông	14,832	2018-2019
15	Đz 110kV Quy Nhơn - Sông Cầu (đoạn Phú Yên)	30	2019-2020
16	Đz 110kV Hà Đông - Sơn Tây (mạch 2)	38	2020-2021
17	Đz 110kV Tam Kỳ - Tam Thăng (mạch 2)	15	2021-2022
IV	Trạm biến áp 220kV		
1	Trạm biến áp 220kV Vinh	125	
2	Trạm biến áp 220kV Đồng Hới	63	
3	Trạm biến áp 220kV Quy Nhơn	63	
4	Trạm biến áp 220kV Đa Nhim	63	
5	Trạm biến áp 220kV Krông Búk	63	
6	Trạm biến áp 220kV Nha Trang	123	
7	Trạm biến áp 220kV Vinh (MR)	125	
8	Trạm biến áp 220kV Huế	125	
9	Trạm biến áp 220kV Hoà Khánh	125	
10	Trạm biến áp 220kV Dốc Sỏi	63	
11	Trạm biến áp 220kV Quy Nhơn (MR)	125	
12	Trạm biến áp 220kV Nha Trang (MR)	125	
13	Trạm biến áp 220kV Long Xuyên 2 & Đz đấu nối	250MVA	2016-2017
14	Trạm biến áp 220kV Đồ Lương	250MVA	2017-2018
15	Trạm biến áp 220kV Phú Mỹ	250MVA	2017-2018
16	Trạm biến áp 220kV Tam Phước	250MVA	2020-2021
17	Trạm biến áp 220kV Bá Thiện (gói 11) Trạm biến áp 220kV & MRNL đấu nối cụm	250MVA	2021-2022
18	TBA GIS 220kV NMDG Cà Mau 1	250MVA	2021-2022



TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
V	Trạm biến áp 110kV		
1	Trạm biến áp 110kV Xuân Hà	50	
2	Trạm biến áp 110kV Đồng Hới	16	
3	Trạm biến áp 110kV Huế	25	
4	Trạm biến áp 110kV Đông Hà	16	
5	Trạm biến áp 110kV Quảng Ngãi	5	
6	Trạm biến áp 110kV Cam Ranh	16	
7	Trạm biến áp 110kV Văn Xá	25	
8	Trạm biến áp 110kV Quy Nhơn 2	40	
9	Trạm biến áp 110kV Tuy Hoà 2	25	
10	Trạm biến áp 110kV Đồn Phố	16	
11	Trạm biến áp 110kV Hoà Khánh + đấu nối	25	
12	Trạm biến áp 110kV Hà Tĩnh (M2)	25	
13	Trạm biến áp 110kV Linh Cảm	25	
14	Trạm biến áp 110kV Bến Thủy	25	
15	Trạm biến áp 110kV Liên Trì	25	
16	Trạm biến áp 110kV Vĩnh Long (MR)	25	
17	Trạm biến áp 110kV Dung Quất	25	
18	Trạm biến áp 110kV Cầu Đỏ (MR)	25	
19	Trạm biến áp 110kV An Đồn	25	
20	Trạm biến áp 110kV Ba Đồn	25	
21	Trạm biến áp 110kV Diên Hồng	25	
22	Trạm biến áp 110kV Sóc Trăng (M2)	40	
23	Trạm biến áp 110kV Tháp Chàm (M2)	25	
24	Trạm biến áp 110kV Sóc Trăng	40	
25	Trạm biến áp 110kV Điện Ngọc	40	
26	Trạm biến áp 110kV Phù Cát	25	
27	Trạm biến áp 110kV Vĩnh Linh	25	
28	Trạm biến áp 110kV Liên Chiểu	40	



TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
29	Trạm biến áp 110kV Suối Dầu	25	
30	Trạm biến áp 110kV Eakar	25	
31	Trạm biến áp 110kV Cầu Hai	25	
32	Trạm biến áp 110kV Phù Cát	25	
33	Trạm biến áp 110kV Lao Bảo & ngăn xuất tuyến	25	
34	Trạm biến áp 110kV Eakar & ngăn xuất tuyến	25	
35	Trạm biến áp 110kV Đắc Tô & ngăn xuất tuyến	16	
36	Trạm biến áp 110kV Lê Thuỷ & nhánh rẽ	25	
37	Trạm biến áp 110kV Hoà Khánh (MR)	25	
38	Trạm biến áp 110kV Kon Tum (MR)	25	
39	Trạm biến áp 110kV Cư Jút	25	
40	Trạm biến áp 110kV Lăng Cô	25	
41	Trạm biến áp 110kV Xi măng Sông Gianh	25	
42	TBA 110kV Đăk Hà và nhánh rẽ	40MVA	
43	Đz & TBA 110kV Liễu Đề	40MVA	
44	Trạm biến áp 110kV Bảo Ninh và Đz đấu nối	40MVA	
45	Đz & trạm biến áp 110kV Đồng Hới - Lê Thuỷ	40MVA	2023-2024
VI	Các công trình thủy điện		
		9MW	2003-2007
1	Nhà máy Thủy điện Khe Diên	64MW	2005-2008
2	Nhà máy Thủy điện Krông-H'Năng		
3	Nhà máy Thủy điện Hối Xuân		
VII	Các công trình năng lượng tái tạo		
1	Nhà máy Điện mặt trời Cưjut - Buôn Ma Thuột	50MWp	2018-2019
2	Nhà máy Điện mặt trời Cam Lâm - Khánh Hòa	50MWp	2019-2020
3	Nhà máy Điện mặt trời HaCom - Ninh Thuận	50MWp	2019-2020
4	Nhà máy Điện mặt trời Thuận Nam - Đức Long	50MWp	2019-2020

Hơn 1,6 triệu km đường dây 110kV khác và hơn 4.400km đường dây 35kV đã thi công



Sản xuất công nghiệp

Các sản phẩm chính của Tổng Công ty trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp bao gồm gia công cơ khí, sản xuất cột điện bê tông ly tâm, ống cống và sản xuất gạch block các loại.

Sản xuất cột điện bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông ly tâm các loại.

VNECO có các đơn vị thành viên có dây chuyền công nghệ cao sản xuất trụ điện cột bê tông dự ứng lực, ống cống và các sản phẩm bê tông ly tâm đúc sẵn. Sản phẩm bê tông ly tâm do VNECO sản xuất có chất lượng cao, được kiểm định đo lường cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn và được sử dụng trong các công trình đường dây và trạm trên khắp các tỉnh thành đất nước.





Dịch vụ du lịch, bất động sản

Ngoài lĩnh vực kinh doanh chính, VNECO còn mở rộng đầu tư vào lĩnh vực du lịch và bất động sản. Mặc dù không phải lĩnh vực kinh doanh chính nhưng cũng đóng góp cho sự phát triển bền vững của Tổng Công ty. VNECO hiện đang sở hữu và khai thác Khách sạn Xanh Đà Nẵng:

Số 64 Hoàng Văn Thái, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Tel: (84)236 3842055

Mail: info@greenhoteldn.com.vn

Website: www.greenhoteldn.com.vn

Khách sạn Xanh Đà Nẵng là một khách sạn đạt tiêu chuẩn 3 sao Quốc Tế với hệ thống lưu trú gồm 84 phòng (49 phòng Deluxe, 4 phòng Suite, 6 phòng Villa, 25 phòng Standard), được thiết kế sang trọng đầy đủ các tiện nghi, dịch vụ bổ sung đảm bảo chất lượng và phong cách phục vụ chuyên nghiệp; Nhà hàng tiệc cưới Hoa sứ sức chứa 450 khách và nhà hàng Draff Beer. Khách sạn Xanh tọa lạc trên đường Hoàng Văn Thái - Thành phố Đà Nẵng, cách bến xe trung tâm của thành phố chỉ khoảng 5 phút, nằm trên trục đường đi Bà Nà Hills, núi Thần Tài, cách nhà Ga Đà Nẵng và sân bay quốc tế Đà Nẵng chỉ 10 phút. Nhà hàng của Khách Sạn Xanh Đà Nẵng có sức chứa từ 200 đến 1000 khách. Phục vụ các món ăn từ phong cách Châu Âu, Á hiện đại mang đến những hương vị đậm bản sắc truyền thống quê hương Việt Nam.



Dịch vụ du lịch, bất động sản

Dự án Khu đô thị mới Mỹ Thượng

Vị trí đầu tư: xã Phú Mỹ và Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế

Tổng mức đầu tư: 832 tỷ đồng

Quy mô diện tích: 43,1 ha (trong đó Quỹ đất được giao nhà phố 925 lô, biệt thự 73 lô, đất thương mại dịch vụ: 3 lô)





Đầu tư nguồn điện

VNECO đã thực hiện thi công các nhà máy thủy điện như: Nhà máy thủy điện Hồi xuân, nhà máy thủy điện K'rong H' năng, nhà máy thủy điện Khe Diên,...

Hiện nay, Tổng Công ty tập trung xúc tiến đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo: dự án điện gió Thuận Nhiên Phong 1, dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.1, dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.2

Địa bàn kinh doanh

Địa bàn hoạt động của VNECO trải rộng khắp cả nước:

- Các công trình xây dựng, xây lắp điện khu vực miền Trung và Tây Nguyên (Đz 500kV Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Đz 500kV Quảng Trạch - Đốc Sỏi (3 gói 9.5, 9.9 và 9.10), Đz 500kV Vĩnh Tân - Vân Phong, TBA 220kV Phù Mỹ, Đz 200kV Di Linh-Bảo Lộc, Đz đấu nối 110kV Nha Trang - Ninh Hoà, Đz đấu nối 110kV Quảng Ngãi - Đức Phổ - Tam Quan, Đz và TBA 110 Sông Cầu, Đz 220kV Krông Búk - Nha Trang (gói 11, gói 12 và gói 13), Đz 220kV Nậm Mỏ - Tương Dương (gói 2 và gói 4), Đz 110, 220kV Phía Tây Hà Tĩnh, TBA 110kV Bảo Ninh và đấu nối, Đz 110kV & NXT Nhà máy bột giấy VNT19, Đz 500kV đấu nối TBA 500kV Thuận Nam vào Đz 500kV Vân Phong - NĐ Vĩnh Tân, Đz 110kV Tam Kỳ - Tam Thăng, Đz & TBA 110kV Lộc Hà, TBA 220kV Phước Thái, CCVT & thi công NXT 220kV tại TBA 220kV Phước Thái, EPC Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong các công trình xây dựng năng lượng tái tạo như Hợp đồng EPC Nhà máy điện mặt trời Điện lực miền Trung (liên doanh với SUMEC), Hợp đồng PC Nhà máy điện mặt trời Thuận Nam - Đức Long tỉnh Ninh Thuận; Nhà máy điện Mặt trời Hacom Solar tỉnh Ninh Thuận; Hợp đồng PC Nhà máy điện mặt trời Hàm kiệm 1...);

- Các công trình xây dựng, xây lắp điện khu vực phía Bắc (Đz 500kV Nghi Sơn 2, Đz & TBA 110kV Tỉnh Gia 2, cải tạo Đz 110kV Quỳnh Lưu - Diễn Châu - Cửa Lò - Hưng Đông, Đz 220kV Nhiệt điện Hải Dương - Phố Nối, Đz 110kV Hà Đông - Sơn Tây (mạch 1 và mạch 2), TBA 110kV Liễu Đề, Đz 220kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ (gói 5, gói 6), Đz 220kV Nghĩa Lộ - Việt Trì (gói 9 và gói 10), Đz Nậm Sum - Nông Cống (gói 14), Đz 220kV Việt Trì - Tam Dương - Bá Thiện (gói 15), TBA 220kV Bá Thiện (gói 11), Đz đấu nối vào TBA 500kV Vĩnh Yên; Đz & TBA 110kV Sơn Nam, ...);

- Các công trình xây lắp điện khu vực phía Nam (Đz 500kV Long Phú-Ô Môn, Đz 500kV Mỹ Tho-Đức Hòa, Đz 500kV Sông Máy-Tân Uyên, Đz 500kV Vĩnh Tân - Rẽ Sông Máy - Tân Uyên, Đz 500kV Đức Hòa - Chợ Thành, Đz đấu nối vào TBA 500kV Long Thành, Đz 220kV Cà Mau 1, TBA 220kV Tam Phước, TBA 500kV Tân Uyên, TBA 500kV Đức Hoà, TBA 500kV Thốt Nốt (gói 5 & 6), TBA 220kV Cà Mau, Đz 500kV ô Môn - Thốt Nốt (gói 9), Đz đấu nối vào TBA 220kV Bến Lức...);

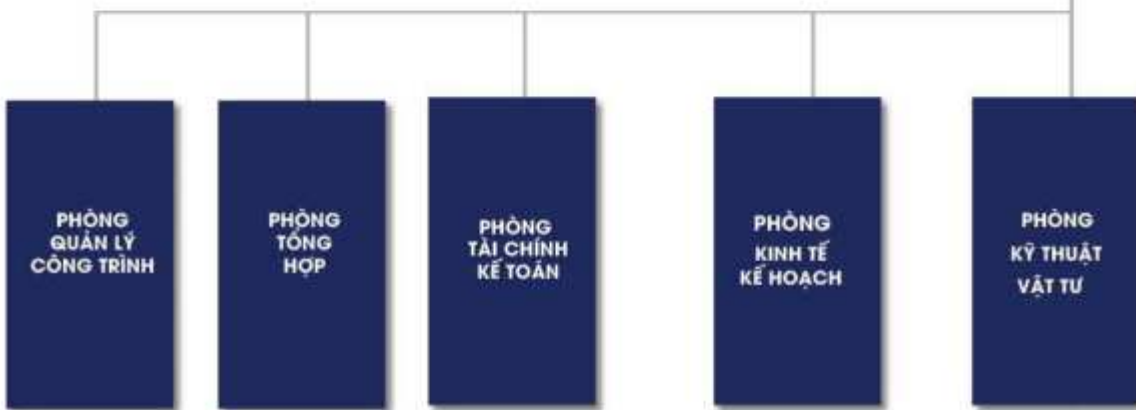


MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC



Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có quyền quyết định cao nhất tại VNECO. ĐHCĐ có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận, thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Tổng công ty; thông qua chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; quyết định bộ máy tổ chức của Tổng công ty và các quyền khác theo Điều lệ Tổng công ty và pháp luật hiện hành.

Hội đồng quản trị (HĐQT): là cơ quan quản trị của VNECO, có toàn quyền nhân danh VNECO để quyết định các vấn đề liên quan đến lợi ích, quyền lợi VNECO, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. Báo cáo trước ĐHCĐ tình hình kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, báo cáo quyết toán năm tài chính, phương hướng phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động của Tổng công ty. Bổ nhiệm, bãi nhiệm, giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và Ban điều hành. Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ Tổng Công ty. Quyết định triệu tập ĐHCĐ. Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ VNECO quy định.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của VNECO được tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

BAN KIỂM SOÁT

- 📍 Đại hội đồng cổ đông
- 📍 Hội đồng quản trị: gồm 5 thành viên (nhiệm kỳ 2020-2025)
- 📍 Ban kiểm soát: 03 thành viên, 01 thành viên chuyên trách (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
- 📍 Ban Điều hành trong năm 2023 gồm 05 thành viên (01 Tổng giám đốc & 04 Phó Tổng giám đốc); từ ngày 23/02/2023 Ban điều hành hiện tại gồm 04 thành viên (01 Tổng giám đốc & 03 Phó Tổng giám đốc). Từ ngày 02/01/2024 Ban điều hành hiện tại gồm 06 thành viên (01 Tổng giám đốc & 05 Phó tổng giám đốc).

PHÒNG
QLĐT & PTT
NĂNG LƯỢNG
TÀI TẠO

KHÁCH SẠN
XANH ĐÀ NẴNG

VNECO
CHI NHÁNH
HỒ CHÍ MINH

VNECO
CHI NHÁNH
MIỀN BẮC

CÔNG TY TNHH
MTV VNECO
MIỀN TRUNG

CÔNG TY CỔ
PHẦN NĂNG
LƯỢNG VNECO

CÔNG TY TNHH
MTV XÂY DỰNG
NĂNG LƯỢNG
VNECO

CÔNG TY TNHH
ĐIỆN GIÒ
THUẬN NHIÊN
PHONG

CÔNG TY TNHH
ĐIỆN MẶT TRỜI
VNECO
HÒA THẮNG

CÔNG TY TNHH
ĐẦU TƯ VNECO

Ban kiểm soát: Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát HĐQT, Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về các nhiệm vụ được giao.

Ban điều hành: Ban điều hành gồm 06 thành viên (01 Tổng giám đốc, 04 phó tổng giám đốc và 01 kế toán trưởng) do HĐQT bầu ra, Tổng giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Các Phó Tổng giám đốc được phân công phụ trách ban chỉ đạo công trình khu vực miền Bắc, Trung, Nam, phụ trách công tác đầu thầu

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TỔNG CÔNG TY

Văn phòng Tổng Công ty: Số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Đơn vị trực thuộc:

- Khách sạn xanh Đà Nẵng: Số 64 Hoàng Văn Thái, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng
- Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh: Số 337/30 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
- Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc: 10A15 Đăm Trấu, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CÁC CÔNG TY CON

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Địa chỉ: Khối 3, Trung Đô, Tp. Vinh, Nghệ An
Vốn điều lệ: 13.197.100.000 đ
Vốn góp của VNECO: 6.985.720.000đ tương đương 52,93% vốn điều lệ



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 4

Địa chỉ: 197 Nguyễn Trường Tộ, Tp. Vinh, Nghệ An
Vốn điều lệ: 10.280.000.000đ
Vốn góp của VNECO: 5.192.580.000đ tương đương 54,73% vốn điều lệ



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: 10 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Vốn điều lệ: 18.000.100.000đ
Vốn góp của VNECO: 9.746.980.000đ tương đương 55,93% vốn điều lệ



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 12

Địa chỉ: 155 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.
Vốn điều lệ: 12.000.000.000đ
Vốn góp của VNECO: 7.887.200.000đ tương đương 65,73% vốn điều lệ



CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VNECO

Địa chỉ: Số 125 Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
Hoạt động chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Tỷ lệ ích của Công ty mẹ : 51%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 51%





CÔNG TY TNHH ĐIỆN GIÓ THUẬN NHIÊN PHONG 1

Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Vốn góp của VNECO là 440.000.000.000 đồng



CÔNG TY TNHH ĐIỆN MẶT TRỜI VNECO - HÒA THẮNG

Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Vốn góp của VNECO là 20.000.000.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN VNECO - RME

Số 99 Lê Quốc Hưng, phường 12, quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh

Vốn góp của VNECO là 15.000.000.000 đồng

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VNECO

Số 132 Cao Đức Lân, phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

Vốn góp của VNECO là 23.580.000.000 đồng

CÔNG TY TNHH MTV VNECO - MIỀN TRUNG

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Vốn góp của VNECO là 1.631.184.792 đồng

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG NĂNG LƯỢNG VNECO

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Vốn góp của VNECO là 1.000.000.000 đồng

STT	TÊN CÔNG TY	VỐN GÓP	% VỐN ĐIỀU LỆ
	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	4.703.750.000	47,11%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU CHÍNH

(1) Xây dựng VNECO trở thành đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực xây lắp các công trình điện, thực hiện các hợp đồng EPC cho các công trình điện, thực hiện đầu tư các dự án sản xuất điện năng từ năng lượng tái tạo, đầu tư kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn và du lịch...

(2)- Đầu tư năng lượng: tập trung nguồn lực đầu tư các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, mục tiêu phát triển bền vững công ty gắn với bảo vệ môi trường.

(3)- Sản xuất kinh doanh tăng trưởng bền vững nhằm tối đa hóa lợi nhuận công ty, tối đa hóa giá trị cho cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.



(4)- Tiếp tục phát triển các hệ thống máy móc, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào thực tiễn sản xuất; chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng, có tác phong công nghiệp và kỷ luật cao.

(5)- Xác định ngành nghề cốt lõi trung và dài hạn vẫn là xây lắp truyền thống. Bên cạnh đó để phát triển bền vững và không độc canh ngành nghề xây lắp, định hướng phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo để phát triển bền vững. Bên cạnh đó quan tâm đầu tư vào lĩnh vực Bất động sản, du lịch trong từng giai đoạn và từng thời điểm.

(6)- Tôn trọng và tuân thủ pháp luật, quản trị Công ty minh bạch tạo sự phát triển bền vững, mạnh mẽ.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

- ◇ - Lĩnh vực xây lắp công trình điện: Tiếp tục đẩy mạnh công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm trong lĩnh vực xây dựng điện phát huy tối đa ưu thế về ngành nghề truyền thống. Áp dụng mô hình quản lý thi công theo Ban chỉ đạo từng vùng miền. Từng bước đưa các kỹ sư kỹ thuật làm chỉ huy trưởng chỉ đạo thi công. Kéo dài không chạm đất thay thế toàn bộ thiết bị thi công truyền thống trước đây nhằm rút ngắn thời gian thi công, giảm chi phí đến bù, giảm thiểu rủi ro trong quá trình thi công, giảm thiểu tối đa tác động, môi trường, nâng cao chất lượng công trình và tạo hình ảnh chuyên nghiệp trong lĩnh vực xây lắp điện Việt Nam
- ◇ - Lĩnh vực xây lắp năng lượng tái tạo: Tăng cường tiếp cận với các đơn vị tư vấn, thiết kế, chủ đầu tư để nắm thông tin về các dự án năng lượng tái tạo; Phối hợp với các đối tác, nhà thầu lớn có tiềm năng, thực hiện liên doanh, liên kết triển khai các dự án EPC lớn để bổ sung hồ sơ năng lực; Sớm thực hiện hoàn thành thủ tục đo gió cho dự án điện gió Lê Thủy 3 với công suất 100Mw nhằm hoạch định cơ hội cho các năm tiếp theo.
- ◇ - Lĩnh vực sản xuất công nghiệp: Đầu tư vào nghiên cứu phát triển sản phẩm tại các đơn vị thành viên. Bổ sung, hoàn thiện cơ chế quản lý của Tổng công ty phù hợp với tình hình kinh doanh từng đơn vị, phát huy tối đa sức mạnh của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con.
- ◇ - Lĩnh vực bất động sản: Phát triển và khai thác các dự án bất động sản hiện có; tìm kiếm thêm nhiều dự án BĐS mới đảm bảo hiệu quả cho Doanh nghiệp.
- ◇ - Lĩnh vực dịch vụ phục vụ công tác lắp dựng Turbine điện gió: Với mục tiêu quyết tâm phấn đấu trở thành một trong những đơn vị có năng lực thực hiện Tổng thầu EPC các dự án nhà máy điện gió, vì vậy Tổng Công ty đã đầu tư 2 Cần cầu 800 tấn và hệ thống cầu nhỏ khác đi kèm là một trong những mắt xích quan trọng trong chuỗi các hạng mục quyết định sự thành công của chiến lược.
- ◇ - Lĩnh vực đầu tư nguồn điện: Thực hiện tổng thầu một số dự án nhà máy điện, đặc biệt chú trọng phát triển các dự án năng lượng tái tạo (điện gió và điện mặt trời)
- ◇ - Định hướng tái cấu trúc doanh nghiệp: Thực hiện tái cấu trúc các khoản đầu tư ngoài ngành và các khoản đầu tư hiệu quả thấp song song với việc thực hiện tái cấu trúc bộ máy hoạt động, giảm chi phí quản lý. Tái cấu trúc tài sản nội tại nhằm chiết giảm chi phí tài chính, chi phí quản lý.

ĐỊNH HƯỚNG TÀI CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tái cấu trúc vốn tại một số công ty con và liên kết kinh doanh không hiệu quả, đồng thời đầu tư nâng tỷ lệ cổ phần tại một số công ty phục vụ cho mục đích phát triển của Tổng Công ty.

Để triển khai thực hiện đầu tư dự án năng lượng tái tạo thành công và hiệu quả cần chuẩn bị:

- ◇ Nguồn nhân lực: Bố trí Phó Tổng giám đốc phụ trách, cán bộ kỹ thuật công nghệ, cán bộ Vật tư Xuất nhập khẩu, bộ phận quản lý dự án, cán bộ tài chính tìm kiếm nguồn vốn đầu tư cho dự án.
- ◇ Nguồn lực về tài chính: Bố trí đủ nguồn vốn tự có và vốn vay thương mại để triển khai thực hiện đầu tư, hoàn thành sớm để khai thác dự án.
- ◇ Tổ chức thành lập công ty con theo quy định pháp luật hiện hành và bộ máy để triển khai thực hiện từng dự án đầu tư.
- ◇ Nghiên cứu liên doanh liên kết với nhà cung cấp sản phẩm pin mặt trời để thực hiện hợp đồng PC (cung cấp thiết bị công nghệ và thi công lắp đặt cho dự án điện mặt trời) hoặc EPC (thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công lắp đặt cho dự án điện mặt trời). Thực hiện EPC cho hệ thống điện đường dây và TBA kết nối lưới điện quốc gia của các dự án điện gió và điện mặt trời.





MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- ◇ Đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) hướng tới phát triển bền vững, góp phần giải quyết bài toán về an ninh năng lượng qua đó hiện thực hóa chiến lược phát triển xanh của đất nước.
- ◇ Kiên trì mục tiêu giữ vững hoạt động, tiến tới phát triển an toàn bền vững, bảo vệ lợi ích nhà đầu tư, lợi ích cổ đông.
- ◇ Mở rộng thị trường hoạt động ra các nước láng giềng: Lào, Campuchia
- ◇ Đề cao công tác an toàn sức khỏe môi trường, không để xảy ra các sự cố nghiêm trọng trong công tác thi công đường dây.
- ◇ Minh bạch thông tin tài chính, thông tin tình hình đầu tư và hoạt động.
- ◇ Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nâng cao nghiệp vụ cán bộ nhân viên, tăng năng suất lao động.
- ◇ Cải tiến quy trình hoạt động.
- ◇ Đào bảo an sinh xã hội, phúc lợi cao cho đội ngũ CBNV

TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG

Tổng Công ty cũng đã có những đóng góp nhất định cho sự phát triển bền vững cũng như đem lại các lợi ích kinh tế xã hội của địa phương bao gồm: Tạo việc làm cho người dân địa phương thông qua việc tuyển dụng lao động vào làm việc tại các nhà máy công trường; tăng thu nhập cho người dân; giảm tỷ lệ đói nghèo và tệ nạn xã hội; cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng tại địa phương thông qua xây dựng, nâng cấp hệ thống đường điện;....



RỦI RO

Rủi ro kinh tế vĩ mô

Năm 2023, nền kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức, diễn biến khó lường và ẩn chứa nhiều bất ổn. Lạm phát tuy hạ nhiệt, nhưng vẫn neo ở mức cao, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao; thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu tiếp tục suy giảm; hàng rào bảo hộ, phòng vệ thương mại gia tăng... ảnh hưởng đến hoạt động xuất, nhập khẩu.

Đối với Việt Nam, dù còn nhiều khó khăn song kinh tế năm 2023 đạt được nhiều kết quả tích cực, đáng ghi nhận và được các tổ chức quốc tế đánh giá cao.

- Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2023 tăng 5,05% so với cùng kỳ năm 2022.
- Chỉ số giá tiêu dùng bình quân (CPI) năm 2023 tăng 3,25% so với năm 2022, lạm phát cơ bản bình quân tăng 4,16% so với năm 2022 .
- Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới, thị trường bất động sản khó khăn, lãi suất tiết kiệm thấp vì vậy dòng tiền đã tìm đến các kênh trú ẩn an toàn như vàng, USD làm giảm thiếu nguồn cung vốn cho sản xuất. Giá vàng trong nước bình quân năm 2023 tăng 4,16% thấp hơn so với mức tăng của năm 2022. Trên thế giới, giá đồng đô la Mỹ có xu hướng giảm khi triển vọng kinh tế toàn cầu đang suy yếu. Chỉ số giá đô la Mỹ bình quân năm 2023 tăng 1,86% so với cùng kỳ năm trước.





- Xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ: Năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 683 tỷ USD, giảm 6,6% so với năm 2022; trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 355,5 tỷ USD, giảm 4,4% so với năm 2022. Tổng kim ngạch nhập khẩu năm 2023 ước đạt 327,5 tỷ USD, giảm 8,9% so với năm 2022. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2023 ước tính xuất siêu 28 tỷ USD (năm 2022 xuất siêu 12,1 tỷ USD).

- Lãi suất thị trường năm 2023: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có 4 lần điều chỉnh giảm lãi suất điều hành với tổng mức giảm từ 0,5 - 2%/năm, đồng thời chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí để giảm lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân và nền kinh tế phục hồi sản xuất, kinh doanh. Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế giảm từ mức 4,5%/năm xuống chỉ còn 4%/năm. Với những động thái giảm lãi suất điều hành, diễn biến của lãi suất trong năm 2023 đã giảm mạnh. Việc giảm lãi suất điều hành tạo điều kiện để các ngân hàng thương mại giảm lãi suất huy động, từ đó giảm lãi suất cho vay.

Với đặc thù ngành, các công trình thi công xây dựng thường là những công trình có quy mô lớn, phát sinh thường xuyên nhu cầu tín dụng ngắn hạn như các công trình hệ thống lưới điện, công trình đầu tư nguồn điện... do đó biến động về lãi suất cũng ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Sự thay đổi của nền kinh tế sẽ có những tác động đến hầu như toàn bộ các lĩnh vực của nền kinh tế, không loại trừ VNECO. Sự thay đổi các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế sẽ có những tác động trực tiếp đến nhu cầu tiêu thụ điện năng, từ đó tác động đến quy hoạch nguồn cung điện và xây lắp điện, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh VNECO. Cùng với đà hồi phục mạnh của nền kinh tế, nhu cầu điện năng tăng kéo theo cơ hội cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất điện và truyền tải điện.

Để giảm thiểu những tác động từ kinh tế, Ban Điều hành VNECO thường xuyên theo dõi tình hình kinh tế vĩ mô nhằm kịp thời phát hiện và đưa ra các biện pháp ngăn chặn các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của VNECO



Rủi ro pháp lý

- ◇ Là một công ty cổ phần niêm yết, VNECO chịu sự chi phối bởi hệ thống luật pháp Việt Nam mà trực tiếp là Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Chứng khoán, Luật Đất đai, và các Bộ Luật chuyên môn khác....
- ◇ Rủi ro pháp lý là vấn đề quan trọng hàng đầu đối với doanh nghiệp, nhất là trong bối cảnh nền kinh tế chuyển đổi và hệ thống pháp luật đang còn nhiều sự bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo, phức tạp..., điều này tạo ra những thách thức trong công tác cập nhật và triển khai thực hiện các nghiệp vụ có liên quan tại Tổng Công ty.
- ◇ Một số văn bản quy phạm pháp luật điều tiết hoạt động xây lắp điện như Quyết định 4970/QĐ-BCT sẽ có những ảnh hưởng trực tiếp đến công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm cũng như tỷ lệ lợi nhuận gộp biên của các doanh nghiệp trong ngành nói chung và VNECO nói riêng.
- ◇ Để giảm thiểu loại rủi ro này, Tổng Công ty thường xuyên chủ động cập nhật liên tục sự thay đổi các quy định pháp luật mới trong lĩnh vực kinh doanh, cũng như các văn bản pháp lý khác chi phối đến hoạt động của mình từ đó có thể đưa các chiến lược phát triển phù hợp, giảm thiểu tác động xảy ra, đảm bảo công tác thực hiện các nghiệp vụ có liên quan tại Tổng Công ty được diễn ra thuận lợi, bên cạnh đó hoạt động kinh doanh của VNECO cũng được duy trì ổn định.

Rủi ro ngành

- ◇ Đặc thù của hoạt động xây dựng (xây lắp công trình công nghiệp, dân dụng, xây dựng điện,...) là thời gian thi công kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần. Hơn nữa điều kiện làm việc ngoài trời chịu sự tác động ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên như: xây dựng các đường dây và trạm biến áp, các công trình hạ tầng cơ sở...
- ◇ Ngoài ra, ngành còn phải chịu nhiều rủi ro từ các quy định pháp lý kể cả việc quy hoạch đất đai, tài sản. Bên cạnh đó, quá trình thi công các công trình còn phụ thuộc nhiều vào tiến độ cung cấp hàng của chủ đầu tư, công tác đền bù giải phóng mặt bằng, khả năng thực hiện dự án cũng như môi trường quản lý điều hành và hoạch định của Nhà nước...
- ◇ Thời gian thi công thường kéo dài, tiến độ thực hiện chịu sự tác động của nhiều phía.
- ◇ Điều kiện lao động ngoài trời, vừa thi công các công việc ở phần ngầm dưới đất, vừa thi công các phần việc ở trên cao nên có nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và sự cố.
- ◇ Đặc thù nguyên vật liệu: Sắt, thép, kẽm, gạch đá xi măng và nhiên liệu chiếm phần lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất và xây lắp các công trình. Do vậy, sự biến động về giá cả của các chủng loại nguyên nhiên vật liệu có ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Tổng công ty.
- ◇ Bên cạnh đó tình hình cạnh tranh gay gắt cũng là một trong những rủi ro đáng lo ngại trong quá trình hoạt động của VNECO, khi thực tế cho thấy Tổng Công ty đang chịu nhiều sự cạnh tranh từ các đối thủ có tiềm lực và các đối thủ mới ngày càng nhiều trong ngành xây lắp điện.



Rủi ro thanh toán

- ◇ Rủi ro đặc thù của các doanh nghiệp trong ngành là rủi ro tài chính, cụ thể là rủi ro thanh toán (đặc biệt là thanh toán phát sinh) sẽ ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của doanh nghiệp.
- ◇ Rủi ro của VNECO có thể phát sinh nợ đọng từ các Chủ đầu tư, do các thủ tục thanh toán với Chủ đầu tư thường mất nhiều thời gian do phải duyệt qua nhiều khâu, dẫn đến kéo dài thời gian thanh toán, làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp; đồng thời các chủ đầu tư cũng bị ảnh hưởng bởi chính sách thắt chặt tiền tệ, nên việc giải ngân vốn cho nhà thầu qua hệ thống ngân hàng thương mại cũng gặp nhiều khó khăn.
- ◇ VNECO đang cố gắng có sự chủ động về nguồn vốn để có khả năng luân chuyển vốn tốt nhất, tránh ảnh hưởng đến khả năng thanh toán, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn và kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Rủi ro môi trường

- ◇ Với hoạt động chính là xây dựng các công trình hệ thống điện, trong quá trình hoạt động VNECO không tránh khỏi việc gây ra những tác động nhất định đến môi trường xung quanh khu vực thi công các công trình. Một số yếu tố có thể kể đến như các loại khí thải từ các phương tiện vận tải, tiếng ồn từ các thiết bị xây dựng,...Nhằm hạn chế những tác động đến môi trường quanh khu vực thi công, Tổng Công ty tăng cường nghiên cứu các phương pháp thi công mới, tiên tiến, tiết kiệm nhân lực và diện tích ảnh hưởng.

Rủi ro thi công

- ◇ Quá trình thi công xây lắp các công trình điện, các công trình năng lượng tái tạo và lắp đặt máy biến áp đòi hỏi tính chính xác và an toàn cao về mặt kỹ thuật. Vì vậy để giảm thiểu tối đa rủi ro này, Tổng Công ty phải thực hiện thi công theo đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật...

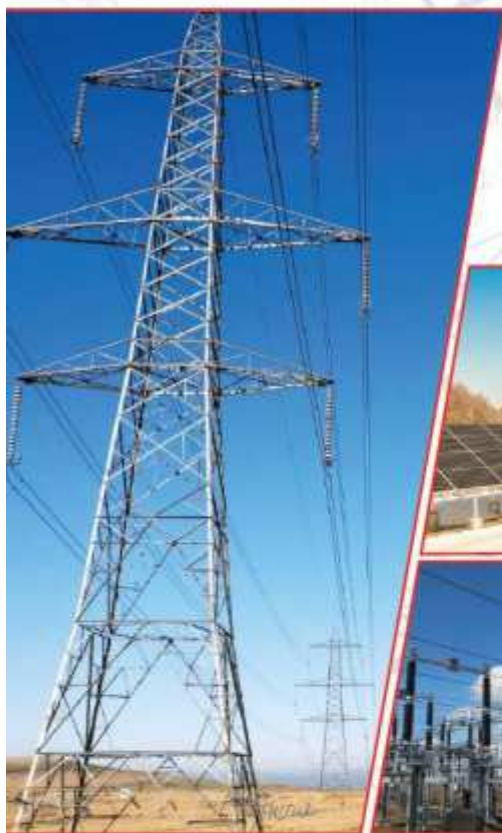
Rủi ro khác

- ◇ Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... đều ít nhiều gây ảnh hưởng đến hoạt động của Tổng công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây dựng như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại (phá hủy một phần hoặc toàn bộ các hạng mục công trình đã, đang thi công). Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu.
- ◇ Vì vậy, VNECO phải cập nhật theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện cán bộ công nhân viên về phòng chống cháy nổ, an toàn lao động.

PHẦN II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

Hoạt động SXKD	35
Tổ chức nhân sự	38
Hoạt động đầu tư	46
Tình hình tài chính	50
Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư CSH	52





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

VNECO là một trong những đơn vị đầu tiên và chủ lực trong ngành xây lắp điện và là một trong số ít những đơn vị có kinh nghiệm thi công đường dây & trạm biến áp 500kV cũng như thực hiện hợp đồng EPC các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp cao áp. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty tập trung 4 mảng chính trong đó cốt lõi là xây lắp các công trình điện. Tỷ trọng doanh thu xây lắp hàng năm chiếm khoảng 60-85% tổng doanh thu Tổng Công ty.

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2022	2023
1	Doanh thu thuần	2.132.865	1.057.691
2	Tăng trưởng DTT	6,70%	-50,41%
3	Lợi nhuận trước thuế	18.705	(19.725)
4	Tăng trưởng LNTT	51,60%	-205,45%
5	LNST hợp nhất	10.079	(28.540)
6	Tăng trưởng LNST Hợp nhất	6,33%	-383,16%
7	LNST Công ty mẹ	14.471	(18.116)
8	Tăng trưởng LNST Công ty mẹ	82,07%	-225,19%



Năm 2022: Doanh thu thuần đạt 2.132 tỷ đồng, tăng 6,70% so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu do:

- Doanh thu hoạt động xây lắp điện truyền thống, cung cấp, lắp đặt giảm 2,17% so với cùng kỳ năm 2021 tương đương giảm 16,56 tỷ đồng; doanh thu hoạt động chuyển nhượng bất động sản năm 2022 giảm 89,93% so với cùng kỳ năm 2021 tương đương giảm 6,87 tỷ đồng; doanh thu hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 tăng 12,82% tương đương tăng 157,31 tỷ đồng;

Đồng thời, do một số công trình còn đang vướng mắc thủ tục đến bù giải phóng mặt bằng thi công, đồng thời do vướng về Room tín dụng nên doanh nghiệp đang gặp rất nhiều khó khăn khi tiếp cận nguồn vốn vay của các ngân hàng thương mại, dẫn đến chậm giải ngân thanh toán vốn cho nhà thầu, nhà cung cấp vật tư, thiết bị... Vì vậy đã không đẩy nhanh được tiến độ thi công các công trình xây lắp điện để nghiệm thu kịp thời với các chủ đầu tư, sau khi điều chỉnh các giao dịch nội bộ, lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 tăng 38.078 triệu đồng, tương đương tăng 40,08% so với cùng kỳ năm 2021;

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 sau khi bù đắp các khoản chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp đã làm cho lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ năm 2022 đạt 14,47 tỷ đồng tăng 82,06% so với cùng kỳ năm 2021 tương đương tăng 6,52 tỷ đồng

Năm 2023: Doanh thu thuần đạt 1.058 tỷ đồng, giảm 50,41% so với cùng kỳ năm 2022, chủ yếu do:

- Doanh thu hoạt động xây lắp điện truyền thống, cung cấp, lắp đặt giảm 44,02% so với cùng kỳ năm 2022 tương đương giảm 328,63 tỷ đồng; doanh thu hoạt động chuyển nhượng bất động sản năm 2023 không có phát sinh; doanh thu hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023 giảm 53,87% tương đương giảm 745,84 tỷ đồng;

Đồng thời, một số công trình còn tiếp tục vướng các thủ tục đến bù giải phóng mặt bằng thi công, tiến thanh toán từ các chủ đầu tư về chậm ảnh hưởng đến việc chậm giải ngân thanh toán vốn cho nhà thầu, nhà cung cấp vật tư, thiết bị... Vì vậy đã không đẩy nhanh được tiến độ thi công các công trình để nghiệm thu kịp thời với các chủ đầu tư, doanh thu sụt giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2022. Tuy nhiên, sau khi điều chỉnh các giao dịch nội bộ, lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023 tăng 26,03 tỷ đồng, tương đương tăng 19,56% so với cùng kỳ năm 2022;

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính năm 2023 không đủ bù đắp được các khoản chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp nên đã làm cho lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên BCTC Hợp nhất năm 2023 bị lỗ 28.540 triệu đồng, giảm 38,62 tỷ đồng, tương đương giảm 383,16% so với cùng kỳ năm 2022. Đồng thời, Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ trên BCTC Hợp nhất năm 2023 bị lỗ 18.116 triệu đồng, giảm 32,58 tỷ đồng, tương đương giảm 225,19% so với cùng kỳ năm 2022.



Biến động chi phí

TT	Chỉ tiêu	2022	2023
1	Giá vốn/DTT	93,76%	84,96%
2	CP quản lý/DTT	0,93%	5,39%
3	CP tài chính/DTT	5,14%	12,21%
4	CP khác/DTT	0,17%	0,20%

Cùng với sự thay đổi trong cơ cấu doanh thu, tỷ lệ lợi nhuận gộp biên cũng thay đổi trong năm 2023.

Trong đó:

Biên lợi nhuận của hoạt động xây lắp dưới tác động của Quyết định 4970/BCT và sự cạnh tranh khốc liệt của ngành nên giảm sút mạnh. Tỷ lệ các loại chi phí trên doanh thu đều cao hơn năm 2022.

Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh 2023:

Vĩ mô:

- Năm 2023 bối cảnh tình hình thế giới phát sinh nhiều biến động, diễn biến phức tạp, khó dự báo. Căng thẳng địa chính trị, tranh chấp giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, lạm phát và giá nhiên liệu tăng cao khiến đà phục hồi của kinh tế thế giới chậm lại. Ở trong nước, nền kinh tế Việt Nam chịu tác động về nhiều mặt, mặc dù kinh tế vĩ mô duy trì ổn định nhưng tăng trưởng kinh tế gặp nhiều khó khăn; thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản có nhiều biến động...

Ngành:

- Tháng 12/2016, Bộ Công thương ban hành Quyết định 4970 quy định về định mức dự toán cho công tác xây dựng đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp. Điều này làm cho biên lợi nhuận gộp của các công ty xây lắp điện nói chung và Tổng Công ty nói riêng giảm mạnh.
- Nhiều dự án của ngành điện được triển khai, tạo điều kiện cho Tổng Công ty tham gia và trúng thầu một số công trình.
- Công tác thi công phụ thuộc vào cắt điện của Chủ đầu tư, vướng đến bù giải phóng mặt bằng, vật tư chủ đầu tư cấp chậm, thời tiết ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả SXKD.
- Xu hướng phát triển chung của ngành điện là các dự án PC, EPC, cấp ngầm...

Nội tại Doanh nghiệp:

*** Các yếu tố tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh năm 2023:**

- Cạnh tranh trong công tác đấu thầu ngày càng gay gắt và quyết liệt;
- Dự toán các công trình xây lắp điện của các Chủ đầu tư rất thấp vì vậy giá trúng thầu giá trúng thầu và thực tế thi công rất khó khăn, có công trình vừa trúng thầu đã bị lỗ do biến động yếu tố đầu vào;
- Giá cả vật liệu xây dựng và chi phí biến động tăng cao đột biến, đến bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn;
- Tình hình thanh toán vốn của các Chủ đầu tư rất chậm, dòng tiền luân chuyển rất khó khăn.
- Áp lực trả nợ gốc và lãi vay lớn khi đến hạn.

*** Các yếu tố tác động tích cực đến kết quả kinh doanh năm 2023:**

- Sự điều hành kịp thời và quyết liệt của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, của cả hệ thống, sự nỗ lực của CBCNV toàn Tổng Công ty, sự quyết tâm của các đơn vị trong tổ hợp và các đối tác;
- Một số dự án năng lượng tái tạo, bất động sản tiếp tục hoàn thiện các thủ tục đấu tư để có cơ sở triển khai đấu tư trong thời gian tới.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách ban điều hành

Ban điều hành đều là những người có thâm niên công tác lâu năm trong ngành xây lắp điện và gắn bó với Tổng Công ty từ khi thành lập đến nay. Điều này giúp cho Ban điều hành có những hiểu biết sâu sắc về hoạt động kinh doanh cốt lõi cũng như duy trì mối quan hệ rộng trong ngành.

Ban điều hành Tổng công ty nhiệm kỳ mới (2020-2025) đã được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, cụ thể như sau:

Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm thành viên BĐH
Ông Trần Quang Cẩn - Tổng Giám Đốc	20/10/1968	Thạc sỹ kinh tế - Quản trị kinh doanh	QĐ thôi giữ chức Tổng Giám Đốc có hiệu lực từ 17h ngày 23/02/2023
Ông Nguyễn Tịnh - Tổng Giám Đốc	08/05/1974	Kỹ sư xây dựng Thủy lợi - Thủy điện	QĐ bổ nhiệm Tổng Giám Đốc có hiệu lực từ 17h ngày 23/02/2023
Ông Lê Văn Khôi - P.Tổng Giám Đốc	30/10/1974	Kỹ sư điện	QĐ tái bổ nhiệm ngày 01/07/2020
Ông Trần Văn Huy - P.Tổng Giám Đốc	01/05/1965	Thạc sỹ kinh tế - Quản trị kinh doanh	QĐ tái bổ nhiệm ngày 01/07/2020
Ông Phạm Hữu Minh Huy - P.Tổng Giám Đốc	28/07/1973	Kỹ sư Xây Dựng	QĐ tái bổ nhiệm ngày 01/07/2020
Ông Nguyễn Văn Quảng - P. Tổng Giám Đốc	26/03/1964		QĐ bổ nhiệm Ngày 02/02/2024
Ông Đỗ Ngọc Long- P.Tổng Giám Đốc			QĐ bổ nhiệm Ngày 02/02/2024
Ông Phạm Đỗ Minh Triết	08/01/1994	Cử nhân tài chính - kế toán	QĐ bổ nhiệm ngày 01/07/2020

Năm sinh: 20/10/1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Sửa Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2023: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

Thời gian	Vị trí
Từ 2000 - 2005	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Công ty xây lắp điện 3
Từ 2005 - 2006	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
Từ 11/2006 - 07/2012	Phó phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
Từ 07/2012 - 12/2016	Thạc sỹ kinh tế, Phó phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
Từ 11/2016 - 7/2017	Thạc sỹ kinh tế, Trưởng Ban QLRR&KSNB Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
Từ 8/2017 - 30/06/2020	Thạc sỹ kinh tế, Thành viên HĐQT, kiêm Kế toán trưởng Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
01/7/2020	Miễn nhiệm Kế toán trưởng Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
Từ 01/7/2020 -17h 23/02/2023	Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
Từ 17h 23/02/2023 - 19/11/2023	Thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tổng Công ty; Bổ nhiệm Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
Từ 19/11/2023 - nay	Thành viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam



**Ông TRẦN QUANG CẨN
NGUYỄN TỔNG GIÁM ĐỐC**



Ông NGUYỄN TINH
TÂN TỔNG GIÁM ĐỐC VNECO

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2023: 171.109 cổ phần - tỷ lệ 0,19% vốn điều lệ

Thời gian	Vị trí
08/1997-10/2002	Cán bộ phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
11/2002 - 10/2003	Phó phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
11/2003 - 03/2004	Phó ban Quản lý các dự án đầu tư Công ty Xây lắp điện 3
04/2004 - 11/2005	Trưởng ban QL các dự án đầu tư Công ty Xây lắp điện 3
12/2005 - 09/2009	Trưởng ban QL các dự án đầu tư Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
10/2009 - 04/2015	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
05/2015 - 17h 23/02/2023	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
17h 23/02/2023 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Năm sinh: 01/05/1965

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế, Cao cấp lý luận chính trị

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2023: 4.500 cổ phần - tỷ lệ 0,005% vốn điều lệ

Thời gian	Vị trí
7/1987 - 2/1988	Cán bộ giảng dạy khoa kinh tế - Đại học Kinh tế - Đại học Huế
3/1988 - 10/1994	Cán bộ kinh tế dự toán, Phòng Kinh tế dự toán Công ty Xây lắp điện 3
11/1994 - 11/1995	Phó phòng Kinh tế dự toán Công ty Xây lắp điện 3
12/1995 - 8/1999	Phó chánh Văn phòng, Chánh văn phòng Công ty Xây lắp điện 3
9/1999 - 9/2002	Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch - Công ty Xây lắp điện 3
10/2002 - 11/2005	Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch - Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước - Bộ Công nghiệp)
12/2005 - 12/2006	Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch, Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
01/2007 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam



Ông TRẦN VĂN HUY
Phó Tổng Giám đốc VNECO



Ông PHẠM HỮU MINH HUY
Phó Tổng Giám đốc VNECO

Năm sinh: 28/07/1973

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Số cổ phần nắm giữ tại VNECO: 198.591 cổ phần - tỷ lệ 0.22% vốn điều lệ

- 2001-2003 Chuyên viên phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp Điện 3
- 2003-2005 Phó Phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp Điện 3
- 2006- 15/9/2009 Phó Ban quản lý các dự án đầu tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
- 16/9/2009 - 7/2010 Trưởng phòng Kỹ thuật - Vật tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
- 7/2010 - 11/2013 Trưởng ban quản lý các dự án đầu tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
- 12/2013- 9/2017 Trưởng phòng Kỹ thuật - Vật tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
- 9/2017 - nay Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam

Năm sinh: 30/10/1974

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2023: 32.450 cổ phần - tỷ lệ 0.036% vốn điều lệ

- 8/1997-4/2003 Cán bộ phòng Vật tư Công ty Xây lắp điện 3
- 5/2003-3/2004 Phó phòng vật tư xuất nhập khẩu Công ty Xây lắp điện 3
- 4/2004-7/2009 Phó phòng Kỹ thuật vật tư Tổng CTCP Xây dựng điện Việt Nam
- 8/2009-6/2013 Phó giám đốc CTCP xây dựng điện VNECO 11
- 7/2013-5/2014 Giám đốc CTCP xây dựng điện VNECO 11
- 6/2014-5/2016 Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP xây dựng điện VNECO 11
- 6/2016 đến nay Phó Tổng giám đốc Tổng công ty CP Xây dựng điện Việt Nam



Ông LÊ VĂN KHÔI
Phó Tổng Giám đốc VNECO



Ông Nguyễn Văn Quảng - P. Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1964

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế năng lượng

Số cổ phần nắm giữ 31/12/2023: 3.600 cổ phần - tỷ lệ 0.004% vốn điều lệ.

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí
02/1984 - 12/1987	Chiến sỹ Phòng Tham mưu, Sư đoàn 341 Quân khu IV
01/1988 - 11/2005	Chuyên viên/Phó Phòng Tổ chức Công ty Xây lắp điện 3
12/2005 - 06/2014	Phó Phòng TCNSĐT Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam
07/2014 - 12/2023	Trưởng Phòng TCNSĐT/Trưởng Phòng Tổng hợp Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam
01/2024 đến nay	Phó Tổng Giám đốc/Trưởng Phòng Tổng hợp Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam

Ông Đỗ Ngọc Long - P. Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 23/01/1977

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng, thạc sỹ quản trị kinh doanh.

Số cổ phần nắm giữ 31/12/2023: 0 cổ phần - tỷ lệ 0.0% vốn điều lệ.

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí
9/2001 - 12/2003	Phòng kỹ thuật dự án Cty cổ phần cơ khí xây dựng công trình 623, thuộc Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 6
2003-2005	Phó phòng kỹ thuật dự án, Cty CP CKXDCT 623
2006-2009	Phó Giám đốc dự án công trình, CP CKXDCT 623
3/2009-8/2014	Phó Giám đốc Cty CP CKXDCT 623, chi nhánh Đà Nẵng
9/2014-9/2020	Tổng Giám đốc CP CKXDCT 623 Bình Dương
10/2020	Trợ lý Tổng giám đốc, Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam
02/2021-nay	Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO
9/2023 - nay	Giám đốc Công ty điện gió Thuận Nhiên Phong 1
1/2024- nay	Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam

Ông Phạm Đỗ Minh Triết - Kế toán trưởng

Năm sinh: 08/01/1994

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2022: 3.743.170 cổ phần - tỷ lệ 4,14% vốn điều lệ

2014 - 2016	Chuyên viên QHKH Doanh nghiệp Ngân hàng TMCP An Bình
2016 - 2017	Kế toán tổng hợp + quản lý nhà phân phối công ty Hyundai Corporation
2016 - 02/2020	Giám đốc điều hành Hotel 175
03/2020 đến 06/2020	Công ty cổ phần BCG Energy thuộc ban phát triển dự án
01/7/2020 đến nay	Kế toán trưởng Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam



Ông PHẠM ĐỖ MINH TRIẾT
Kế toán trưởng



Thay đổi trong Ban điều hành:

Ngày 23/02/2023 và ngày 02/01/2024, Tổng Công ty có thay đổi nhân sự của Ban điều hành và được cập nhật tại mục 2.2.1

Tình hình nhân sự

VNECO hiện có 143 lao động làm việc tại văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc.

TT	Tính chất phân loại	Năm 2023	Tỷ trọng
A	Theo trình độ	143	100%
1	Trình độ đại học, trên đại học	62	43,36
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	12	8,39
3	Khác	69	48,25
B	Theo hợp đồng lao động	143	100%
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	136	96,15
2	Hợp đồng từ 1-3 năm	6	4,20
3	Hợp đồng dưới 1 năm	1	0,70

Tổng Công ty đã thực hiện các lớp đào tạo chứng chỉ hành nghề Giám sát xây dựng hạng I; Đào tạo cấp thẻ an toàn cho công nhân kỹ thuật





Chế độ làm việc

Tổng công ty đã xây dựng thoả ước lao động tập thể được Hội nghị Người lao động thông qua và xây dựng Nội qui lao động được Sở lao động thương binh xã hội thành phố Đà Nẵng chấp nhận, được thông báo đến từng người lao động để thực hiện. Tổng Công ty đang áp dụng về giờ làm việc 40 giờ/tuần, nghỉ hàng tuần vào ngày thứ Bảy và ngày Chủ nhật, những trường hợp không thể nghỉ hàng tuần vào ngày thứ Bảy và ngày Chủ nhật thì sẽ bố trí nghỉ luân phiên hoặc thanh toán tiền làm thêm giờ theo qui định của Bộ luật Lao động và của Tổng công ty. Chế độ làm thêm giờ: Người sử dụng có thể thỏa thuận với người lao động để làm thêm giờ. Vào ngày thường bằng 150%; Vào ngày nghỉ hàng tuần bằng 200%; Vào những ngày nghỉ Lễ, Tết, ngày nghỉ có hưởng lương bằng 300% chưa kể tiền lương ngày nghỉ lễ, tết; Người lao động làm việc vào ban đêm, thì được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc của ngày làm việc bình thường. Chế độ nghỉ hàng năm: Người lao động có 12 tháng làm việc tại Tổng Công ty thì được nghỉ 12 ngày phép/năm, Người lao động có dưới 12 tháng làm việc thì số ngày nghỉ phép hàng năm được tính theo tỷ lệ tương ứng với số tháng làm việc; Ngoài ra, cứ mỗi 05 năm làm việc tại Tổng Công ty, người lao động được cộng theo 01 phép. Nghỉ lễ, tết : Tổng cộng 10 ngày theo qui định hiện hành. Tuy nhiên do đặc thù của ngành xây lắp, người lao động có thể được nghỉ thêm vào dịp tết Nguyên đán tùy thuộc vào mức độ hoàn thành kế hoạch trong năm và không ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch của năm sau; Chế độ ốm, đau, thai sản thực hiện theo quy định của pháp luật lao động hiện hành và theo hướng có lợi hơn cho người lao động.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Về tuyển dụng: Tổng Công ty ban hành quy chế tuyển dụng lao động và thực hiện việc tuyển dụng nhân sự qua các nguồn học sinh tốt nghiệp các trường Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các trường công nhân kỹ thuật trên địa bàn các tỉnh miền Trung và miền Bắc. Mục tiêu tuyển dụng của Tổng Công ty là thu hút những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật, tay nghề, năng lực thực tiễn đáp ứng yêu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển các lĩnh vực sản xuất điện năng, sản xuất công nghiệp và kinh doanh du lịch. Đối với các vị trí chủ chốt, yêu cầu tuyển dụng rất khắt khe, các tiêu chuẩn bắt buộc về trình độ chuyên môn, kỹ năng, năng lực quản lý, khả năng phân tích và dự báo.

Đào tạo: Công tác đào tạo, bồi dưỡng được Tổng Công ty quan tâm, chú trọng. Hàng năm, Tổng Công ty đã tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý và tay nghề cho công nhân viên. Hình thức đào tạo tập trung, đào tạo kèm cặp và gửi đi đào tạo bên ngoài. Đối với lao động mới tuyển dụng, Tổng Công ty tổ chức đào tạo nghiệp vụ để trang bị cho người lao động những kiến thức, kỹ năng cần thiết phục vụ cho công việc. Ngoài ra, tạo điều kiện bố trí công việc phù hợp để những lao động có khả năng phát triển mà có nhu cầu học tập nâng cao trình độ đi học các khoá đào tạo tập trung, đào tạo tại chức ở các trường đại học.



Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Tổng Công ty xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương phù hợp với đặc trưng của ngành nghề kinh doanh và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước. Việc trả lương thực hiện theo Quy chế chi trả tiền lương, thu nhập tương xứng theo vị trí công việc, mức độ đóng góp và hiệu quả làm việc của người lao động, phù hợp với xu thế tiền lương trên thị trường lao động. Tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật. Tổng Công ty thực hiện chính sách đãi ngộ xứng đáng để khuyến khích động viên nhân viên giỏi và thu hút lao động có trình độ, năng lực từ các nơi khác về làm việc cho Tổng Công ty.

Chính sách bảo hiểm: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động cho CBNV được Tổng Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Tổng Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho CBNV theo luật lao động và nội quy lao động.

Chính sách khen thưởng phúc lợi: thưởng đột xuất cho những người đã có đóng góp tích cực đem lại hiệu quả kinh tế cho Tổng Công ty

Chính sách đảm bảo an toàn lao động: Nhằm hạn chế tối đa các rủi ro trong quá trình sản xuất và thi công, Tổng Công ty thường quan tâm đến việc tuân thủ quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường. Bộ phận an toàn lao động của Tổng Công ty thường xuyên phối hợp với các Trường ban chỉ đạo thi công thực hiện kiểm tra đánh giá tình hình tuân thủ an toàn lao động tại công trình, thường xuyên tổ chức các khoá học tập, huấn luyện an toàn vệ sinh, phòng ngừa tai nạn cho người lao động, trang bị đầy đủ, kịp thời bảo hộ lao động (quần, áo, mũ...) có gắn logo của Tổng Công ty để đảm bảo an toàn trong thi công và nhận diện thương hiệu VNECO; Các đơn vị thi công trên công trường và cán bộ giám sát của Ban chỉ đạo không thực hiện nghiêm việc mặc trang phục bảo hộ lao động sẽ bị phạt tiền đối với đơn vị thi công và căn cứ đánh giá xếp loại lương đối với cán bộ giám sát của Tổng Công ty cho từng lần vi phạm. Lãnh đạo Tổng Công ty luôn quan tâm việc đầu tư và cải tiến công nghệ nhằm đảm bảo an toàn cho CBNV.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Các dự án đang thực hiện

Dự án khu đô thị mới Mỹ Thượng - Thừa Thiên Huế

Địa điểm: xã Phú Mỹ và Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Diện tích đất dự án: 43,1 ha.

Quy mô: Quý đất được giao bao gồm đất ở được phân lô bán nền và đất ở kèm nhà thô là 998 lô; đất thương mại dịch vụ: 3 lô

Tổng mức đầu tư: 832 tỷ đồng

Tình hình triển khai dự án: Toàn bộ dự án đã đầu tư xong phần hạ tầng kỹ thuật, chỉ riêng đến thời điểm hiện nay, phần đấu nối hệ thống các hạng mục hạ tầng kỹ thuật trên các tuyến đường 3D, 3E, 3G chưa triển khai thi công được, nguyên nhân do các tuyến đường 36m và 100m chưa được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đầu tư xây dựng nền VNECO chưa có mặt bằng để thi công phần tiếp giáp các tuyến đường trên. Đồng thời, đối với diện tích đất khu thương mại dịch vụ kết hợp chung cư (với diện tích được giao để thực hiện là 32.559,9 m², bao gồm các khu CT2, CT3 và CT4), VNECO đã thực hiện đầu tư xây dựng phần hạ tầng kỹ thuật theo phê duyệt của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận QSD đất cùng với tuyến đường giao thông 100m chưa được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đầu tư xây dựng nên chưa có đủ điều kiện về hạ tầng kỹ thuật để triển khai thực hiện. Đồng thời do hệ thống thoát nước thải của tỉnh Thừa Thiên Huế chưa hoàn chỉnh, chưa có điểm đấu nối chính thức.

Như vậy tính lũy kế đến thời điểm 31/12/2023, VNECO đã chuyển nhượng được 268 lô đất được phân lô bán nền (diện tích đất chuyển nhượng là 31.546m²) và chuyển nhượng 608 lô đất kèm với xây dựng nhà thô (diện tích đất chuyển nhượng là 77.878m²). Tổng diện tích đã chuyển nhượng lũy kế là 109.424,10m², với doanh thu chuyển nhượng lũy kế là 665,112 tỷ đồng.

Hoàn thành phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM); Hoàn thành Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án "trạm bơm và tuyến ống thu gom nước thải ngoài phạm vi hàng rào dự án".

Thực hiện và trình đồ án điều chỉnh cục bộ các lô đất TMDV kết hợp chung cư CT2, CT3, CT4 và Bổ sung các chỉ tiêu quy hoạch (mật độ, chiều cao, hệ số sử dụng đất) của 3 lô đất CT 2,3,4 vào đồ án quy hoạch phân khu C An Vân Dương. Hoàn thành việc kiểm tra thực tế, lên chi tiết các hạng mục cần sửa chữa của hệ thống điện chiếu sáng và hệ thống cây xanh để chuẩn bị nghiệm thu bàn giao.

Dự án điện gió Thuận Nhiên Phong - Bình Thuận:

Địa điểm: thôn Hồng Chính, xã Hoà Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

Loại, cấp, quy mô công trình: Công nghiệp năng lượng, cấp II, tổng công suất 30,4MW.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1 (Công ty con 100% vốn đầu tư của Tổng Công ty.

Tổng mức đầu tư: 1.251 tỷ đồng.

Tổng giá trị hoàn thành: 1.234 tỷ đồng

Các hạng mục công trình chính:

- Xây dựng và lắp đặt 08 trụ turbine gió, công suất 3,8MW/turbine; Tổng công suất nhà máy 30,4MW, sản lượng điện hàng năm khoảng 106.952MWh (tương ứng với chiều cao đặt hub 131,4m);
- Xây dựng hệ thống đường giao thông gồm: đường giao thông kết nối với hệ thống giao thông hiện hữu và đường giao thông nội bộ phục vụ thi công, vận hành nhà máy;
- Lắp đặt hệ thống cáp ngầm nội bộ 22kV để kết nối các Turbine gió với trạm biến áp 22/110kV, các trạm biến áp nâng áp 0,69/22kV và các thiết bị đóng cắt 22kV được xây dựng lắp đặt bên trong turbine gió;
- Xây dựng nhà điều hành quản lý dự án, nhà điều hành các trại gió và các hạng mục phụ trợ khác;



Đến thời điểm ngày 31/10/2021, đã vận hành phát điện thương mại (COD) được 05/08 Turbine (tương đương phát điện 19Mw/30,4Mw) và đang hoàn thiện các thủ tục phát điện cho 3 Turbine còn lại thời gian tới khi có giá FIT2.

Dự án điện mặt trời tại xã Hòa Thắng, Bình Thuận:

- ◇ Thực hiện chủ trương của HĐQT Tổng công ty đã triển khai xin đầu tư dự án năng lượng sạch, điện mặt trời kết hợp trên khu đất của điện gió Thuận Nhiên Phong.
- ◇ Đã làm việc với các Sở ban ngành của UBND tỉnh Bình Thuận xin chủ trương thực hiện đầu tư dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.1 và 4.2. Sau khi xem xét các ý kiến của các Sở ban ngành và tình hình thực tế, UBND tỉnh Bình Thuận đã có Tờ trình gửi Bộ Công thương đề nghị cho Tổng công ty đầu tư dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.2 công suất 48,99 MWp, tại xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, phối hợp với Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 làm hồ sơ gửi Bộ Công thương.
- ◇ Bộ công thương đã tiếp nhận hồ sơ bổ sung quy hoạch, hiện tại đang tạm dừng nội dung theo văn bản số 174/TB-VPCP ngày 10 tháng 5 năm 2018 của văn phòng Thủ tướng chính phủ.

Dự án VNECO DC tại 66 Hoàng Văn Thái, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng:

- ◇ Bao gồm cả các lô đất 64 & 66 Hoàng Văn Thái
- ◇ Đã nộp hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án lên UBND thành phố và nhận phản hồi hoàn thiện công tác đất đai trước khi trình chấp thuận chủ trương đầu tư;
- ◇ Đã rà soát nguồn gốc đất theo các phương án cổ phần hóa và xác định nguồn gốc đất không liên quan đến quá trình cổ phần hóa;
- ◇ Đã làm việc với sở Tài nguyên Môi trường thành phố để hướng dẫn về công tác đất đai dự án
- ◇ Đã làm việc với Trung tâm phát triển quỹ đất để tìm bổ sung lô đất ở (liền thửa) vào kế hoạch đấu giá năm 2023 nhưng chưa thành công;
- ◇ Đã xin phê duyệt tỉnh không dự án với chiều cao 120m;
- ◇ Đã làm việc với tư vấn và CĐT đồ án quy hoạch phân khu để bổ sung các chỉ tiêu tầng cao 30 tầng, mật độ xây dựng 40-60%, dân số 5.900 dân cho dự án.
- ◇ Ký hợp đồng gói concept với Cubic đã báo cáo lần 2 và đang tạm ngưng thực hiện hợp đồng để chờ CĐT hoàn thiện công tác đất đai, điều chỉnh lại ranh giới đất dự án.

Dự án VNECO TOWER (344 Phan Châu Trinh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng) :

Đã làm việc với sở Kế hoạch Đầu tư về việc lập dự án theo hướng dẫn tại văn bản gần nhất của sở TNMT năm 2019, tuy nhiên dự án không thuộc diện lập chủ trương đầu tư theo luật đầu tư 2021 và hiện trạng chưa hoàn thành thủ tục đất đai. Đã gửi văn bản bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cho UBND quận Hải Châu nhưng chưa được bổ sung do chưa hoàn thiện công tác đất đai. Đã gửi văn bản sở Tài nguyên Môi trường để hướng dẫn thủ tục hoàn thiện công tác đất đai nhưng chưa nhận được phản hồi.

Dự án điện gió tại huyện Hương Hoá, tỉnh Quảng Trị:

- ◇ - Công suất bổ sung vào quy hoạch điện quốc gia là 100MW.
- ◇ - Hiện nay đã hoàn thành việc đo gió và cấp độ cao tỉnh không
- ◇ - Đã có văn bản số 4601/UBND-CN, ngày 08 tháng 10 năm 2020 của tỉnh Quảng Trị gửi Bộ Công thương đề nghị bổ sung vào quy hoạch điện VIII.

Dự án điện gió tại Lệ Thủy 3, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

- Công suất bổ sung vào quy hoạch điện quốc gia là 100MW.
- Ngày 15/06/2021 UBND tỉnh Quảng Bình có văn bản số 2178/VPUBND-KT về việc giao Tổng Công ty khảo sát nghiên cứu đầu tư dự án Điện gió Lệ Thủy 3 - Giai đoạn 3 tại xã Sen Thủy và Thái Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình
- Cho phép VNECO lắp đặt 1 cột đo gió trong khu vực dự án với chiều cao cột đo gió là 120m, diện tích đất sử dụng dự kiến 400m²/cột. Thời gian đo gió, khảo sát, nghiên cứu là 15 tháng kể từ ngày 28/3/2022. UBND tỉnh Quảng Bình đồng ý cho gia hạn thời gian khảo sát, đo gió đến ngày 31/12/2023.

**Tình hình hoạt động công ty con, công ty liên kết****1. Tên Công ty: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3**

Địa chỉ: Khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Hoạt động chính: Xây lắp các công trình, nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2023: 6.985.720.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 52,93% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 52,93%

2. Tên Công ty: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Đông Vinh, thành phố Vinh

Hoạt động chính : Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình; Kinh doanh vật liệu,...

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2023: 5.192.580.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 54,73% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 54,73%

3. Tên Công ty: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Hoạt động chính: Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh thiết bị, vật liệu điện

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2023: 9.746.980.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 55,93% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 55,93%

4. Tên Công ty: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12

Địa chỉ: Số 155 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình

Hoạt động chính : Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh thiết bị, vật liệu xây lắp

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2023: 7.887.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 65,73% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 65,73%

5. Tên Công ty: Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1

Địa chỉ: Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận

Hoạt động chính : Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2023: 440.000.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%

6. Tên Công ty: Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung

Địa chỉ: Số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Hoạt động chính: Xây lắp, kinh doanh Bất động sản...

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2023: 1.631.187.792 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%

7. Tên Công ty : Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO - Hòa Thắng

Địa chỉ: Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận

Hoạt động chính : Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2023: 20.000.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%

8. Tên Công ty : Công ty Cổ phần Năng lượng VNECO

Địa chỉ: Số 125 Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 51% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 51%

9. Tên Công ty : Công ty TNHH Đầu tư VNECO

Địa chỉ: Số 132 Cao Đức Lân, phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hoạt động chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2023: 23.580.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%



10. Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Xây dựng năng lượng VNECO

Địa chỉ: Số 344 Phan Chu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Hoạt động chính: Xây lắp, kinh doanh BĐS, thương mại

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2023: 1.000.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%

11. Tên Công ty : Công ty Cổ phần VNECO - RME

Địa chỉ: Số 99 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động chính: Xây lắp, kinh doanh BĐS, thương mại

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2023: 15.000.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 51% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 51%

TT	Nội dung	Số lượng CP nắm giữ	Giá trị vốn góp	Dự phòng đã trích lập 31/12/2023	Doanh thu 2023	LNST 2023
I	Công ty con					
1	Công ty CP xây dựng điện VNECO 3	698.572	6.986		89.294	228
2	Công ty CP xây dựng điện VNECO 4	562.602	5.193		91.882	(3.919)
3	Công ty CP xây dựng điện VNECO 8	1.006.809	9.747	(2.751)	33.927	(11.864)
4	Công ty CP xây dựng điện VNECO 12	788.700	7.887		31.157	(3.299)
5	Công ty TNHH MTV VNECO-Miền Trung		1.631	(1.270)	7.908	(1.361)
6	Công ty TNHH điện gió Thuận Nhiên Phong		440.000		183.221	2.569
7	Công ty TNHH điện mặt trời VNECO-Hòa Thắng		20.000		71.603	25
8	Công ty TNHH Đầu tư VNECO		15.000		258.377	13
9	Công ty Cổ phần VNECO - RME		15.000	(433)	35.837	(4.492)
10	Công ty TNHH MTV Xây Dựng Năng Lượng VNECO		1.000		1.381	5
II	Công ty liên kết					
1	Công ty CP xây dựng điện VNECO 10	400.000	4.000	0	44.391	326

Tình hình tài chính

DVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2022	2023	Tăng trưởng
1	Tổng tài sản	4.010.629	3.754.362	-6,39%
2	Doanh thu thuần	2.132.865	1.057.690	-50,41%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	12.694	8.530	-32,80%
4	LN hoạt động kinh doanh	20.598	-18.697	-190,77%
5	LN trước thuế hợp nhất	18.705	-19.725	-205,45%
6	LN sau thuế của Công ty mẹ	14.472	-18.116	-225,18%

Năm 2023, trước tình hình khó khăn chung của nền kinh tế và cạnh tranh khốc liệt của các doanh nghiệp cùng ngành, VNECO cũng không ngoại lệ, việc tiếp cận nguồn vốn vay gặp rất nhiều khó khăn, một số công trình còn tiếp tục vướng các thủ tục để bù giải phóng mặt bằng thi công, tiến thanh toán từ các chủ đầu tư về chậm ảnh hưởng đến việc chậm giải ngân thanh toán vốn cho nhà thầu, nhà cung cấp vật tư, thiết bị... Vì vậy đã không đẩy nhanh được tiến độ thi công các công trình để nghiệm thu kịp thời với các chủ đầu tư, doanh thu sụt giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2022 và giảm 50,41% (doanh thu hoạt động xây lắp điện truyền thống giảm 44,02%, doanh thu hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 53,87% so với cùng kỳ năm 2022).

Tổng tài sản giảm 6,39% tương đương giảm 256,5 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022; các chỉ tiêu kinh tế còn lại đều giảm so với cùng kỳ năm 2022.

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023 không đủ bù đắp các khoản chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp đã làm cho lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ năm 2023 bị lỗ 18,11 tỷ đồng giảm 225,18% so với cùng kỳ năm 2022 tương đương giảm 32,58 tỷ đồng.



TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2022	2023
1	Khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,01	0,98
	Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,78	0,70
2	Cơ cấu vốn			
	Nợ/TTS	%	74,21%	73,19%
	Nợ/VCSH	%	287,74%	272,98%
3	Năng lực hoạt động			
	Vòng quay Tổng tài sản	vòng	0,57	0,27
	Ngày tồn kho bình quân	Ngày	61	216
	Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	215	430
	Kỳ phải trả bình quân	ngày	187	339
4	Khả năng sinh lời			
	LNST/DTT	%	0,68%	-1,71%
	LNST/VDL	%	1,60%	-2,00%
	LN HĐKD/DTT	%	0,97%	-1,77%
	ROA	%	0,39%	-0,47%
	ROE	%	1,41%	-1,75%



**Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư CSH****Cổ phần**

Cổ phần phổ thông: 90.432.953 cổ phần

Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần

Cổ phiếu quỹ: 8.377.720 cổ phần, trong đó:

Số lượng cổ phần đang lưu hành: 82.055.233 cổ phần

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 90.432.953 cổ phần

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: không có

Cơ cấu cổ đông: (tại ngày 30/05/2023 - ngày chốt danh sách để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023)

TT	Loại cổ đông	Số CP sở hữu	Tỉ lệ(%)
1	Nhà nước	-	-
2	Nội bộ	15.200.970	16,81
3	Cổ phiếu quỹ	8.498.920	9,40
4	Cổ đông trong nước	66.733.063	73,79
	Tổ chức	60.951.757	67,40
	Cá nhân	47.146.506	52,13
5	Cổ đông nước ngoài	5.781.306	6,39
	Tổ chức	4.800.110	5,31
	Cá nhân	981,196	1,08
	Tổng cộng	90.432.953	100

Danh sách cổ đông lớn: (tại ngày 28/02/2024)

TT	Loại cổ đông	Số CP sở hữu	Tỉ lệ(%)
1	La Mỹ Phương	9.527.289	10,54
	Tổng cộng	9.527.289	10,54



Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Trong năm không có phát sinh tăng hay giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu

Giao dịch cổ phiếu quỹ

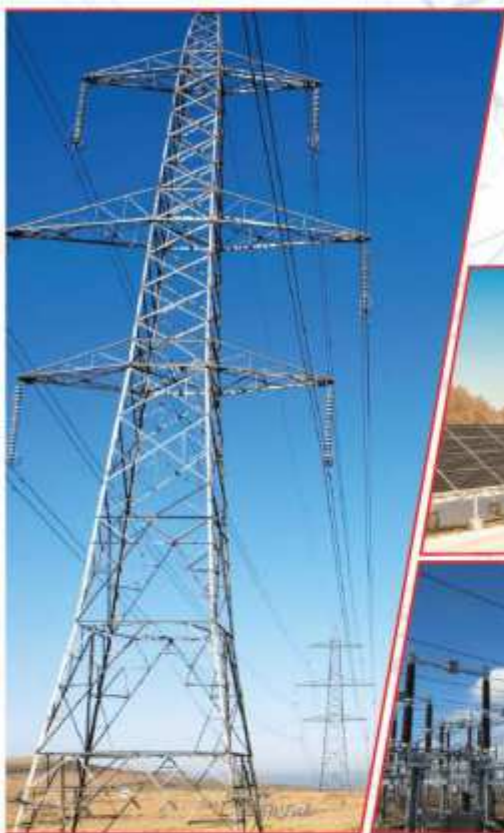
Số lượng cổ phiếu quỹ thời điểm 31/12/2023: 8.377.720 cổ phiếu

Trong năm không có phát sinh tăng hay giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Các chứng khoán khác: không phát sinh



PHẦN III
BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Trải qua những chu kỳ thăng trầm trong hơn 30 năm phát triển, VNECO nhận thức được tầm quan trọng của sự phát triển bền vững. Chung tay xây dựng một thế giới xanh sạch đẹp là cách thức VNECO chuyển mình để vươn lên trong bối cảnh cạnh tranh và bão hòa của ngành. Chia sẻ giá trị công ty với đội ngũ nhân viên, cổ đông, đối tác và cộng đồng là yếu tố giúp VNECO vững bước trên con đường chinh phục vị trí dẫn đầu.



Định hướng phát triển năng lượng xanh, giảm phát thải, cải thiện môi trường

Việt Nam là quốc gia có cường độ năng lượng cao nhất trong khu vực Đông Nam Á. Sử dụng năng lượng tại Việt Nam tăng nhanh hơn các nước trong khu vực, với mức tiêu thụ nhiều nhất trong lĩnh vực điện. Phát triển năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả không chỉ là giải pháp quan trọng ứng phó với biến đổi khí hậu mà còn mang lại các cơ hội và lợi ích kinh tế mới, tăng cường tiếp cận năng lượng cho người nghèo, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.





Nhận thức được ba xu hướng đang hình thành trong ngành năng lượng toàn cầu bao gồm: Số hóa (kết hợp máy móc với phần mềm, phân tích dữ liệu), Phát điện phân bố (người dùng có thể sản xuất và bán điện vào lưới) và Giảm phát thải (ưu tiên năng lượng tái tạo, nâng cấp và chuyển đổi sang công nghệ sạch cho điện truyền thống để giảm phát thải CO₂); VNECO định hướng mục tiêu trung và dài hạn của tổng công ty sẽ tập trung vào phát triển nguồn năng lượng tái tạo, bên cạnh mảng xây lắp điện truyền thống, hai lĩnh vực kinh doanh chính có tính chất bổ trợ cho nhau chặt chẽ.

VNECO hiện là chủ sở hữu trực tiếp và gián tiếp các dự án năng lượng xanh như: dự án điện gió Thuận Nhiên Phong, dự án điện mặt trời Vĩnh Long, dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.1, dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.2... Tổng công ty đang tiếp tục nghiên cứu tiềm năng của nguồn năng lượng tái tạo để đẩy mạnh đầu tư với vị trí chủ đầu tư và tổng thầu EPC.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tất cả nguyên vật liệu đưa vào các công trình thi công đều được kiểm tra từ khi lựa chọn nhà cung cấp, đảm bảo đáp ứng tất cả các điều kiện thi công. Các nguyên vật liệu đều được thí nghiệm để đánh giá lại trước khi đưa vào sử dụng.

Do đặc thù ngành xây lắp, các nguồn vật liệu đầu vào mang tính chất hóa học cao nên Tổng công ty chưa đầu tư nghiên cứu tái chế để sử dụng lại nguyên liệu sử dụng trong thi công.





Tiêu thụ năng lượng, điện, nước

Là đơn vị đầu ngành trên lĩnh vực xây lắp điện nên VNECO hiểu rõ ý nghĩa việc tiết kiệm điện năng đối với cộng đồng. Bằng việc sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện năng trong việc chiếu sáng cũng như phục vụ công tác, VNECO góp phần giảm hao tổn điện năng sử dụng, toàn thể CBNV VNECO luôn ý thức từ những việc nhỏ như tắt thiết bị khi không sử dụng, đặt điều hòa phòng làm việc ở nhiệt độ hợp lý,... từ đó giảm chi phí quản lý doanh nghiệp và góp phần giảm lượng điện năng tiêu thụ. Cùng với đó, việc tiêu thụ nước cũng áp dụng các hình thức tiết kiệm tương tự.



Xử lý rác thải

Ý thức bảo vệ môi trường cũng được người lao động thực hiện tốt qua việc tái sử dụng văn phòng phẩm, giấy in nhằm chung tay bảo vệ môi trường. Toàn bộ rác sinh hoạt được phân loại từ các phòng, ban trước khi chuyển cho đơn vị thu gom nhằm tránh đưa các rác thải có hại ra môi trường mực in, bao nilong,...

Nguồn chất thải rắn thông thường phát sinh từ sinh hoạt tại văn phòng Tổng Công ty được chỉ định chỗ vứt rác tại mỗi khu vực làm việc và sẽ được đội ngũ vệ sinh dọn dẹp sạch sẽ vào cuối mỗi ngày làm việc. Vệ sinh lau chùi trong và ngoài phòng làm việc hàng ngày đảm bảo môi trường công tác trong lành. Truyền thông đến toàn bộ CBNV về ý thức tiết kiệm trong việc sử dụng văn phòng phẩm, đặc biệt giấy in, khuyến khích tái sử dụng các văn phòng phẩm còn công năng khai thác. Hợp đồng với công ty môi trường đến thu gom và xử lý rác thải.

Nguồn chất thải từ công trường bao gồm nước thải, khí thải, khói bụi và rác thải xây dựng... được Ban chỉ đạo công trình kiểm soát chặt chẽ các quy định về vệ sinh môi trường. Tuyên truyền CBNV và công nhân công trình sử dụng nguyên vật liệu một cách hiệu quả, không lãng phí. Áp dụng nghiêm ngặt quy trình bảo hộ lao động.



Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường

Tổng Công ty luôn ý thức cao trong vấn đề bảo vệ môi trường. Tổng Công ty luôn đảm bảo tuân thủ pháp luật và các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường trong hoạt động của Tổng Công ty. Các dự án thi công đều thuê đơn vị tư vấn thực hiện việc đánh giá tác động đến môi trường xã hội tại địa bàn thực hiện, đồng thời đưa giải pháp thiết thực nhằm giảm tác động đến môi trường và hệ sinh thái ở mức thấp nhất. Tuy nhiên, năm 2019, Tổng Công ty bị xử phạt vi phạm pháp luật môi trường đối với dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Mỹ Thượng do chậm nộp Báo cáo ĐTM (Báo cáo đánh giá tác động môi trường) của Dự án cho Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tại văn phòng Tổng Công ty thường xuyên tổ chức các lớp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về Bảo vệ môi trường, chấp hành các quy định về thu gom và xử lý rác thải. Tại mỗi phòng làm việc đều dán các thông điệp về tiết kiệm trong việc sử dụng điện, nước.

VNECO là đơn vị chuyên về xây lắp các công trình điện (nguồn điện, trạm biếp áp, đường dây), địa bàn hoạt động của Tổng Công ty trải rộng khắp cả nước, khu vực hoạt động chính cũng là khu vực có tác động mạnh đến môi trường là các công trường thi công. Tại các công trình thi công, Trưởng ban chỉ đạo các bộ phận giám sát chặt chẽ môi trường làm việc nhằm tiết kiệm điện, nước và hạn chế tối đa nước thải và bụi bẩn từ các công trình.

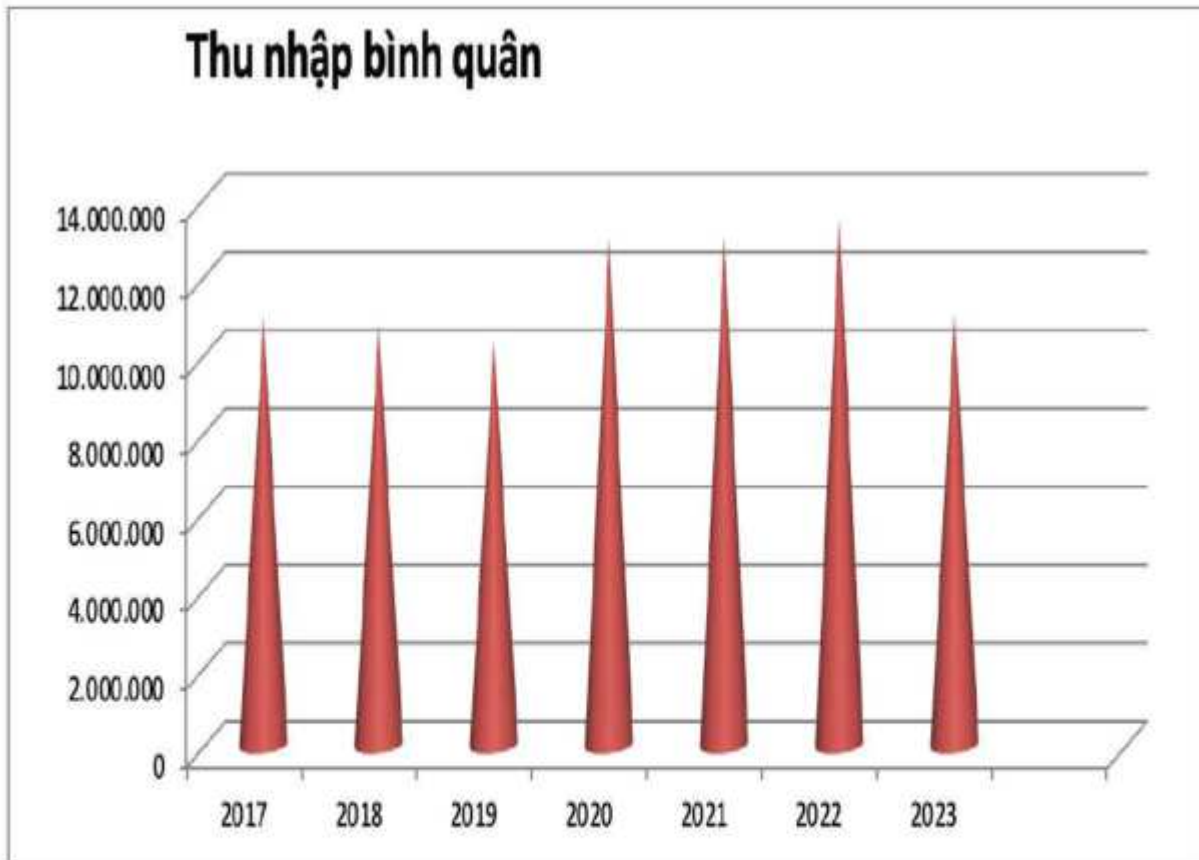




Người lao động là tài sản lớn nhất của Tổng Công ty

Đội ngũ CBNV giàu kinh nghiệm, tay nghề cao, gắn bó với Tổng Công ty luôn được xem là tài sản quý giá nhất đồng hành cùng sự phát triển bền vững của VNECO. Các chính sách nhân sự luôn hướng đến việc cam kết đồng hành lâu dài giữa công ty và người lao động.

NĂM	Thu nhập bình quân
2017	10.925.000
2018	10.720.000
2019	10.304.513
2020	12.952.700
2021	13.000.000
2022	13.432.767
2023	11.000.000



Đào tạo nâng cao nghiệp vụ và nhận thức trong cuộc sống cho CBNV

Tổng Công ty thường xuyên cử CBNV tham gia các lớp học nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và nâng cao các kỹ năng mềm trong công tác





Gắn kết cùng đơn vị thành viên, nhà thầu phụ, đối tác

Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, nên hoạt động kinh doanh của VNECO gắn kết chặt chẽ với hoạt động kinh doanh của các đơn vị thành viên. Tổng Công ty thường xuyên tổ chức các buổi gặp gỡ, học tập lẫn nhau trong tổ hợp, tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu cho đơn vị thành viên nhằm nâng cao năng lực hoạt động của từng đơn vị và cả tổ hợp.

Ban điều hành Tổng Công ty thường xuyên tổ chức các cuộc họp điều độ để kiểm điểm tiến độ, chất lượng thi công trên các công trình, thành phần mời gồm Lãnh đạo chủ chốt các đơn vị và các phòng ban chuyên môn Tổng Công ty, kết hợp qua đó nắm bắt thêm tình hình hoạt động của các đơn vị thành viên trong tổ hợp, nhằm cùng nhau tìm ra và giải quyết các vấn đề còn tồn tại mỗi đơn vị, góp phần đưa từng đơn vị và tổ hợp phát triển minh bạch, bền vững.

Giúp cho việc gắn kết giữa các đơn vị một cách minh bạch và hiệu quả, Tổng Công ty ban hành các Quy trình về lựa chọn nhà thầu phụ, nhà cung cấp; Quy trình thanh toán nhà thầu phụ, nhà cung cấp; minh bạch hoá thông tin, hướng tới mục tiêu hợp tác cùng phát triển.

Đồng hành cùng địa phương trong các công tác cộng đồng

Với truyền thống hơn 30 năm trong ngành, đã trải qua nhiều công trình trên khắp cả nước, những người thợ đường dây VNECO thấu hiểu và luôn chia sẻ trách nhiệm cùng cộng đồng. Toàn thể người lao động luôn tiên phong trong việc đóng góp ủng hộ đồng bào cả nước bị thiên tai, bão lụt và chung tay cùng các tổ chức nhân đạo từ thiện trong việc hỗ trợ người nghèo, trẻ em mồ côi, bất hạnh và những hoàn cảnh khó khăn nhằm mang lại niềm vui cho cuộc sống và động viên những hoàn cảnh không may vấp lên. Đó chính là nét nhân văn được xây dựng trong suốt hơn 30 năm qua, là một phần không thể thiếu trong Văn hóa VNECO được định hình cùng thương hiệu.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Bộ Tài chính là một trong những bộ, ngành đầu tiên của Việt Nam chính thức ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh trong đó, trọng tâm là hình thành thị trường huy động vốn xanh phù hợp với thông lệ quốc tế. Chiến lược tăng trưởng xanh là chiến lược thúc đẩy quá trình tái cấu trúc và hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, thông qua tăng cường đầu tư vào đổi mới công nghệ, vốn tự nhiên, công cụ kinh tế. Từ đó góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nghèo và đảm bảo phát triển kinh tế bền vững.

Ngày 01/10/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1658/QĐ-TTg phê duyệt “Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050” với mục tiêu giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP; xanh hóa các ngành kinh tế...

Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050 với các mục tiêu cụ thể dẫn trở thành chỉ tiêu bắt buộc và quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội đó là: (i) Giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; (ii) Xanh hóa các ngành kinh tế; (iii) Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững; (iv) Xanh hóa quá trình chuyển đổi trên nguyên tắc bình đẳng, bao trùm nâng cao năng lực chống chịu;

Hướng ứng chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và định hướng phát triển của Bộ tài chính về thị trường vốn xanh, VNECO đang dẫn chuyển hướng kinh doanh, mở ra một mũi nhọn mới tập trung vào lĩnh vực năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) vì một nền kinh tế xanh, tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.



PHẦN IV |
BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG QUAN NGÀNH XÂY LẮP ĐIỆN

Việt Nam có đặc điểm địa lý hẹp, chiều dài đất nước kéo dài và nhiều hải đảo. Cùng với đó là phân bố các nhà máy điện không đồng đều giữa các khu vực cũng như yếu tố thời tiết làm cho lượng điện phát ra ở các khu vực tập trung nhà máy thủy điện biến động làm cho việc truyền tải điện gặp nhiều khó khăn.

Để đảm bảo đáp ứng nhu cầu điện tăng nhanh, Bộ Công Thương cho biết, Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 11/02/2020 về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đánh giá việc phát triển ngành năng lượng nói chung và phân ngành điện nói riêng như sau: “Cung cấp năng lượng, đặc biệt là cung cấp điện cơ bản đáp ứng đủ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội với chất lượng ngày càng được cải thiện;... Đầu tư xây dựng hạ tầng cung cấp điện có sự phát triển mạnh mẽ, là điều kiện quan trọng cho việc bảo đảm an ninh cung ứng điện. Đưa điện lưới quốc gia tới hầu hết mọi miền của đất nước, kể cả vùng sâu, vùng xa, biên cương, hải đảo”; đầu tư của các dự án điện mặt trời, điện gió (chủ yếu do các nhà đầu tư tư nhân thực hiện - là điểm mới so với trước đây khi hầu hết các dự án, công trình điện đều do các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước đầu tư); sự chậm trễ và khó khăn trong đầu tư xây dựng các nhà máy nhiệt điện (đặc biệt là các nhà máy điện truyền thống); sự phát triển của công nghệ trong sản xuất và truyền tải điện (đặc biệt là công nghệ điện mặt trời, điện gió), dẫn tới khả năng giảm sâu

giá thành sản xuất của loại hình nguồn điện này; sự xuất hiện của cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0 có ảnh hưởng to lớn tới quá trình sản xuất, truyền tải và phân phối điện...





Những biến động này có tác động lớn tới tình hình phát triển điện lực của Việt Nam, vì vậy việc lập Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII) là nhiệm vụ cấp bách và có tính thời sự cao. Để vượt qua các khó khăn, thách thức, đảm bảo cung cấp điện ổn định, tin cậy, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng của đất nước, cần thiết phải xây dựng Quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII). Quy hoạch sẽ định hướng được tương lai phát triển của ngành điện; định lượng các giá trị mục tiêu cung cấp điện; xác định quy mô, tiến độ và phân bố không gian của các công trình nguồn điện, lưới điện và đề xuất các giải pháp thực hiện quy hoạch.

Theo quy hoạch điện VIII, giai đoạn 2021-2030 tổng vốn đầu tư lưới điện dự kiến khoảng 761.964 tỷ đồng. Tổng mức đầu tư lưới điện tăng trưởng mạnh hứa hẹn sẽ giúp cho ngành Xây lắp điện tăng trưởng cao từ nay tới 2030.

Triển vọng cao, tuy nhiên thực trạng ngành xây lắp điện còn nhiều khó khăn. Hầu hết các công trình thi công nằm rải rác trên địa bàn cả nước, trong khi đội ngũ cán bộ kỹ thuật và thợ lành nghề ngày càng mỏng do cơ cấu, thu nhập, sắp xếp lại. Nhiều công trình do chủ đầu tư bàn giao mặt bằng và tiến độ cung cấp vật tư chậm và không đồng bộ, bên cạnh đó, những biến động của kinh tế thế giới và trong nước đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

Tuy nhiên bước sang năm 2023, hoạt động của các doanh nghiệp xây lắp điện nói chung và của Tổng Công ty nói riêng vẫn còn gặp nhiều khó khăn do sức ép lạm phát, thiếu hụt nguồn nhân lực lành nghề, giá cả nguyên vật liệu đầu vào tiềm ẩn những nguy cơ biến động theo chiều hướng tăng (như cát, đá, xi măng, thép, xăng dầu...), doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn tín dụng khó khăn hơn, tỷ giá và lãi suất tăng cao, rủi ro về phát sinh các khoản công nợ phải thu khó đòi, những gói thầu đòi hỏi quy mô vốn lớn, trong khi đó đơn giá định mức thấp, thủ tục nghiệm thu thanh toán kéo dài đã gây bất lợi lớn cho doanh nghiệp đối với các hợp đồng đã trúng thầu và đang đấu thầu;



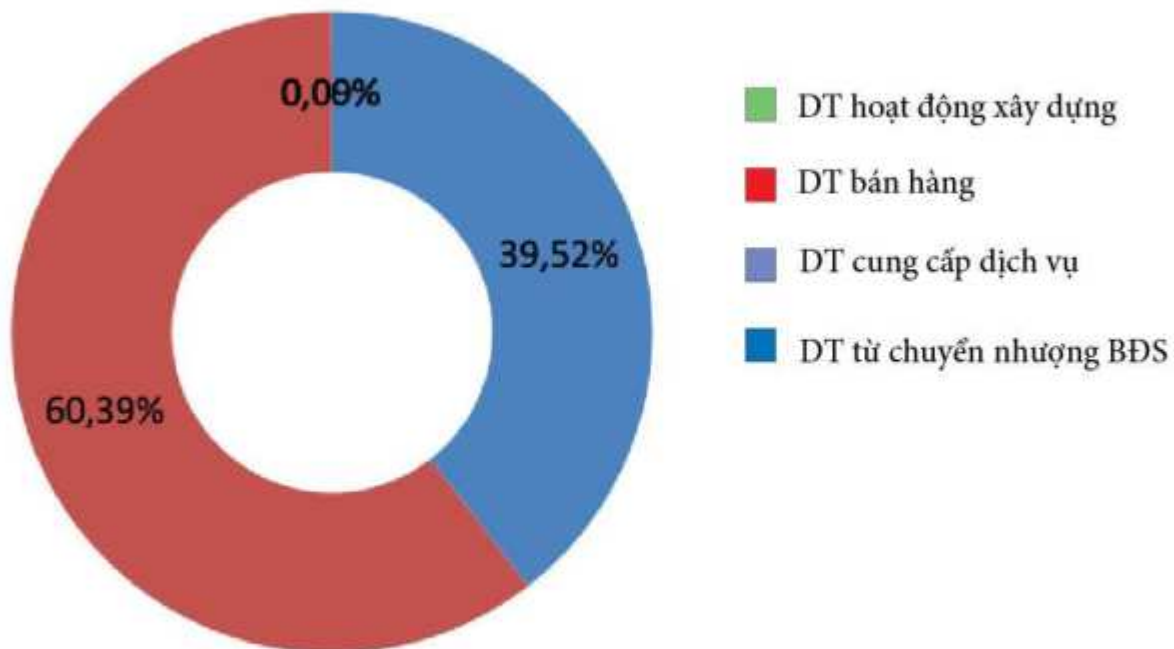
Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Kết thúc năm tài chính 2023, tính riêng Công ty mẹ doanh thu và thu nhập đạt 683.505 triệu đồng, hoàn thành 35,65% kế hoạch năm và giảm 46,63% so với thực hiện năm 2022. Lợi nhuận sau thuế đạt 7.084 triệu đồng hoàn thành 45,82% kế hoạch và tăng 9,95% so với cùng kỳ năm 2022. .

TT	Chỉ tiêu công ty mẹ	KH 2023	TH 2023	Tỉ lệ hoàn thành
1	Tổng doanh thu và thu nhập	1.917.150	683.505	35,65%
2	Lợi nhuận sau thuế	15.400	7.084	45,82%

Cơ cấu doanh thu

TT	Cơ cấu doanh thu	2022		2023		Tăng trưởng
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	DT hoạt động xây dựng	746.647	35,01%	418.008	39,52%	-44,02%
2	DT bán hàng	1.384.530	64,91%	638.687	60,39%	-53,87%
3	DT cung cấp dịch vụ	769	0,04%	0	0,00%	-100%
4	DT từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	941	0,04%	995	0,09%	-8,39%
	Tổng	2.132.864	100,00%	1.057.690	100,00%	-50,41%





Các yếu tố tác động đến kết quả kinh doanh trong năm 2023:

- Bộ Công thương ban hành Quyết định 4970/QĐ-BCT ngày 21/12/2016 quyết định về việc công bố định mức chuyên ngành công tác lắp đặt đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp. Theo quyết định này, xây dựng móng của các công trình truyền tải điện và trạm biến áp có định mức tương đương với các công trình xây dựng dân dụng. Đối với các công trình đường dây tải điện cao áp thì phần móng chiếm tỷ trọng từ 30-40% giá trị xây lắp, điều này làm cho biên lợi nhuận gộp các công ty xây lắp điện giảm mạnh dẫn đến hiệu quả hoạt động kinh doanh bị giảm.
- Một số yếu tố khách quan ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty như: Năm 2023, một số công trình còn tiếp tục vướng các thủ tục đến bù giải phóng mặt bằng thi công, vật tư chủ đầu tư cấp chậm và không đồng bộ, phụ thuộc vào tiến độ cắt điện, một số công trình bị trượt thời gian thi công so với kế hoạch ban đầu và giá dự toán các gói thầu xây lắp thấp, tiến thanh toán từ các chủ đầu tư về chậm ảnh hưởng đến việc chậm giải ngân thanh toán vốn cho nhà thầu, nhà cung cấp vật tư, thiết bị... Vì vậy đã không đẩy nhanh được tiến độ thi công các công trình để nghiệm thu kịp thời với các chủ đầu tư, doanh thu sụt giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2022.
- Bên cạnh đó, sự cạnh tranh mạnh mẽ trong ngành cũng ảnh hưởng nhất định đến công tác đấu thầu và tìm kiếm việc làm của Tổng Công ty trong những năm gần đây.





Các yếu tố tác động đến công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm

Yếu tố Khách quan:

- Trình tự Thủ tục và thời gian thực hiện công tác chuẩn bị đấu tư của Chủ đầu tư bị kéo dài, đặc biệt đối với các dự án sử dụng nguồn vốn vay nước ngoài, làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án, đồng thời ảnh hưởng đến công tác tìm kiếm việc làm của VNECO.
- Yếu tố cạnh tranh: thực tế hiện nay VNECO đang chịu nhiều sự cạnh tranh từ các đối thủ có tiềm lực và các đối thủ mới ngày càng nhiều trong ngành xây lắp điện. Xu hướng phân chia các gói thầu lớn thành nhiều lô nhỏ, giảm tiêu chí năng lực trong đấu thầu do vậy rất nhiều nhà thầu đủ điều kiện để tham gia. Như trước đây, các dự án xây lắp điện 220kV, 500kV chỉ có rất ít nhà thầu lớn đủ năng lực tham gia đấu thầu, thì nay có nhiều nhà thầu đáp ứng đủ năng lực.
- Yếu tố chuyển dịch, thay đổi cơ cấu sản phẩm ngành xây lắp điện: Hiện nay sản phẩm ngành xây lắp điện rất đa dạng, ngoài các dự án là xây lắp đường dây trên không và Trạm biến áp đơn thuần thì còn các sản phẩm khác như Cáp ngầm, dây siêu nhiệt, trạm GIS,... xu hướng ngầm hóa các đường dây 22kV, 110kV, 220kV; thay thế TBA thông thường thành Trạm GIS tại các thành phố lớn; xu hướng xây lắp cải tạo nâng cấp công suất lắp TBA, lắp máy T2, Chống quá tải đường dây, thay dây đường dây cũ trong môi trường mang điện, cung cấp và lắp đặt cột đơn thân,... Nếu không chuẩn bị năng lực, nhân sự kịp theo xu hướng thị trường thì sẽ gặp khó khăn, không đáp ứng được nhu cầu của ngành nghề, dẫn sẽ mất năng lực trong đấu thầu cạnh tranh.
- Nhiều dự án năng lượng tái tạo được triển khai, tạo điều kiện cho Tổng Công ty tham gia vào lĩnh vực này và đã có một số kết quả nhất định.

Yếu tố Chủ quan:

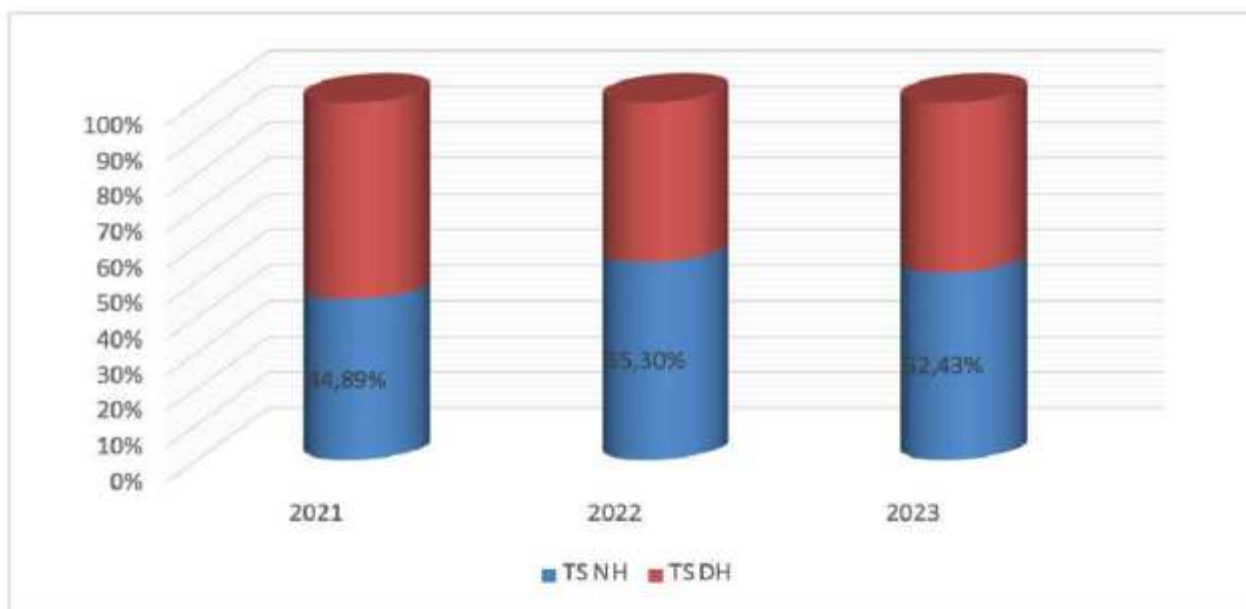
- Kỳ vọng lợi nhuận của một số dự án đấu thầu của VNECO đặt ra trước đấu thầu khá cao, đẩy giá dự thầu của VNECO lên cao, trong khi đối thủ cạnh tranh sẵn sàng giảm giá thấp để trúng thầu, do vậy làm giảm cơ hội trúng thầu của VNECO.
- Đối với các gói thầu PC hoặc EPC, phần vật tư (P) không phải là lợi thế của VNECO và phải chào giá qua bên thứ 3, do vậy rủi ro về lãi vay trả trước cho phần vật tư thiết bị sẽ đẩy giá thành lên cao, giảm tính cạnh tranh và cơ hội trúng thầu.





Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	2021	2022	2023	Thay đổi
I	Tổng tài sản	3.483.317	4.010.620	3.754.361	-6,39%
1	Tài sản ngắn hạn	1.563.672	2.217.780	1.968.384	-11,25%
2	Tài sản dài hạn	1.919.645	1.792.840	1.785.977	-0,38%
II	Nguồn vốn	3.483.317	1.431.299	3.754.361	-6,39%
1	Nợ ngắn hạn	2.187.577	447.211	2.001.216	-9,17%
2	Nợ dài hạn	271.952	3.788	746.560	-3,42%
3	Vốn chủ sở hữu	1.023.788	980.300	1.006.585	-2,68%



TT	Chỉ tiêu hiệu quả sử dụng tài sản	2021	2022	2023
1	DTT/TTS	57,39%	53,18%	28,17%
2	DTT/TSNH	127,84%	96,17%	53,73%
3	DTT/TSND	104,13%	118,97%	59,22%
4	ROA	0,29%	0,39%	-0,47%

Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả kinh doanh của công ty:
Không đáng kể

Ảnh hưởng lãi vay đến kết quả kinh doanh công ty:

Với đặc thù kinh doanh ngành xây lắp điện nhu cầu vốn lớn, trong khi nguồn vốn giải ngân của chủ đầu tư tương đối chậm nên Tổng Công ty sử dụng nợ vay ngắn hạn để xoay vòng vốn các công trình. Năm 2023, tỷ lệ nợ tăng đột biến (chiếm 73,19% tổng tài sản), trong đó vay ngân hàng ngắn hạn năm 2023 đạt 1.066,24 tỷ đồng, tương đương mức 28,4% tổng tài sản, vay nợ dài hạn đạt 735,762 tỷ đồng, tương đương 19,60% tổng tài sản. Tổng nợ vay chiếm 47,99% tổng tài sản và chiếm 199,26% vốn điều lệ. Chi phí lãi vay năm 2023 đạt 123,670 tỷ đồng, tăng 21,46% so với cùng kỳ năm 2022 tương đương tăng 21,85 tỷ đồng





Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tái cấu trúc

Tổng Công ty thực hiện phân chia cơ cấu Ban điều hành trực tiếp chỉ đạo công việc thi công, giám công chéo trong công việc. Phân công nhiệm vụ cụ thể các Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm từng khối ng hiệp vụ: Chỉ đạo thi công các công trình miền Bắc, Trung, Nam; chỉ đạo công tác đấu thầu; chỉ đạo công tác phát triển năng lượng tái tạo.

Ở cấp trung, Ban điều hành đã tập trung củng cố bộ máy tổ chức, sắp xếp lại nhân sự theo hướng chuyên môn hoá, tinh giản, gọn nhẹ, chú trọng khâu chỉ đạo, điều hành của các phòng, ban chuyên môn.

Đối với cấp CBNV, Ban điều hành thực hiện tuyển chọn đội ngũ lao động trẻ, vững chuyên môn, thợ lành nghề, nhất là có cơ chế đãi ngộ thỏa đáng để khuyến khích người lao động làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả; tích cực đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện thi công; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đề xuất các biện pháp, xử lý kịp thời những vướng mắc trong quá trình triển khai nhiệm vụ. Mặt khác, tuy có thế mạnh thương hiệu đơn vị uy tín hàng đầu trong nước về thi công lưới điện từ 110kV đến siêu cao áp 500kV, nhưng trong lĩnh vực xây lắp điện thời gian gần đây có sự cạnh tranh quyết liệt nên Tổng Công ty vừa phải nâng cao năng lực, tham gia đấu thầu các dự án, vừa phải mở rộng thị trường tới các điện lực địa phương, đồng thời chuyển dịch thêm năng lượng tái tạo để đảm bảo việc làm, đời sống cho người lao động.

Áp dụng các phương thức quản lý hiện đại

Tổng Công ty đã nghiên cứu và đang vận hành theo mô hình đánh giá xếp loại CBNV từ đó xây dựng thang bảng lương theo hiệu quả công việc. Đây là cơ sở để nhà quản lý đánh giá thành tích của phòng ban, của nhân viên và đưa ra những khuyến khích phù hợp cho từng phòng ban, từng nhân viên. Ban điều hành áp dụng nhiều phương pháp quản lý khác như báo cáo tuần, bảng mô tả nhiệm vụ và kế hoạch hành động...



nhằm đảm bảo cho người lao động thực hiện đúng các trách nhiệm trong bảng mô tả công việc của từng vị trí chức danh cụ thể, điều này góp phần cho việc đánh giá thực hiện công việc trở nên minh bạch, rõ ràng, cụ thể, công bằng và hiệu quả hơn, nâng cao hiệu quả của đánh giá thực hiện công việc.

Tổng Công ty thực hiện đào tạo và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tỷ lệ KH 2024/TH2023
1	Tổng doanh thu, thu nhập	Tr.đ	1.917.150	683.505	1.277.448	186.46
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	15.460	7.084	15.270	215.76

(Kế hoạch năm 2024 sẽ được trình tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 để thông qua)

Biện pháp thực hiện kế hoạch:

* Đối với hoạt động kinh doanh xây lắp

Đối với hoạt động kinh doanh xây lắp đường dây và Trạm biến áp:

Hiện nay, các công trình đang thi công (32 công trình) và thi công xong đang quyết toán (4 công trình). Tổng Công ty quyết tâm chỉ đạo các công trình trọng điểm đảm bảo tiến độ đóng điện theo yêu cầu của Chủ đầu.

- Đẩy mạnh công tác giải phóng mặt bằng: Phối hợp, bám sát chủ đầu tư triển khai giải quyết phân dền bù đất vĩnh viễn các vị trí, các khoảng cột dây còn vướng mắc, phối hợp cùng đơn vị thi công về vướng mắc dền bù thi công. Tăng cường năng lực đội ngũ làm công tác dền bù thi công, phối hợp tốt giữa Ban chỉ huy và đơn vị thi công để đảm bảo tiến độ và hiệu quả từng công trình.
- Đẩy mạnh tiến độ thi công trên các công trình: Thường xuyên đôn đốc kiểm soát cập nhật tiến độ thi công. Trên cơ sở đó cân đối đề xuất tăng giảm khối lượng, điều phối khối lượng giữa các đơn vị.
- Phối hợp, kiểm soát đơn vị hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu tránh những thiếu sót trong quá trình lập nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư, đảm bảo thời gian thanh toán ngắn nhất.
- Giải quyết thanh toán nội bộ, nghiệm thu đến đâu thanh toán đến đấy.
- Phối hợp kịp thời giải quyết vướng mắc, phát sinh của đơn vị.
- Định hướng xây dựng lực lượng cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm, xây dựng lực lượng thi công ở đơn vị (nhất là lực lượng công nhân trèo cao hiện rất yếu và thiếu).
- Cảnh báo và tham mưu kịp thời các công trình trọng điểm, dự phòng các rủi ro để có phương án dự phòng hợp lý, tránh bị động trong thi công.
- Củng cố, xây dựng đơn vị thành viên ngày càng mạnh, giao trọn gói khối lượng lớn thi công các công trình; Đầu tư các phương tiện máy móc chuyên ngành, nhân lực thi công chuyên nghiệp.
- Tăng cường đầu tư nhân lực, thiết bị, tăng cường hợp tác, liên kết trong đấu thầu giữa các công ty con trong tổ hợp đối với các gói thầu vừa và nhỏ.



- Duy trì tốt mối quan hệ với khách hàng truyền thống thuộc EVN, phát triển mối quan hệ với khách hàng mới.
- Cảnh báo sớm công trình có nguy cơ chậm tiến độ để có giải pháp kịp thời; để đảm bảo mục tiêu đóng điện theo yêu cầu chủ đầu tư, tạo uy tín của VNECO.
- Tăng cường giám sát về chất lượng, an toàn trên công trường, nhất là trong giai đoạn dựng cột, kéo dây và các giao chéo. Đảm bảo tiến độ, an toàn, tiết kiệm kinh phí.
- Quản lý tốt các vật tư, thiết bị trên các công trình tránh thất thoát, đảm bảo cung cấp kịp thời, tính toán chính xác hợp lý vật tư chủ đầu tư cấp theo phạm vi công việc của đơn vị.

Đối với hoạt động xây lắp năng lượng tái tạo

- Trên cơ sở kết quả đạt được các năm trước, trang thiết bị máy móc hiện đại, kinh nghiệm đội ngũ cán bộ công nhân viên, Tổng Công ty tiếp tục đẩy mạnh tìm kiếm thị trường, đấu thầu, hợp tác với các chủ đầu tư để nâng cao tỷ trọng doanh thu xây lắp năng lượng tái tạo trong tổng doanh thu 2024 và các năm tiếp theo;
- Xây dựng lực lượng chuyên nghiệp để vận hành máy móc thiết bị triển khai thi công các công trình năng lượng tái tạo vì đây là lĩnh vực mới rất nhiều tiềm năng.

Đối với hoạt động thương mại

Thúc đẩy tăng cường hoạt động thương mại với mục tiêu doanh số, doanh thu năm sau cao hơn năm trước góp phần tăng doanh thu, tăng hiệu quả cho Tổng Công ty.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản

Năm 2024, Tổng Công ty huy động tăng vốn chủ sở hữu nhằm đầu tư xây dựng nhà liền kề và khai thác 80 lô đất còn lại thuộc dự án Khu đô thị mới Mỹ Thượng, tỉnh TT Huế để tăng doanh thu, hiệu quả cho Tổng Công ty.

*** Đối với hoạt động kinh doanh đầu tư các dự án**

Đầu tư các dự án năng lượng tái tạo

Trên cơ sở kinh nghiệm và năng lực đầu tư dự án điện gió Thuận Nhiên Phong đã đạt được, Tổng Công ty tiếp tục tìm kiếm nguồn vốn, hoàn thiện các thủ tục dự án để được bổ sung quy hoạch sơ đồ điện VIII cho các dự án điện gió Ba Tầng ở Quảng Trị, dự án Lệ Thủy 3 ở Quảng Bình và một số dự án điện gió ở các địa phương khác để có cơ sở triển khai đầu tư trong thời gian tới.

Đầu tư các dự án bất động sản

Dự án khu đô thị mới Mỹ Thượng - Tp. Huế

- Hoàn thiện phê duyệt pháp lý và triển khai dự án “trạm bơm và tuyến ống thu gom ngoài phạm vi hàng rào dự án”
- Triển khai thi công toàn bộ phần hạ tầng còn lại (cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải) nằm ngoài hàng rào dự án.
- Hoàn thành việc sửa chữa và bàn giao hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống cây xanh.
- Hoàn thành nghiệm thu và bàn giao toàn bộ hạ tầng dự án - Thực hiện thủ tục cấp sổ 79 lô đất ở cho CĐT
- Triển khai thi công nhà thô và bán hàng 79 lô đất ở



- Sửa chữa văn phòng đại diện của VNECO tại dự án.
- Làm barrier gác chắn xe trọng tải lớn ra vào dự án - Khai thác cho thuê các lô đất CT3, CT4, D25

Dự án VNECO DC tại 64, 66 Hoàng Văn Thái, TP. Đà Nẵng

- Mua lô đất ở liền thửa để đủ điều kiện lập dự án
- Triển khai thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án
- Hoàn thiện công tác đất đai - Phê duyệt quy hoạch phân khu - Thực hiện thỏa thuận phương án kiến trúc

Giải pháp chung về tài chính

- Thực hiện các giải pháp nhằm thu đủ 100% vốn phải thu thi công các công trình từ chủ đầu tư, kể cả các khoản phải thu năm 2023 chuyển qua và giá trị phát sinh trong năm 2024;
- Làm việc với các ngân hàng, tổ chức tài chính tạo lập nguồn vốn lưu động, vốn trung dài hạn với chi phí hợp lý, bảo đảm phục vụ kinh doanh, đầu tư hiệu quả;
- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất HĐQT thực hiện tái cấu trúc một số tài sản hiện có, các khoản đầu tư tài chính theo hướng khai thác tối đa lợi thế của tài sản, các khoản đầu tư, bảo đảm phù hợp với điều kiện của Tổng Công ty trong thực tế hiện nay;
- Thực hiện tốt hơn công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, rà soát và cắt giảm các chi phí không hợp lý nhằm tăng hiệu quả kinh doanh cho Tổng Công ty;
- Ưu tiên nguồn lực tài chính tiếp tục đầu tư trang máy móc, thiết bị nhằm đưa công nghệ mới vào thi công các công trình xây lắp điện, công trình năng lượng tái tạo;
- Tăng cường công tác quản lý giám sát phần vốn đầu tư tại các đơn vị, thực hiện tốt công tác kiểm toán nội bộ, đảm bảo thực hiện tối đa quyền của cổ đông lớn đối với phần vốn đầu tư tại các đơn vị;
- Tiếp tục và kiên trì thực hiện mọi biện pháp nhằm thúc đẩy khiếu nại theo hình thức Giám đốc thẩm vụ việc oan sai mà Tòa án sơ thẩm và phúc thẩm TP. HCM buộc VNECO phải hoàn trả lại 200 tỷ đồng cho ngân hàng Xây dựng trong vụ án Hứa Thị Phần và đồng phạm; Đây là điều kiện rất quan trọng để khơi thông nguồn vốn từ các tổ chức tài chính, ngân hàng cho VNECO vay để thực hiện các dự án đầu tư và kinh doanh trong năm 2023 và các năm tiếp theo.

Công tác tổ chức, quản trị công ty

- Đổi mới công tác quản lý, như: giao khoán khối lượng lớn, gắn trách nhiệm nhà thầu với chất lượng, tiến độ công trình; công khai, minh bạch, bình đẳng trong xây dựng đơn giá giao khoán, lựa chọn nhà thầu, nhà cung cấp... với mục tiêu giảm chi phí và tăng hiệu quả cho Tổng Công ty;
- Tiếp tục hoàn thiện phương án tổ chức lại các phòng, ban và sắp xếp lại một số vị trí công tác từ Lãnh đạo đến cán bộ hợp lý hơn; Đổi mới, áp dụng phương án tổ chức, điều hành thi công theo mô hình tổ chức Ban chỉ đạo, chỉ huy trưởng công trình, giao quyền và trách nhiệm rõ ràng cho chỉ huy trưởng công trình;
- Kiện toàn lại đội ngũ nhân sự làm công tác đấu thầu; Tổ chức lại lực lượng thi công xây lắp tinh nhuệ đáp ứng yêu cầu các nhiệm vụ quan trọng, kỹ thuật phức tạp trên các công trình, dự án;

Xây dựng mối quan hệ trong tổ hợp và các đối tác

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của Tổng Công ty với các đơn vị trong Tổ hợp, phối hợp tốt trong công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm. Chỉ đạo nhằm tăng cường tính chủ động của các đơn vị đối với các công trình trọng điểm, đảm bảo chất lượng, tiến độ theo yêu cầu của Chủ đầu tư;
- Tổng Công ty tiếp tục phối hợp, hợp tác với các đơn vị ngoài Tổ hợp nhằm mong muốn được đồng hành và chia sẻ khó khăn của các đối tác với mục tiêu cùng có lợi, cùng chia sẻ;
- Hỗ trợ về công tác quản trị, công tác thông tin thị trường và các mặt hoạt động đối với các đơn vị trong tổ hợp nhằm tối ưu hóa các mặt hoạt động, kinh doanh



Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Giải trình cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên BCTC Tổng hợp năm 2023 đã được kiểm toán:

a. Liên quan đến cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ: “Tại thời điểm 31/12/2023, số dư công nợ phải thu (Mã số 131, 132) chưa đối chiếu, xác nhận là 56,6 tỷ VND; số dư công nợ phải trả (Mã số 311, 312, 320) chưa được đối chiếu, xác nhận là 258,1 tỷ VND. Chúng tôi đã tiến hành thực hiện các thủ tục kiểm toán để xem xét các số dư này, tuy nhiên các thủ tục kiểm toán mà chúng tôi thực hiện chưa giúp chúng tôi có được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết đối với tính hiện hữu đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả này, các khoản dự phòng cần trích lập theo các quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán. Do đó, Chúng tôi không thể xác định được số liệu cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty hay không”:

Đối với cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ a: Tại thời điểm lập BCTC năm 2023, Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam đã thực hiện gửi thư xác nhận nợ tại 31/12/2023 cho các chủ đầu tư, nhà thầu, nhà cung cấp. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành BCTC kiểm toán năm 2023, Tổng Công ty đã không nhận được một số thư xác nhận nợ gửi phản hồi cho Tổng Công ty. Tổng Công ty sẽ tiếp tục liên hệ, đôn đốc các chủ đầu tư, nhà thầu và nhà cung cấp thư xác nhận công nợ để xác nhận tính hiện hữu các khoản nợ phải thu và phải trả này.

b. Liên quan đến cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ: “Như đã trình bày tại Thuyết minh 5.2 và Thuyết minh số 4 - Chính sách kế toán các khoản đầu tư tài chính của Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính tại Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 và Công ty Cổ phần VNECO - RME được lập trên cơ sở giá trị hợp lý do Ban lãnh đạo Tổng Công ty tự xác định. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến đối với các khoản đầu tư này, cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023”

Đối với cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ mục b: Năm 2023, Hai công ty con trên có kết quả kinh doanh âm và LNST lũy kế đến thời điểm 31/12/2023 âm, do đó Kiểm toán viên xác định cần trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính bổ sung tại thời điểm 31/12/2023. Tuy nhiên, theo nhận định của Ban lãnh đạo Tổng Công ty, việc kết quả kinh doanh trong năm 2023 âm là do ảnh hưởng của tình hình kinh tế chung trong năm, dự kiến các năm tiếp theo hoạt động kinh doanh tại 02 đơn vị trên sẽ có lãi và không bị suy giảm giảm giá trị. Do đó, Tổng Công ty không thực hiện trích lập bổ sung dự phòng đầu tư tài chính.

Giải trình cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên BCTC Hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán:

Liên quan đến cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ: “Tại thời điểm 31/12/2023, số dư công nợ phải thu (Mã số 131, 132) chưa đối chiếu, xác nhận là 56,6 tỷ VND; số dư công nợ phải trả (Mã số 311, 312, 320) chưa được đối chiếu, xác nhận là 258,1 tỷ VND. Chúng tôi đã tiến hành thực hiện các thủ tục kiểm toán để xem xét các số dư này, tuy nhiên các thủ tục kiểm toán mà chúng tôi thực hiện chưa giúp chúng tôi có được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết đối với tính hiện hữu đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả này, các khoản dự phòng cần trích lập theo các quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán. Do đó, Chúng tôi không thể xác định được số liệu cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty hay không”.

Vấn đề này đã được giải trình tại mục a nêu trên.

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty (xem Phần 3 Báo cáo môi trường xã hội)

PHẦN V

BẢO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Đánh giá HĐQT về các mặt hoạt động của Tổng Công ty

Quyết định 4970/QĐ-BCT của Bộ Công Thương ngày 21/12/2016 quy định về định mức dự toán chuyên ngành công tác lắp đặt đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp đã ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của các đơn vị trong ngành nói chung và VNECO nói riêng, dẫn đến doanh thu và lợi nhuận mảng xây lắp đạt rất thấp so với các năm trước.

Với sự nỗ lực của toàn bộ CBNV và định hướng dịch chuyển trong cơ cấu ngành nghề, năm 2023 tổ hợp VNECO đạt 1.057,69 tỷ đồng doanh thu và lợi nhuận sau thuế bị lỗ 28,54 tỷ đồng; Công ty mẹ đạt 658,71 tỷ đồng doanh thu và 7,084 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế; chỉ tiêu doanh thu và thu nhập đạt 33,65% và lợi nhuận sau thuế đạt 45,82% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đặt ra.

Trong năm 2023, mọi hoạt động của Tổng Công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành

Năm 2023, Hội đồng quản trị vẫn luôn đồng hành cùng Ban điều hành trong từng hoạt động, bám sát thị trường, đưa ra các định hướng và chỉ đạo kịp thời. Các hoạt động của Ban điều hành tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Tuy nhiên, trước tình hình khó khăn của nền kinh tế và của ngành, kết quả kinh doanh chưa đạt được kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông họp thường niên năm 2023 thông qua.





Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành

Năm 2023, HĐQT đã quản lý, giám sát, thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT thông qua các hình thức:

- Công tác báo cáo kết quả SXKD, công tác BCTC năm 2022 và việc báo cáo tài chính các quý 1, 2, 3, 4 năm 2023; Xây dựng Kế hoạch kinh doanh năm 2023, bám sát để triển khai thực hiện chiến lược phát triển Tổng Công ty giai đoạn 2021-2025;
- Theo dõi, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hàng tháng, quý và các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đã đề ra cho năm 2023; Giám sát công tác điều hành hàng ngày, tiếp tục triển khai các thủ tục đầu tư các dự án theo Nghị quyết ĐHĐCĐ, công tác tổ chức thi công các công trình trọng điểm đối với lĩnh vực xây lắp các công trình đường dây, trạm biến áp điện, đảm bảo tiến độ đóng điện bàn giao công trình theo yêu cầu của Chủ đầu tư;
- Giám sát về công tác quản trị, công tác tài chính, công tác kiểm toán; Theo dõi công tác thu xếp nguồn vốn lưu động, vốn trung dài hạn với chi phí hợp lý, bảo đảm phục vụ kinh doanh, hoạt động đầu tư của Tổng Công ty;
- Theo dõi, chỉ đạo công tác tổ chức các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ Tổng Công ty và giám sát việc triển khai hoạt động các công ty con, công ty liên kết;
- Yêu cầu Tổng Giám đốc và Ban Điều hành thực hiện báo cáo tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh tại các cuộc họp định kỳ hàng quý và theo yêu cầu của HĐQT, triển khai các giải pháp tổ chức thực hiện và kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh năm 2023;
- Giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế quản lý của Tổng Công ty trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Giám đốc. Áp dụng thông lệ quản trị công ty theo những cách thức tốt nhất nhằm đảm bảo quyền, lợi ích của cổ đông và người lao động công ty.

Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Triển khai định hướng phát triển giai đoạn 2020 - 2025 của VNECO. Năm 2024, Tổng Công ty tiếp tục tập trung đẩy mạnh hoạt động trên một số lĩnh vực sau: Xây lắp đường dây, trạm biến áp điện đến 500kV, các công trình nguồn điện; Xây lắp dự án nhà máy điện gió, điện mặt trời; Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, công trình công nghiệp, dân dụng; Triển khai đầu tư một số dự án nhà máy năng lượng tái tạo; Đầu tư, khai thác các dự án bất động sản và triển khai hoạt động thương mại.

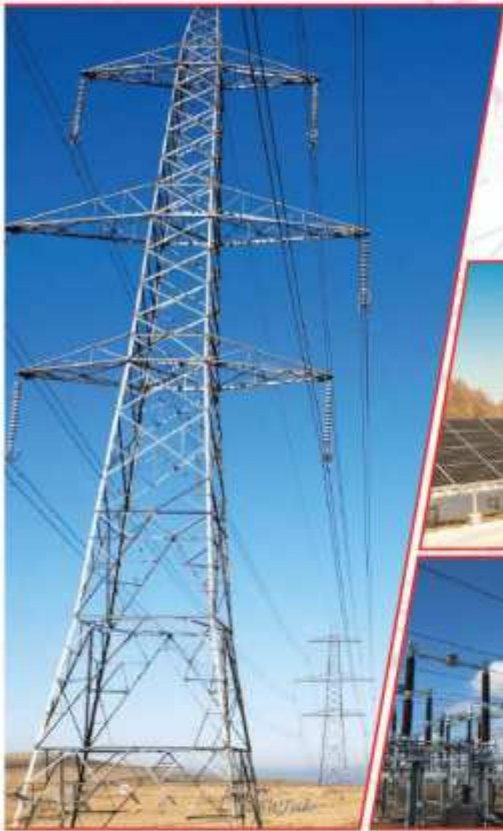
Trong năm 2024, Tổng Công ty tập trung thi công khối lượng các công trình chuyển tiếp từ năm 2023 và các công trình, dự án mới trúng thầu để đạt được mục tiêu đóng điện theo yêu cầu của chủ đầu tư, nhằm tạo uy tín của VNECO trên thị trường và các dự án án năng lượng tái tạo khác khác...;

Hướng tới mục tiêu chiến lược phát triển ổn định, bền vững cho Tổng Công ty và cả tổ hợp VNECO trong những năm tiếp theo, HĐQT và Ban điều hành tiếp tục xác định chiến lược của Tổng Công ty là lựa chọn để đầu tư một số dự án trọng điểm về nguồn năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời, đẩy mạnh lĩnh vực xây lắp các công trình điện năng lượng tái tạo, dự án kinh doanh bất động sản; mở rộng hoạt động kinh doanh thương mại. Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch tỷ trọng doanh thu, lợi nhuận trong cơ cấu kinh doanh, nhằm từng bước giảm phụ thuộc vào hoạt động xây lắp các công trình điện truyền thống.

Ngoài ra, nhằm tăng cường công tác quản trị của tổ hợp VNECO, năm 2024, Hội đồng quản trị tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy trình, quy chế quản lý theo hướng chuyên trách, nâng cao vai trò từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành của Tổng Công ty và thực hiện giám sát nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tổ hợp VNECO, đảm bảo tối đa lợi ích cho cổ đông.



PHẦN VI
QUẢN TRỊ CÔNG TY



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2020-2025

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Ông: Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT (TV HĐQT không độc lập điều hành)	30/6/2020
2	Ông: Trần Quang Cần	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (TV không độc lập, điều hành)	30/6/2020
		Phó Chủ tịch HĐQT (TV độc lập, không điều hành)	23/02/2023
		Thành viên HĐQT (TTV độc lập, không điều hành)	19/11/2023
3	Ông: Đào Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT (TV độc lập, không điều hành)	30/6/2020
		Phó Chủ tịch HĐQT (TV độc lập, không điều hành)	06/04/2022
4	Ông: Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (TV không độc lập, điều hành)	30/6/2020
		Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (TV không độc lập, điều hành)	23/02/2023
5	Ông: Phạm Phú Mai	Thành viên HĐQT (TV độc lập, không điều hành)	30/6/2020
		Phó Chủ tịch HĐQT (TV độc lập, không điều hành)	19/11/2023

Ông Nguyễn Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025)

Năm sinh: 15/3/1975

Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Kế toán Quốc tế
Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2023: 2.000.010 cp
phần - tỷ lệ 2,21% vốn điều lệ

2000 - 2005	Kiểm toán viên Công ty kiểm toán Việt Nam (nay là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam)
2005 - 2018	Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Kế toán CPA VIETNAM Thành viên hãng Moore Quốc tế
2018 - 2019	Tổng giám đốc Công ty CP Điện gió Hồng Phong 1
2018 - đến nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Kiểm toán Kroize
30/6/2020 - nay	Chủ tịch HĐQT Tổng CTCP Xây dựng Điện Việt Nam



Ông Trần Quang Cần - Thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025)
(xem mục Ban điều hành)



Ông Nguyễn Tịnh - Thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025) kiêm Tổng Giám đốc
(xem mục Ban điều hành)

Ông Đào Ngọc Quỳnh - Thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025)

Năm sinh: 01/9/1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Điện tử

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2023: 0 cổ phần - tỷ lệ

0% vốn điều lệ

- 1989 - 1994 Cán bộ kỹ thuật Công xây dựng số 25 - Tổng công ty xây dựng sông Hồng
- 1999 - 2009 Giám đốc công ty dịch vụ XNK BRNO - Cộng hòa Séc
- 2010 - 2015 TV HĐQT kiêm Phó giám đốc Công ty CP Giải pháp công nghệ Kiểm tra Không phá hủy Dầu khí Việt Nam
- 2016 - 2018 TV HĐQT Công ty CP dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long
- 2017 - nay Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty CP Tập đoàn Trí Tuệ Việt
- 30/6/2020 - 06/04/2022 Thành viên HĐQT Tổng CTCP Xây dựng Điện Việt Nam
- 06/04/2022 - nay Phó chủ tịch HĐQT Tổng CTCP Xây dựng điện Việt Nam



Ông ĐÀO NGỌC QUỲNH
Thành viên HĐQT

Ông Phạm Phú Mai - Phó chủ tịch HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025)



Ông PHẠM PHÚ MAI
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 20/2/1976

Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản trị Kinh doanh

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2023: 0 cổ phần - tỷ lệ

0% vốn điều lệ

- 1999 - 2020 Giám đốc điều hành Công ty Thương mại Đầu tư và Phát triển (TID)
- 30/6/2020 - 19/11/2023 Thành viên HĐQT Tổng CTCP Xây dựng Điện Việt Nam
- 19/11/2023 - nay Phó chủ tịch HĐQT Tổng CTCP Xây dựng Điện Việt Nam

**Tiểu ban HĐQT - HDQT sẽ xem xét thành lập các tiểu ban khi cần thiết

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Năm 2023, Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng Công ty đã tổ chức 11 cuộc họp. Trong đó 10 lần tổ chức họp và 01 lần lấy ý kiến Thành viên HĐQT, với thành phần tham gia như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông: Nguyễn Anh Tuấn (Chủ tịch HĐQT)	30/6/2020	11/11	100%	
2	Ông: Trần Quang Cán (Thành viên HĐQT)	30/6/2020 BN PCT: 23/02/2023 MN PCT: 19/11/2023	07/11	63,7%	Nghỉ việc riêng
3	Ông: Đào Ngọc Quỳnh (Phó Chủ tịch HĐQT)	30/6/2020 BN PCT: 06/04/2022	11/11	100%	
4	Ông: Nguyễn Tịnh (Thành viên HĐQT)	30/6/2020	11/11	100%	
5	Ông: Phạm Phú Mai (Phó Chủ tịch HĐQT)	30/6/2020 BN PCT: 19/11/2023	11/11	100%	

CÁC NGHỊ QUYẾT TRONG NĂM 2023 CỦA HĐQT

TT	Số nghị quyết	Ngày phát hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	04 QĐ/VNECO -HĐQT	23/02/2023	V/v ông Trần Quang Cán thôi giữ chức vụ: Tổng Giám đốc	100%
2	05 NQ/VNECO -HĐQT	23/02/2023	V/v bổ nhiệm ông Nguyễn Tịnh, giữ chức vụ: Tổng Giám đốc	100%
3	06 QĐ/VNECO -HĐQT	23/02/2023	Về việc bổ nhiệm ông Trần Quang Cán, giữ chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT	100%
4	07 QĐ/VNECO -HĐQT	23/02/2023	Về việc giao chủ tài khoản của Tổng Công ty	100%
5	11 QĐ/VNECO -HĐQT	13/04/2023	Về việc Gia hạn thời gian tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
6	15 QĐ/VNECO -HĐQT	13/04/2023	Về việc cử thay thế Người đại diện vốn VNECO tại VNECO3	100%
7	16 QĐ/VNECO -HĐQT	08/05/2023	Về việc Ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông tham dự họp thường niên năm 2023	100%
8	18 QĐ/VNECO -HĐQT	06/06/2023	V/v Thời gian tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên và phê duyệt tài liệu để trình ĐHĐCĐ họp thường niên năm 2023	100%
9	20 QĐ/VNECO -HĐQT	29/08/2023	V/v Bán một phần vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Cty CP XD điện VNECO3	100%



TT	Số nghị quyết	Ngày phát hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
10	23 QĐ/VNECO -HĐQT	30/08/2023	V/v Cử người đại diện theo uỷ quyền của chủ sở hữu tại Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	100%
11	27 QĐ/VNECO -HĐQT	09/10/2023	Thông qua chủ trương xử lý nợ đối với khoản nợ của HDBank tại C.ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	100%
12	28 QĐ/VNECO -HĐQT	19/11/2023	V/v miễn nhiệm chức danh Phó C.tịch HĐQT, N.kỳ 2020-2025 đối với ông Trần Quang Cán	100%
13	29 QĐ/VNECO -HĐQT	19/11/2023	V/v Bổ nhiệm ông Phạm Phú Mai giữ chức vụ: Phó chủ tịch HĐQT, nhiệm kỳ 2020-2025	100%



HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Trong năm 2023, Thành viên HĐQT độc lập đã tham gia các cuộc họp HĐQT là Ông Trần Quang Cấn (tham gia 7/11 cuộc họp); Ông Phạm Phú Mai (tham gia 11/11 cuộc họp); Ông Đào Ngọc Quỳnh (tham gia 11/11 cuộc họp)..

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thành viên HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác của Công ty đã tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty theo quy định và đã tham gia khóa đào tạo về Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ. Chủ tịch HĐQT đã nhận Chứng chỉ Kiểm toán viên quốc gia; Trưởng Ban kiểm soát là Kiểm toán viên, Kế toán cao cấp...

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban điều hành Tổng Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về quản trị công ty; tham gia các khóa tập huấn/hội thảo do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh tổ chức và sẽ tiếp tục tham gia các khóa đào tạo do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức vào thời điểm phù hợp.

BAN KIỂM SOÁT CƠ CẤU THÀNH VIÊN VÀ SƠ YẾU LÝ LỊCH

TT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày Miễn nhiệm
Danh sách Thành viên Ban kiểm soát, nhiệm kỳ 2020-2025				
1	Bà: Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng ban kiểm soát	30/06/2020	
2	Bà: Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Thành viên ban kiểm soát	30/06/2020	29/06/2023
3	Ông: Nguyễn Đức Thường	Thành viên ban kiểm soát	29/06/2023	
3	Bà: Nguyễn Thị Như	Thành viên ban kiểm soát	29/04/2022	

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Trưởng Ban Ban Kiểm soát



Bà NGUYỄN THỊ THANH HÀ

Năm sinh: 18/02/1970

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Kiểm toán viên cấp Nhà nước, chứng chỉ Kế toán trưởng

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2023: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

3/1992 - 4/1995
5/1996 - 2/2001

Trợ lý Kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán Việt Nam
Kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán Deloitte Việt Nam

3/2005 - 12/2008

Kế toán cao cấp - Công ty Comvik International Việt Nam AB

01/2009 - 12/2014

Chuyên viên dịch vụ chuyển Vùng Quốc tế - Trung tâm điện thoại di động

01/2015 - 6/2017

Trưởng Đại diện Phụ trách Khu vực phía Nam - Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA)

7/2017 đến nay

Trưởng Đại diện Việt Nam - Hiệp hội kế toán Quản trị Công chứng Anh Quốc CIMA-CGMA
Giám đốc Tài chính - Công ty Di lịch Malblue
Trưởng Ban Kiểm Soát - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

30/06/2020 đến nay



Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh - Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 25/11/1983

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2023: 20 cổ phần

10/2005 - 6/2006	Chuyên viên phân tích tài chính Công ty CP chứng khoán TP.HCM
7/2006 - 2/2007	Kế toán quản trị Công ty CP Sữa Việt Nam (Vinamilk)
3/2007 - 4/2008	Chuyên viên tư vấn khối Tài chính DN và Bảo lãnh phát hành tại Công ty CPCK Việt Quốc
4/2008 - 5/2010	Chuyên viên tư vấn Tài chính DN Công ty CP chứng khoán Nhất Việt (VFS)
8/2010 - 2/2017	Phó Giám đốc tư vấn Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí
5/2017 - 2/2018	Trưởng phòng tư vấn Công ty CP Chứng khoán Dầu khí
3/2018 - 30/06/2020	Giám đốc tư vấn Công ty TNHH Kiểm toán Krotze
30/6/2020 - 29/06/2023	Thành viên Ban Kiểm Soát - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.



Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh

Thành viên Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Như - Thành viên Ban Kiểm soát



Bà NGUYỄN THỊ NHƯ

Thành viên Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Như

năm sinh: 05/05/1987

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2023: 6.100 cổ phần

Thời gian	Vị trí
9/2010-6/2016	Chuyên viên P.KT-KH - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.
7/2016-6/2018	Chuyên viên P.Đầu thầu - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.
7/2018-4/2021	Chuyên viên P.NLTT - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.
5/2021-đến nay	Phó phòng P.Phát triển thị trường - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.
29/04/2022-đến nay	Thành viên Ban Kiểm Soát - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

Ông Nguyễn Đức Thường - Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: kỹ sư xây dựng

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2023: 0 cổ phần

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
07/1995-3/2000	Cán bộ kỹ thuật; Đội trưởng Đội thi công Công ty Xây dựng Lũng Lô
4/2000-7/2006	Phó Giám đốc Xí nghiệp xây dựng Giao thông và Hạ tầng, Công ty Xây dựng số 4 - Hà Nội
8/2006 - 2023	Điều hành thi công Công ty Xây dựng Quốc tế - Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội
6/2023 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông:

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát duy trì hoạt động thường xuyên, tham dự các cuộc họp của HĐQT, Ban Điều hành tại các cuộc họp hàng tháng, hàng quý để nắm bắt được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong việc thực hiện mục tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ngoài ra, Ban kiểm soát thực hiện công tác kiểm tra, giám sát cùng với các phòng, ban chức năng của Tổng Công ty góp phần quản lý hoạt động rủi ro và nâng cao chất lượng quản trị của Tổng Công ty, hoạt động của Ban Kiểm soát chủ yếu là:

- Giám sát quá trình triển khai và thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng Quản trị;
- Giám sát việc thực hiện Điều lệ, việc quản trị nội bộ và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, việc thực thi kế hoạch kinh doanh của Tổng Công ty;
- Giám sát việc tuân thủ quy chế, qui định nội bộ của của Tổng Công ty;
- Kiểm tra tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo Tài chính các quý năm 2023;
- Đánh giá hiệu quả quản lý, hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành và tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty thông qua Báo cáo Tài chính và báo cáo định kỳ của HĐQT, Ban Điều hành trong năm 2023



Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát:

- Ban Kiểm soát nhận thấy các nghị quyết của HĐQT ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT, nội dung các nghị quyết này tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty và các qui định khác của Pháp luật
- Ban Điều hành đã thực hiện phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể cho từng thành viên phụ trách theo từng vùng, từng lĩnh vực, thường xuyên tổ chức họp giao ban, rà soát đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh.
- Ban Điều hành thường xuyên làm việc với các đơn vị trực thuộc để kịp thời chấn chỉnh các hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị.
- Ban Điều hành có những chiến lược, chính sách trong điều hành để thích ứng tình hình thực tế. Tuy nhiên do những khó khăn từ kinh tế vĩ mô nên Tổng Công ty đã không hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023 mà ĐHĐCĐ đã thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2023.

Hoạt động khác của Ban Kiểm soát.

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã thực hiện việc xem xét đánh giá thực trạng việc chưa thực hiện trả cổ tức và cổ phiếu năm 2022; việc thực hiện nghĩa vụ lương, BHXH, BHYT, BHTN với người lao động cũng như công tác quản lý an toàn lao động theo đúng pháp luật, Hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể; công tác cung cấp thông tin về hoạt động Tổng Công ty cho các cơ quan quản lý và nhà đầu tư; tiếp cận trực tiếp các dự án trọng điểm của Tổng Công ty; đánh giá tính hiệu quả của dự án, của việc sử dụng nguồn vốn tự có, vốn vay trong thời hạn ngắn, trung và dài hạn; đưa ra các ý kiến đóng góp cho HĐQT và Ban Điều hành trong công tác quản lý điều hành hoạt động SXKD nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của Tổng Công ty

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát.

Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
Danh sách Thành viên Ban kiểm soát, nhiệm kỳ 2020-2025				
1 Bà: Nguyễn Thị Thanh Hà	4/4	100%	100%	
2 Bà: Nguyễn Thị Hoàng Oanh	2/4	100%	100%	Miễn nhiệm ngày 29/06/2023
3 Ông: Nguyễn Đức Thương	2/4	50%	100%	Bổ nhiệm ngày 29/06/2023
4 Bà: Nguyễn Thị Như	2/4	75%	100%	Bận công tác khác

GIAO DỊCH, THÙ LAO HĐQT, BĐH, BKS

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ	Thù lao	Lương, thưởng	Tổng cộng
Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2020-2025					
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT không độc lập, điều hành)	840.000.000		840.000.000
2	Ông Trần Quang Cán	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành	196.813.000		196.813.000
3	Ông Phạm Phú Mai	Phó CT HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành	84.000.000		84.000.000
4	Ông Đào Ngọc Quỳnh	Phó CT HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	480.000.000		480.000.000
5	Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Tổng Giám đốc	84.000.000		84.000.000
Ban Kiểm soát (nhiệm kỳ 2020-2025)					
1	Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng ban Kiểm soát	300.000.000		300.000.000
2	Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Thành viên BKS	24.000.000		24.000.000
3	Ông Nguyễn Đức Thường	Thành viên BKS	24.000.000		24.000.000
3	Bà Nguyễn Thị Như	Thành viên BKS	48.000.000		48.000.000
Ban điều hành					
1	Ông Trần Quang Cán	Cựu Tổng Giám đốc	-	118.195.650	118.195.650
2	Ông Nguyễn Tịnh	Tân Tổng Giám đốc	-	772.465.224	772.465.224
3	Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc	-	493.020.024	493.020.024
4	Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc	-	522.197.381	522.197.381
5	Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc	-	522.290.777	522.290.777
6	Ông Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng	-	470.251.529	470.251.529
TỔNG CỘNG			2.080.813.000	2.898.420.585	4.979.233.585



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ đối với cổ phiếu của Tổng Công ty trong năm 2023

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)	
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	3.844.810	4,25	2.000.010	2,21	Bán CP VNE (CTCK giải chấp 1.435.800 CP)
2	Ông Trần Quang Cần	Thành viên HĐQT	7.100.000	7,85	0	0	Bán CP VNE (CTCK giải chấp 1.240.000 CP)
3	Công ty CP Malblue	Ông: Nguyễn Anh Tuấn- Chủ tịch HĐQT VNE là Chủ tịch HĐQT Công ty Malblue	11.103.400	12,28	4.025.300	4,45	Bán CP VNE (CTCK giải chấp 641.500 CP)
4	Bà La Mỹ Phượng	Cổ đông lớn	5.206.789	5,76	9.527.289	10,54	Mua CP VNE
5	Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc	104.500	0,128	4.500	0,005	<u>Bán CP VNE</u>
6	Trần Thị Ngọc Hoa	Chị ruột Ông Trần Quang Cần	25.000	0,03	0	0	Bán CP VNE
7	Cổ phiếu quỹ		8.498.920	9,398	8.377.720	9,264	CTCK giải chấp 121.200 CP

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

- Năm 2023, Tổng Công ty có phát sinh giao dịch liên quan đến các thành viên chủ chốt (Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng) và người có liên quan, cụ thể như sau:

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	Năm 2023
1	Công ty CP Malblue	Công ty có chung nhân sự quản lý chủ chốt	Thu xếp vốn	27.934.967.254
2	Công ty CP Malblue	Công ty có chung nhân sự quản lý chủ chốt	Mua hàng	13.757.407
3	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Thu xếp vốn	3.254.999.998
4	Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc	Thu xếp vốn	50.000.000
5	Ông Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng	Thu xếp vốn	3.851.000.000
6	Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Thành viên Ban kiểm soát	Thu xếp vốn	2.219.999.998

Ngoài ra, phát sinh các giao dịch trong tổ chức thi công xây dựng các công trình điện với các công ty con, công ty liên kết, cụ thể: Phụ lục 1;

- Đối với các giao dịch giữa Tổng Công ty với Công ty con, công ty liên kết trong Tổ hợp VNECO chủ yếu về hoạt động xây dựng các công trình hệ thống lưới điện là ngành nghề chính của cả Tổ hợp VNECO. Các hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với Công ty con, Công ty liên kết trong tổ hợp VNECO thực hiện đúng theo quy chế quản lý, quản trị công ty, tuân thủ quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy định của Luật doanh nghiệp.

- Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát: không có.

- Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

+ Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Phụ lục 2;

+ Giao dịch giữa Tổng Công ty với Công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: không có;

+ Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: không có.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam luôn tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật và Quy chế nội bộ công ty



Phụ lục 1: Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với Công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch năm 2023 (số liệu trước kiểm toán)	Ghi chú
1	Công ty cổ phần XD điện VNECO 3	Công ty con	2703000200 NC: 20-11-2003 Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An	P. Trung Đô, TP Vinh, Nghệ An	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2021, 2022, 2023		- Các khoản phải thu trong kỳ: 884.669.552 đồng - Các khoản phải trả trong kỳ: 25.494.443.424 đồng	Các giao dịch giữa TCty với Cty con và Cty liên kết trong tổ hợp Vneco chủ yếu là các hoạt động xây dựng các công trình hệ thống lưới điện là ngành nghề chính của cả tổ hợp Vneco. Số liệu được thể hiện rõ và chi tiết trên Báo cáo tài chính
2	Công ty cổ phần XD điện VNECO 4	Công ty con	2703000185 NC: 31-10-2003 Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An	197, Nguyễn Trường Tộ, Tp Vinh, Nghệ An	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2021, 2022, 2023		- Các khoản phải thu trong kỳ: 637.141.756 đồng - Các khoản phải trả trong kỳ: 19.745.946.885 đồng	
3	Công ty cổ phần XD điện VNECO 8	Công ty con	4003000031 NC: 19-11-2003 Sở KH và ĐT Đắk Lắk	10 Đào Duy Từ, TP Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2021, 2022, 2023	Theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Nghị quyết số 26 NQ/VNECO-	- Các khoản phải thu trong kỳ: 912.611.639 đồng - Các khoản phải trả trong kỳ: 2.127.035.328 đồng	
4	Công ty cổ phần XD điện VNECO 12	Công ty con	2903000041 NC: 01-08-2005 Sở KH&ĐT Quảng Bình	Tiểu khu 7, Bắc Lý, Đồng Hới, QB	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2021, 2022, 2023	HDQT ngày 31-7-2017 và các quy định có liên quan về việc thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với Cty con, Cty liên kết trong tổ hợp VNECO	- Các khoản phải thu trong kỳ: 150.424.937 đồng - Các khoản phải trả trong kỳ: 16.167.461.719 đồng	
5	Công ty TNHH MTV VNECO miền Trung	Công ty con	0401801575 NC: 24-11-2016 Sở Kế hoạch và Đầu tư TP ĐN	344 Phan Châu Trinh, Bình Thuận, Hải Châu, TP ĐN	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2021, 2022, 2023		- Các khoản phải thu trong kỳ: 758.834.845 đồng - Các khoản phải trả trong kỳ: 8.631.089.865 đồng	
6	Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Công ty con	3401132231 NC: 05-08-2016 Sở KH&ĐT Bình Thuận	Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, Bắc Bình, Bình Thuận	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2021		- Các khoản phải thu trong kỳ: 56.897.693.287 đồng - Các khoản phải trả trong kỳ: 37.421.249.770 đồng	
7	Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO- Hòa Thắng	Công ty con	3401157324 NC: 01-11-2017 Sở Kế hoạch & Đầu tư Bình Thuận	Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, Bắc Bình, Bình Thuận	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2020		- Các khoản phải thu trong kỳ: 0 đồng	

Phụ lục 1: Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với Công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của HĐQT, HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch năm 2023 (số liệu trước kiểm toán)	Ghi chú
8	Công ty CP Năng lượng VNECO	Công ty con	0402056588 NC: 04-08-2020 Sở K.hoạch & Đầu tư Đà Nẵng	344 Phan Châu Trinh, Bình Thuận, Hải Châu, TP Đà Nẵng	Chưa phát sinh giao dịch	Theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Nghị quyết số 26 NQ/VNECO-HĐQT ngày 31-7-2017 và các quy định có liên quan về việc thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với C.ty con, C.ty liên kết trong hồ hợp VNECO	- Chưa phát sinh giao dịch	Các giao dịch giữa TCty với Cty con và Cty liên kết trong hồ hợp Vneco chủ yếu là các hoạt động xây dựng các công trình hệ thống lưới điện là ngành nghề chính của cả tổ hợp Vneco. Số liệu được thể hiện rõ và chi tiết trên Báo cáo tài chính
9	Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Công ty con	0108780468 NC: 16-10-2020 Sở Kế hoạch và Đầu tư Hồ Chí Minh	132 Cao Đứơc Lâm, Phường An Phú, Quận 2, TP Hồ Chí Minh	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2022, 2023	2017 và các quy định có liên quan về việc thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với C.ty con, C.ty liên kết trong hồ hợp VNECO	- Các khoản phải thu trong kỳ: 17.444.334.313 đồng - Các khoản phải trả trong kỳ: 18.945.586.233 đồng	
10	Công ty Cổ phần VNECO - RME	Công ty con	0313288925 NC: 30/3/2021 Sở Kế hoạch và Đầu tư Hồ Chí Minh	99 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2021, 2022, 2023		- Các khoản phải thu trong kỳ: 1.100.000.000 đồng - Các khoản phải trả trong kỳ: 39.704.424.192 đồng	
11	Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Công ty con	0402082482 NC 04/02/2021 Sở K.hoạch & Đầu tư Đà Nẵng	344 Phan Châu Trinh, Bình Thuận, Hải Châu, TP ĐN	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2021, 2022, 2023		- Các khoản phải thu trong kỳ: 1.635.110.727 đồng - Các khoản phải trả trong kỳ: 1.442.989.376 đồng	
12	Công ty cổ phần XD điện VNECO 10	Công ty liên kết	3503000050 NC: 16-01-2008 Sở KH&ĐT Bình Định	Phường Trần Quang Diệu, TP Quy Nhơn, Bình Định	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2022, 2023		- Các khoản phải thu trong kỳ: 0 đồng - Các khoản phải trả trong kỳ: 784.944.224 đồng	



Phụ lục 2: Giao dịch giữa công ty với đối tượng khác (Giao dịch giữa Tổng Công ty với Công ty mà thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên HĐQT)

1	Công ty cổ phần XD điện VNECO 3	- Công ty con; - Ông Võ Thành Lương, Trưởng phòng PTTT Tổng Cục là Chủ tịch HĐQT VNECO3	2703000200 NC: 20-11-2003 Số Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An	P. Trung Đô, TP Vinh, Nghệ An	Giao dịch liên quan HD XD các công trình điện, từ năm 2021 đến nay được phản ánh trong BCTC năm 2021, 2022 và năm 2023
2	Công ty cổ phần XD điện VNECO 4	- Công ty con; - Ông: Trần Văn Huy, Phó TGĐ Tổng Công ty là Chủ tịch HĐQT C.ty.	2703000185 NC: 31-10-2003 Số Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An	Số 197, Nguyễn Trường Tộ, TP Vinh, Nghệ An	Nt
3	Công ty cổ phần XD điện VNECO 8	- Công ty con; - Ông: Lê Văn Khôi, Phó TGĐ Tổng Công ty là Chủ tịch HĐQT C.ty.	4003000031 NC: 19-11-2003 Số KH và ĐT Đắk Lắk	Số 10 Đào Duy Từ, TP Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk	Nt
4	Công ty cổ phần XD điện VNECO 12	- Công ty con; - Ông: Nguyễn Tinh, TGĐ Tổng Công ty là Chủ tịch HĐQT C.ty.	2903000041 NC: 01-08-2005 Số KH&ĐT Quảng Bình	Tiểu khu 7, Bắc Lý, Đồng Hới, QB	Nt
5	Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	- Công ty con; - Ông: Nguyễn Tinh, Tổng Giám đốc Thuận Công ty là Chủ tịch HĐTV C.ty.	3401132231 NC: 05-08-2016 Số KH&ĐT Bình Thuận	Thôn Hồng Chinh, xã Hòa Thắng, Bắc Bình, Bình Thuận	Nt
6	Công ty CP Năng lượng VNECO	- Công ty con; Ông: Trần Quang Cẩm, Thành viên HĐQT Tổng Công ty là Chủ tịch HĐQT C.ty.	0402056588 NC: 04-08-2020 Số K. hoạch & Đầu tư Đà Nẵng	344 Phan Châu Trinh, Bình Thuận, Hải Châu, TP ĐN	Chưa phát sinh giao dịch
7	Công ty TNHH Đầu tư VNECO	- Công ty con; - Ông: Đào Ngọc Quỳnh, Phó CT HĐQT Tổng Công ty là Chủ tịch Hội đồng thành viên C.ty.	0108780468 NC: 16-10-2020 Số Kế hoạch và Đầu tư Hồ Chí Minh	132 Cao Đức Lâm, Phường An Phú, Quận 2, TP Hồ Chí Minh	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng từ năm 2021 đến nay được phản ánh trong BCTC năm 2021, 2022 và năm 2023
8	Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	- Công ty con; - Ông: Trần Quang Cẩm, TV HĐQT Tổng Công ty là Chủ tịch Hội đồng thành viên C.ty.	0402082482 NC 04/02/2021 Số K. hoạch & Đầu tư Đà Nẵng	344 Phan Châu Trinh, Bình Thuận, Hải Châu, TP ĐN	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng từ năm 2021 đến nay được phản ánh trong BCTC năm 2021, 2022 và năm 2023
9	Công ty Cổ phần VNECO - RME	- Công ty con; - Ông: Trần Quang Cẩm, TV HĐQT Tổng Công ty là Thành viên HĐQT	0313288925 NC 30/3/2021 Số Kế hoạch và Đầu tư Hồ Chí Minh	99 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng từ năm 2021 đến nay được phản ánh trong BCTC năm 2021, 2022 và năm 2023
10	Công ty cổ phần XD điện VNECO 10	Công ty liên kết; - Ông: Lê Văn Khôi – Phó tổng giám đốc là Chủ tịch HĐQT VNECO 10	NC: 16-01-2008 Số KH&ĐT Bình Định	Phường Trần Quang Diệu, TP Quy Nhơn, Bình Định	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng từ năm 2021 đến nay được phản ánh trong BCTC năm 2021, 2022 và năm 2023

PHẦN VII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Đà Nẵng, ngày 11 tháng 04 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam


- Mã chứng khoán: VNE
- Địa chỉ: Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: (84-0236.3562361)
- Fax: (84-0236.3562367) - E-mail: Info@vneco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2023 của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VNECO tại địa chỉ website: <https://www.vneco.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng! 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VNECO;

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tịnh

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 52

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam. Tổng Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/12/2005, đăng ký thay đổi các lần, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023.

Tên tiếng anh: VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION.

Tên viết tắt: VNECO.

Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023 là: 904.329.530.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm lẻ bốn tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với mã VNE.

Địa chỉ trụ sở chính: 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Đào Ngọc Quỳnh	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Phú Mai	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 19/11/2023)
Ông Trần Quang Cần	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 19/11/2023)
Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/06/2023)
Bà Nguyễn Thị Như	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/06/2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Quang Cần	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 23/02/2023)
Ông Nguyễn Tịnh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 23/02/2023)
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quảng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02/01/2024)
Ông Đỗ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02/01/2024)

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài các sự kiện đã nêu tại mục 7.4 - Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Tịnh
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 4 năm 2024

Số: 160/2024/BCKTHN-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam, được lập ngày 11 tháng 4 năm 2024, từ trang 07 đến trang 52, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

017912
CÔNG TY
H
I
N
H
N
AM
ĐỘI VIÊN

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2023, số dư công nợ phải thu (Mã số 131, 132) chưa đối chiếu, xác nhận là 56,6 tỷ VND; số dư công nợ phải trả (Mã số 311, 312, 320) chưa được đối chiếu, xác nhận là 258,1 tỷ VND. Chúng tôi đã tiến hành thực hiện các thủ tục kiểm toán để xem xét các số dư này, tuy nhiên các thủ tục kiểm toán mà chúng tôi thực hiện chưa giúp chúng tôi có được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết đối với tính hiện hữu đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả này, các khoản dự phòng cần trích lập theo các quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán. Do đó, Chúng tôi không thể xác định được số liệu cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 5.6 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó mô tả việc Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE tiếp quản toàn bộ khối lượng đã thực hiện, đã nghiệm thu và sẽ tiếp tục thực hiện các phần việc còn lại để hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc đã ký giữa Tổng Công ty với Công ty Cổ phần Xây dựng điện Hải Xuân, Công ty TNHH Về Nguồn, Công ty TNHH Đầu tư Lâm Thuận Phát. Tổng giá trị chuyển giao là 61.579.748.640 VND, đồng thời Tổng Công ty hạch toán giảm nợ phải thu với 3 đối tượng trên với tổng giá trị 64.398.171.902 VND, giảm giá trị dự phòng 53.550.041.972 VND và tăng phải thu Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE là 61.579.748.640 VND.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 7.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó mô tả vấn đề liên quan đến kết quả của Bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, Tổng Công ty đang làm các thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục Giám đốc thẩm. Ngày 08/02/2022, Cục thi hành án dân sự Thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Tổng Công ty.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh 4, bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp. Tại ngày 31/12/2023, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn 32.832.130.727 VND. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Tổng Công ty có kết quả kinh doanh lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền 28.540.034.583 VND và Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm 230.829.244.635 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề nêu trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán số 255/2023/BCKTHN-E.AFA ngày 01/4/2023 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Bùi Thị Thúy
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1
Giấy Ủy quyền số: 04/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2024

Nguyễn Thị Tiên
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5276-2021-137-1
Số Giấy Ủy quyền số: 04/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=100+120+130+140+150)	100		1.968.384.072.242	2.217.780.561.111
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	49.943.041.773	158.760.669.197
1. Tiền	111		38.688.534.630	115.103.878.685
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.254.507.143	43.656.790.512
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	25.453.052.944	61.554.295.890
1. Chứng khoán kinh doanh	121		3.011.852	3.011.852
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.439.952)	(2.500.152)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		25.452.481.044	61.553.784.190
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.166.563.858.043	1.308.024.835.076
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	810.146.251.780	912.634.721.531
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	163.676.887.389	207.204.296.394
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	200.000.000	11.035.729.594
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	209.640.120.573	192.961.686.810
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(17.099.401.699)	(15.811.599.253)
IV. Hàng tồn kho	140		558.055.074.605	506.287.520.804
1. Hàng tồn kho	141	5.8	558.127.696.714	506.360.142.913
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(72.622.109)	(72.622.109)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		168.369.044.877	183.153.240.144
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	168.940.074	426.126.629
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		168.119.771.360	182.612.587.741
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.17	80.333.443	114.525.774
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		1.785.977.952.707	1.792.839.394.749
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.456.007.144	7.215.086.356
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	7.456.007.144	7.215.086.356
II. Tài sản cố định	220		828.655.155.387	889.966.914.936
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	796.823.361.507	857.727.195.100
- Nguyên giá	222		1.068.860.322.856	1.069.891.341.253
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(272.036.961.349)	(212.164.146.153)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	31.831.793.880	32.239.719.836
- Nguyên giá	228		36.524.143.848	36.524.143.848
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.692.349.968)	(4.284.424.012)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	226.246.124.834	226.246.124.834
1. Nguyên giá	231		226.246.124.834	226.246.124.834
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.13	666.579.888.405	592.198.697.186
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		79.873.851.629	78.922.717.234
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		586.706.036.776	513.275.979.952
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	38.853.387.949	58.639.855.353
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		7.170.480.311	5.967.241.631
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.823.808.160	31.157.139.589
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.320.900.522)	(2.214.525.867)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		3.180.000.000	23.730.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18.187.388.988	18.572.716.084
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	2.020.048.204	4.537.535.622
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.14	12.946.495.793	10.814.335.471
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		3.220.844.991	3.220.844.991
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		3.754.362.024.949	4.010.619.955.860

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2.747.776.376.350	2.976.270.313.614
I. Nợ ngắn hạn	310		2.001.216.202.969	2.203.240.805.319
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	469.667.691.058	645.769.639.036
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	314.067.910.481	348.946.139.826
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	16.979.823.167	9.117.687.579
4. Phải trả người lao động	314		17.062.502.936	18.494.709.661
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	83.122.332.776	56.069.914.116
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	28.905.632.521	31.862.144.147
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	1.066.246.487.312	1.087.294.213.030
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.339.286.799	1.639.179.859
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.824.535.919	4.047.178.065
II. Nợ dài hạn	330		746.560.173.381	773.029.508.295
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.15	564.472.217	168.035.113.088
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	5.16	8.742.072.242	8.742.072.242
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20	735.762.513.695	595.250.949.157
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.491.115.227	1.001.373.808
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.006.585.648.599	1.034.349.642.246
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.21	1.006.585.648.599	1.034.349.642.246
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		904.329.530.000	904.329.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		904.329.530.000	904.329.530.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.039.888.383	2.527.289.930
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.095.055.143	7.095.055.143
4. Cổ phiếu quỹ	415		(87.627.513.743)	(88.867.037.290)
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.763.832.141	16.763.832.141
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		187.800.358	187.800.358
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		124.543.299.726	142.635.805.631
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		142.659.724.568	128.164.265.553
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(18.116.424.842)	14.471.540.078
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		39.253.756.591	49.677.366.333
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.754.362.024.949	4.010.619.955.860
(440 = 300+400)				

Người lập biểu



Võ Quang

Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Minh Triết

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 4 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tĩnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.057.690.626.924	2.132.864.899.915
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	1.057.690.626.924	2.132.864.899.915
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	898.587.801.002	1.999.788.966.082
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		159.102.825.922	133.075.933.833
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	8.530.702.099	12.693.502.949
7. Chi phí tài chính	22	6.4	129.111.877.987	109.710.914.725
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>123.670.184.195</i>	<i>101.812.676.416</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		153.377.107	4.879.542.574
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	319.267.651	421.871.256
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	57.052.722.273	19.917.774.570
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		(18.696.962.783)	20.598.418.805
12. Thu nhập khác	31	6.6	1.092.483.353	1.798.631.132
13. Chi phí khác	32	6.6	2.121.013.757	3.691.733.107
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(1.028.530.404)	(1.893.101.975)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(19.725.493.187)	18.705.316.830
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	10.946.701.717	7.746.393.031
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.8	(2.132.160.321)	879.567.414
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(28.540.034.583)	10.079.356.385
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(18.116.424.842)	14.471.540.078
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(10.423.609.741)	(4.392.183.693)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(221)	173

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 4 năm 2024
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Võ Quang

Phạm Đỗ Minh Triết



Nguyễn Tịnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(19.725.493.187)	18.705.316.830
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		60.280.741.152	73.717.654.220
- Các khoản dự phòng	03		1.394.116.901	(45.786.008.094)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.120.621.943	4.776.093.310
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.352.079.698)	(6.778.745.720)
- Chi phí lãi vay	06		123.670.184.195	101.812.676.416
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		158.388.091.306	146.446.986.962
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		141.491.372.595	(90.180.573.637)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(52.718.688.196)	(345.929.350.223)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(369.355.803.748)	(455.367.854.728)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.774.673.973	2.563.508.809
- Tiền lãi vay đã trả	14		(110.033.746.223)	(96.996.645.691)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.375.144.342)	(9.963.171.601)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(1.268.977.785)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(230.829.244.635)	(850.696.077.894)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(72.399.038.427)	(48.564.508.471)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		77.833.643	265.993.266
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(111.339.565.065)	(43.239.357.770)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		178.826.597.805	52.374.988.438
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(703.750.000)	(1.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		333.331.429	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.120.868.949	7.996.339.472
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.916.278.334	(32.166.545.065)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		752.122.000	3.250.000.000
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.795.524.341.402	2.673.778.934.306
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.677.181.124.525)	(1.709.476.774.374)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		119.095.338.877	967.552.159.932
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(108.817.627.424)	84.689.536.973
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		158.760.669.197	74.071.136.437
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(4.213)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	49.943.041.773	158.760.669.197

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 4 năm 2024

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Võ Quang

Phạm Đỗ Minh Triết



Nguyễn Tịnh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam. Tổng Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/12/2005, đăng ký thay đổi các lần, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023.

Tên tiếng anh: VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION.
Tên viết tắt: VNECO.

Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023 là: 904.329.530.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm lẻ bốn tỷ ba trăm hai mươi chín triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với mã VNE.

Địa chỉ trụ sở chính: 344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Số lao động của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2023 là 143 người (Tại ngày 31/12/2022 là 176 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500 Kv, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng;
- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh xăng dầu;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định DA đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đầu tư và hợp đồng kinh tế; tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- Đầu tư nhà máy thủy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;
- Đầu tư tài chính;
- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh vận tải, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải.
- Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;
- Kinh doanh bán kẹo, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước, hóa mỹ phẩm;
- Kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Cho thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm: Xây lắp đường dây, lắp đặt trạm biến áp và kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty có các Công ty con, liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>	<u>Tỉ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỉ lệ góp vốn</u>	<u>Tỉ lệ lợi ích</u>
Công ty con					
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Khối 3 Trung Đô, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Xây lắp các công trình lưới điện	52,93%	52,93%	52,93%
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Số 197 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Đông Vinh, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Xây lắp các công trình lưới điện	54,73%	54,73%	54,73%
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Số 10 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Xây lắp các công trình lưới điện	55,93%	55,93%	55,93%
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	155 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Xây lắp các công trình lưới điện	65,73%	65,73%	65,73%
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Thôn Hồng Chính, Xã Hòa Thắng, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%	100%	100%
Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng	Thôn Hồng Chính, Xã Hòa Thắng, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%	100%	100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	132 Cao Đức Lân, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần VNECO-RME	132 Cao Đức Lân, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	51%	38,97%	51%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Khu vực 6, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Xây lắp các công trình lưới điện	47,11%	47,11%	47,11%

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31/12/2023 gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Khách sạn Xanh Đà Nẵng	Số 64 Hoàng Văn Thái, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng.
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	Số 337/30 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - CN Miền Bắc	10A15 Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các Công ty con là Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4, Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12, Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1, Công ty TNHH Đầu tư VNECO, Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO, Công ty Cổ phần VNECO-RME, Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thăng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định hợp nhất Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần VNECO-RME được hợp nhất vào Báo cáo tài chính của Tổng Công ty với tổng tài sản là 136.711.122.339 VND, nợ phải trả là 102.843.222.607 VND, lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023 là 4.492.971.257 VND và tin tưởng rằng các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến số liệu Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần VNECO-RME sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể liên quan đến vấn đề này.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2023, các khoản nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 32.832.130.727 VND. Tổng Công ty có kết quả kinh doanh lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền 28.540.034.583 VND và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ âm 230.829.244.635 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty phụ thuộc vào khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Tổng Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

- Tổng Công ty đã thực hiện các biện pháp cắt giảm các chi phí phù hợp với quy mô hoạt động.
- Tổng Công ty đã làm việc với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân về việc giải chấp các bất động sản đang cầm cố để Tổng Công ty chuyển nhượng và thanh toán nợ vay đến hạn. Số tiền giao dịch tối thiểu là 118 tỷ đồng.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là Quyền sử dụng đất, bản quyền, bằng sáng chế và phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Bản quyền, bằng sáng chế khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 1 đến 4 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Cho thuê tài sản**Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Tổng Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị công trình xây dựng trên đất tại thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lạiTài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoãn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ với Thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi lập Bảng cân đối kế toán tại thời điểm lập Báo cáo.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 đến 36 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản Nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản Nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Tổng Công ty và Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành;
- Chi phí lãi vay.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**Hợp đồng xây dựng**

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Tổng Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là Bán hàng và cung cấp dịch vụ, kinh doanh Bất động sản, xây lắp, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	1.310.470.256	2.856.091.808
Tiền gửi ngân hàng	37.378.064.374	112.247.786.877
Các khoản tương đương tiền	11.254.507.143	43.656.790.512
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	11.254.507.143	43.656.790.512
Tổng	49.943.041.773	158.760.669.197

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại Ngân hàng.

Tổng giá trị các khoản tiền và tương đương tiền dùng để cầm cố đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2023 là 0 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 43.656.790.512 đồng).

5.2. Đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh						
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9	3.011.852	571.900	(2.439.952)	3.011.852	511.700	(2.500.152)
Tổng	3.011.852	571.900	(2.439.952)	3.011.852	511.700	(2.500.152)

Tổng Công ty xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày 29/12/2023 và ngày 30/12/2022 số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.2. Đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	25.452.481.044	25.452.481.044	61.553.784.190	61.553.784.190
- Tiền gửi có kỳ hạn	25.452.481.044	25.452.481.044	61.553.784.190	61.553.784.190
Dài hạn	3.180.000.000	3.180.000.000	23.730.000.000	23.730.000.000
- Trái phiếu	3.180.000.000	3.180.000.000	23.730.000.000	23.730.000.000
Tổng	28.632.481.044	28.632.481.044	85.283.784.190	85.283.784.190

(*) Trái phiếu Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: Mã trái phiếu BID2-19.05; mệnh giá: 10.000.000 đồng/trái phiếu; số lượng: 318 trái phiếu; kỳ hạn: 10 năm; ngày phát hành 26/9/2019; lãi suất: 6,9%/năm.

Toàn bộ trái phiếu Ngân hàng và các khoản tiền gửi có kỳ hạn hiện đang được thế chấp cho các hợp đồng vay của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận
Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.2. Đầu tư tài chính (Tiếp theo)

c. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Tỷ lệ		31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết						
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	47,11%	47,11%	4.703.750.000	7.170.480.311	4.000.000.000	5.967.241.631
Tổng			4.703.750.000	7.170.480.311	4.000.000.000	5.967.241.631

Trong năm, Tổng Công ty đã mua bổ sung 120.375 cổ phần Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10 tương ứng với giá trị 703.750.000 đồng; theo đó tỷ lệ vốn nắm giữ tại ngày 31/12/2023 là 47,11% (tại ngày 01/01/2023 là 40,06%).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.2. Đầu tư tài chính (Tiếp theo)**d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
Đầu tư dài hạn khác	30.823.808.160		(2.320.900.522)	
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 1 (i)	179.472	179.472	-	179.472
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9 (i)	916.740	916.740	-	916.740
- Công ty Cổ phần chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM (i)	1.913.808	1.913.808	-	1.913.808
- Công ty Cổ phần Sông Ba (i)	48.140	48.140	-	333.379.569
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hải Xuân VNECO (ii)	30.820.000.000	(ii)	(2.320.900.522)	30.820.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2 (i)	750.000	750.000	-	750.000
Tổng	30.823.808.160		(2.320.900.522)	31.157.139.589
				(2.214.525.867)

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày kết thúc năm tài chính được trình bày:

- (i) Tổng Công ty đã xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày 29/12/2023 và 30/12/2022 và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.
- (ii) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.3. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND (Trình bày lại)
Công ty Cổ phần thương mại REENIZE	194.919.038.257	252.069.056.050
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	51.713.581.877	64.044.215.736
Công ty TNHH Thép Thiên Long	143.662	77.428.695.869
Các đối tượng khác	563.513.487.984	519.092.753.876
Tổng	810.146.251.780	912.634.721.531

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND (Trình bày lại)
Bộ chỉ huy quân sự - TP Đà Nẵng (*)	25.493.022.727	25.493.022.727
Công ty TNHH xây dựng và thương mại FELIX	32.060.373.604	19.713.897.569
Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE	-	50.427.150.000
Các đối tượng khác	106.123.491.058	111.570.226.098
Tổng	163.676.887.389	207.204.296.394

(*) Khoản trả trước liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

5.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Malblue	-	1.212.032.740
Công ty Cổ phần Thương mại Reenize	-	9.723.696.854
Các đối tượng khác	200.000.000	100.000.000
Tổng	200.000.000	11.035.729.594

Trong đó:

Phải thu về cho vay với các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

- 1.212.032.740

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.6. Phải thu khác*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2023		01/01/2023 (Trình bày lại)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Ngắn hạn	209.640.120.573	(11.774.355.177)	192.961.686.810	(11.774.355.177)
Ký cược, ký quỹ	2.044.341.491	-	2.531.865.200	-
Tạm ứng	85.755.505.424	-	104.736.158.898	-
Phải thu khác	121.840.273.658	-	85.693.662.712	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà	11.490.000.000	(11.490.000.000)	11.490.000.000	(11.490.000.000)
Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE (*)	61.579.748.640	-	61.579.748.640	-
Phải thu khác	48.770.525.018	(284.355.177)	12.623.914.072	(284.355.177)
Dài hạn	7.456.007.144	-	7.215.086.356	-
Ký cược, ký quỹ	7.270.859.144	-	7.029.938.356	-
Đặt cọc, đảm bảo thực hiện	185.148.000	-	185.148.000	-
Tổng	217.096.127.717	(11.774.355.177)	200.176.773.166	(11.774.355.177)
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu các bên liên quan	19.997.174.034	-	4.520.548	-
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>				

(*) Tổng Công ty đã ký Hợp đồng số 08/2022/HĐXL-VNECO-REENIZE ngày 30/12/2022 để bàn giao công việc đang thực hiện cho Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE. Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE tiếp quản toàn bộ khối lượng đã thực hiện, đã nghiệm thu và sẽ tiếp tục thực hiện các phần việc còn lại để hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc đã ký giữa Tổng Công ty với Công ty Cổ phần Xây dựng điện Hải Xuân, Công ty TNHH Về Nguồn, Công ty TNHH Đầu tư Lâm Thuận Phát. Tổng giá trị chuyển giao là 61.579.748.640 đồng, đồng thời Tổng Công ty hạch toán giảm nợ phải thu với 3 đối tượng trên với tổng giá trị 64.398.171.902 đồng, giảm giá trị dự phòng 53.550.041.972 đồng và tăng phải thu Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE là 61.579.748.640 đồng.

5.7. Nợ xấu*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	18.247.830.391	1.148.428.692	16.224.459.006	412.859.753
Dự phòng phải thu khó đòi	17.099.401.699	-	15.811.599.253	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.8. Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2023		01/01/2023 (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.810.859.839	(31.428.690)	15.158.418.640	(31.428.690)
Công cụ, dụng cụ	1.663.524.711	(1.878.552)	1.698.412.660	(1.878.552)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	501.629.957.863	(5.724.243)	457.447.884.094	(5.724.243)
- Công trình ĐZ 500kV Quảng Trạch - Đốc Sỏi	27.120.417.668	-	36.657.293.243	-
- Công trình ĐZ 220kV đầu nối DA Điện gió Cà Mau 1 vào lưới điện Quốc Gia	141.313.538.931	-	130.697.087.037	-
- Công trình TBA GIS 220kV DA Điện gió Cà Mau 1	27.962.901.091	-	28.458.517.107	-
- Công trình khác	305.233.100.173	(5.724.243)	261.634.986.707	(5.724.243)
Thành phẩm	7.469.330.649	(33.590.624)	7.794.179.360	(33.590.624)
Hàng hóa	27.554.023.652	-	24.261.248.159	-
Tổng	558.127.696.714	(72.622.109)	506.360.142.913	(72.622.109)

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2023 là 33.105.629.078 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 45.362.004.682 đồng).

5.9. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	168.940.074	426.126.629
Công cụ dụng cụ	27.921.457	154.096.100
Chi phí chờ phân bổ	141.018.617	272.030.529
Dài hạn	2.020.048.204	4.537.535.622
Công cụ dụng cụ	1.395.298.223	3.967.854.342
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	555.659.814	537.278.658
Chi phí trả trước dài hạn khác	69.090.167	32.402.622
Tổng	2.188.988.278	4.963.662.251

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận
Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2023	628.085.006,746	319.637.811,174	120.995.542,562	1.172.980,771	1.069.891.341,253
Tăng trong năm	355.666,273	387.580,000	1.068.042,364	-	1.811.288,637
Mua trong năm	-	387.580,000	1.068.042,364	-	1.455.622,364
XDCB hoàn thành	355.666,273	-	-	-	355.666,273
Giảm trong năm	-	961.528,668	1.880.778,366	-	2.842.307,034
Thanh lý, nhượng bán	-	961.528,668	1.880.778,366	-	2.842.307,034
Số dư tại 31/12/2023	628.440,673,019	319,063,862,506	120,182,806,560	1,172,980,771	1,068,860,322,856
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2023	88.599,903,852	89,828,037,310	32,953,280,916	782,924,075	212,164,146,153
Tăng trong năm	33,700,454,370	20,213,855,892	8,783,393,876	17,418,091	62,715,122,229
Khấu hao trong năm	33,700,454,370	20,213,855,892	8,783,393,876	17,418,091	62,715,122,229
Giảm trong năm	-	961,528,667	1,880,778,366	-	2,842,307,033
Thanh lý, nhượng bán	-	961,528,667	1,880,778,366	-	2,842,307,033
Số dư tại 31/12/2023	122,300,358,222	109,080,364,535	39,855,896,426	800,342,166	272,036,961,349
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2023	539,485,102,894	229,809,773,864	88,042,261,646	390,056,696	857,727,195,100
Tại 31/12/2023	506,140,314,797	209,983,497,971	80,326,910,134	372,638,605	796,823,361,507

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 75.279.477,397 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 96.171.816,313 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2023 là 838.490,913,528 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 850.452.508.272 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng sáng chế	Phần mềm tin học	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2023	35.894.857.528	50.086.320	579.200.000	36.524.143.848
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	35.894.857.528	50.086.320	579.200.000	36.524.143.848
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2023	3.677.768.192	50.086.320	556.569.500	4.284.424.012
Tăng trong năm	385.313.456	-	22.612.500	407.925.956
Khấu hao trong năm	385.313.456	-	22.612.500	407.925.956
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	4.063.081.648	50.086.320	579.182.000	4.692.349.968
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2023	32.217.089.336	-	22.630.500	32.239.719.836
Tại 31/12/2023	31.831.775.880	-	18.000	31.831.793.880

Quyền sử dụng đất bao gồm các thửa đất có Giấy chứng nhận như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 185623 ngày 14/11/2012 thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 118 tại số 64 đường Hoàng Văn Thái, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng với diện tích 6.568,6 m², nguyên giá 19.277.2842892 VND, thời gian sử dụng đất đến 13/11/2062;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 634777 ngày 14/12/2017 thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 5-22 tại xã An Vĩnh Ngãi, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An với diện tích 615 m², nguyên giá 1.335.095.636 VND, thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 161263 ngày 11/3/2011 thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 09 tại phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị với diện tích 136 m², nguyên giá 3.015.000.000 VND, thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 086817 ngày 18/6/2001 thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 09 tại phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị với diện tích 140 m², nguyên giá 3.015.000.000 VND, thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 1074673 ngày 20/7/2011 thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 88 tại Khu đô thị sinh thái ven sông Hòa Xuân – giai đoạn 2, Phường Hòa Xuân, Huyện Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng với diện tích 179,1 m², nguyên giá 7.995.000.000 VND, thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 376134 QSD/ATM ngày 15/12/2005 tại số 10 Đào Duy Từ phường Thống Nhất, Thành phố Buon Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, nguyên giá 1.257.477.000 VND, thời gian sử dụng đất lâu dài.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 538.836.320 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 538.836.320 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2023 là 16.617.572.636 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 32.217.089.336 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	01/01/2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2023
a. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	226.246.124.834	-	-	226.246.124.834
Quyền sử dụng đất	222.697.090.842	-	-	222.697.090.842
Cơ sở hạ tầng	3.549.033.992	-	-	3.549.033.992
Giá trị hao mòn lũy kế				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại	226.246.124.834	-	-	226.246.124.834
Quyền sd đất	222.697.090.842	-	-	222.697.090.842
Cơ sở hạ tầng	3.549.033.992	-	-	3.549.033.992

Bất động sản đầu tư của Công ty tại ngày 31/12/2023 bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nắm giữ với mục đích chờ tăng giá tại các địa điểm sau:

- Số 125 Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 219C Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 129D Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 153/6 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 167 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 173/3 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 173/11/6 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 173/11/7 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2023 là 226.246.124.834 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 152.160.124.834 đồng).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.13. Tài sản dở dang dài hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí SXKD dở dang	79.873.851.629	79.873.851.629	78.922.717.234	78.922.717.234
Khu đô thị mới Mỹ Thượng	79.873.851.629	79.873.851.629	78.922.717.234	78.922.717.234
Chi phí XDCB dở dang	586.706.036.776	586.706.036.776	513.275.979.952	513.275.979.952
Dự án siêu thị Greenmart (i)	72.416.851.673	72.416.851.673	72.416.851.673	72.416.851.673
Dự án nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong (ii)	508.846.480.566	508.846.480.566	435.783.260.469	435.783.260.469
Các dự án khác	5.442.704.537	5.442.704.537	5.075.867.810	5.075.867.810
Tổng	666.579.888.405	666.579.888.405	592.198.697.186	592.198.697.186

- (i) Dự án đang được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/242753/HĐBĐ ngày 24/01/2019 giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- (ii) Dự án điện gió Thuận Nhiên Phong có địa điểm tại xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam. Dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 48121000375 chứng nhận lần đầu ngày 14/5/2009, thay đổi lần thứ 4 ngày 14/2/2015; cấp lại Giấy chứng nhận đầu tư số 0257076248 thay đổi lần thứ 7 ngày 31/3/2017. Dự án có tổng công suất là 32MW với tổng vốn đầu tư là 1.499 tỷ VND. Dự án đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 24404/21MN/HĐBĐ ngày 11/8/2021. Ngày 26/10/2023, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đã bán khoản nợ này cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam theo hợp đồng mua bán nợ số 12529/23MN.HĐMBN ngày 26/10/2023.

5.14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	12.946.495.793	10.814.335.471
Tổng	12.946.495.793	10.814.335.471

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.15. Phải trả người bán*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2023		01/01/2023 (Trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	485.861.004.928	485.861.004.928	645.769.639.036	645.769.639.036
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Cát Tường	78.433.183.764	78.433.183.764	22.038.531.256	22.038.531.256
Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh thép Thăng Lợi	15.028.200.638	15.028.200.638	121.760.928.960	121.760.928.960
Công ty Cổ phần Sao Thái Sơn	43.823.893.768	43.823.893.768	427.200.001	427.200.001
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Sao Việt Linh	34.237.969	34.237.969	43.966.464.052	43.966.464.052
Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE	13.947.366.535	13.947.366.535	132.372.182.968	132.372.182.968
Công ty Cổ phần Ecoplastics Solutions	2.245.947.335	2.245.947.335	105.536.023.596	105.536.023.596
Các đối tượng khác	332.348.174.919	332.348.174.919	219.668.308.203	219.668.308.203
Dài hạn	564.472.217	564.472.217	168.035.113.088	168.035.113.088
Công ty TNHH LEXIM	-	-	168.035.113.088	168.035.113.088
Các đối tượng khác	564.472.217	564.472.217	-	-
Tổng	486.425.477.145	486.425.477.145	813.804.752.124	813.804.752.124
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>4.287.372.511</i>	<i>4.287.372.511</i>	<i>3.896.449.621</i>	<i>3.896.449.621</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>				

5.16. Người mua trả tiền trước

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
		(Trình bày lại)
Ngắn hạn	314.067.910.481	348.946.139.826
Công ty Cổ phần Xây dựng & Phát triển Cơ sở Hạ tầng số 9 Hà Nội	192.200.986.187	226.633.397.534
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	25.252.468.577	13.533.187.366
Công ty Cổ phần Malblue	32.240.999.965	-
Các đối tượng khác	64.373.455.752	108.779.554.926
Dài hạn	8.742.072.242	8.742.072.242
Công ty Cổ phần Malblue	8.742.072.242	8.742.072.242
Tổng	322.809.982.723	357.688.212.068
<i>Trong đó:</i>		
<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i>	<i>40.983.072.207</i>	<i>8.742.072.242</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.17. Thuế và các khoản phải thu/nộp Nhà nước

	01/01/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2023 VND
Phải nộp	9.117.687.579	47.088.714.966	39.226.579.378	16.979.823.167
Thuế giá trị gia tăng	3.169.770.330	34.761.888.923	36.940.581.157	991.078.096
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.819.632.725	10.946.701.717	1.375.144.342	15.391.190.100
Thuế thu nhập cá nhân	74.717.594	507.975.148	306.428.321	276.264.421
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	728.898.990	463.804.383	265.094.607
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	53.566.930	143.250.188	140.621.175	56.195.943
Phải thu	114.525.774	92.905.721	58.713.390	80.333.443
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.591.763	-	-	7.591.763
Thuế thu nhập cá nhân	103.783.351	89.894.785	58.713.390	72.601.956
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.010.936	3.010.936	-	-
Thuế khác	139.724	-	-	139.724

5.18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND (Trình bày lại)
Lãi vay phải trả	19.480.661.334	5.844.223.362
Trích trước chi phí công trình	57.864.585.283	46.592.383.781
Chi phí phải trả khác	5.777.086.159	3.633.306.973
Tổng	83.122.332.776	56.069.914.116

5.19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND (Trình bày lại)
Kinh phí công đoàn	1.295.494.751	1.148.253.261
Bảo hiểm xã hội	4.156.581.651	2.774.555.496
Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.453.556.119	27.939.335.390
Tổng	28.905.632.521	31.862.144.147
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>7.236.684.930</i>	<i>12.330.000.000</i>
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>		

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.20. Vay và nợ tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023		Phát sinh trong năm		01/01/2023 (Trình bày lại)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam- CN Hải Vân (1)	999.220.356.153	999.220.356.153	948.983.383.958	1.008.025.660.639	1.058.262.632.834	1.058.262.632.834
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội (2)	410.933.449.157	410.933.449.157	186.204.954.110	164.577.819.570	389.306.314.617	389.306.314.617
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 4 Hồ Chí Minh (3)	91.855.191.429	91.855.191.429	86.960.363.724	132.281.638.273	137.176.465.978	137.176.465.978
Các đối tượng khác	154.393.786.741	154.393.786.741	247.175.707.977	221.462.847.707	128.680.926.471	128.680.926.471
Nợ dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam- CN Hải Vân (4)	342.037.928.826	342.037.928.826	428.642.358.147	489.703.355.089	403.098.925.768	403.098.925.768
Các đối tượng khác	67.026.131.159	67.026.131.159	59.891.408.109	21.896.857.146	29.031.580.196	29.031.580.196
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam- CN Hải Vân (4)	66.788.131.159	66.788.131.159	59.685.408.109	8.504.657.150	15.607.380.200	15.607.380.200
Các đối tượng khác	238.000.000	238.000.000	206.000.000	13.392.199.996	13.424.199.996	13.424.199.996
Trong đó:						
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam- CN Hải Vân (5)	735.762.513.695	735.762.513.695	847.455.579.387	706.944.014.849	595.250.949.157	595.250.949.157
Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh (5)	64.183.990.308	64.183.990.308	101.771.654.507	59.685.408.109	22.097.743.910	22.097.743.910
Trung tâm giao dịch, đầu tư tư vấn mua bán nợ và tài sản (5)	-	-	93.880.301.493	645.696.023.387	551.815.721.894	551.815.721.894
Các đối tượng khác	651.390.023.387	651.390.023.387	651.390.023.387	-	-	-
Tổng	20.188.500.000	20.188.500.000	413.600.000	1.562.583.353	21.337.483.353	21.337.483.353
Tổng	1.802.009.001.007	1.802.009.001.007	1.856.330.371.454	1.736.866.532.634	1.682.545.162.187	1.682.545.162.187
Trong đó:						
Vay các bên liên quan	24.424.967.252	24.424.967.252			14.700.000.000	14.700.000.000
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)						

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.20. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (1) Tổng Công ty vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 03/2023/242753/HĐTĐ ngày 22/12/2023:
- Hạn mức tín dụng là 691.000.000.000 đồng;
 - Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/11/2024;
 - Lãi suất được xác định trong từng trường hợp cụ thể;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2023 là 410.933.449.157 đồng;
 - Biện pháp bảo đảm: Tài sản cố định, bất động sản và các tài sản khác theo các hợp đồng bảo đảm với Ngân hàng.
- (2) Tổng Công ty vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BCLC-1498-01 ngày 30/11/2023:
- Hạn mức tín dụng là 250.000.000.000 đồng;
 - Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: 12 tháng từ ngày ký Hợp đồng. Thời hạn vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
 - Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động (cho vay, phát hành bảo lãnh, LC) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2023 là 91.855.191.429 đồng;
 - Biện pháp đảm bảo: Quyền đòi nợ từ các hợp đồng đầu ra, cầm cố, thế chấp bằng các hợp đồng tiền gửi và Trái phiếu thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty và các biện pháp, tài sản bảo đảm khác theo các hợp đồng bảo đảm với Ngân hàng.
- (3) Tổng Công ty vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HDCVHM/NHCT908-TCTVNECO ngày 10/01/2023:
- Hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng;
 - Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: từ ngày 10/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023;
 - Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

5.20. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2023 là: 154.393.786.741 đồng;
 - Đảm bảo tiền vay:
 - + Các phương tiện vận tại theo các hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/ĐBĐ/NHCT909-VNE ngày 29/04/2022 và 02/2022/ĐBĐ/NHCT909-VNE ngày 29/04/2022 với tổng giá trị tài sản đảm bảo thế chấp là 819.000.000 đồng và 4.095.000.000 đồng;
 - + Quyền đòi nợ/Các khoản phải thu theo các Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản;
 - + Bất động sản theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 201/2022/HĐBĐ/NHCT908-VNE ngày 07/06/2022 với tổng giá trị tài sản đảm bảo thế chấp là 7.414.000.000 đồng;
 - + Bất động sản theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 202/2022/HĐBĐ/NHCT908-VNE ngày 07/06/2022 với tổng giá trị tài sản đảm bảo thế chấp là 12.916.100.000 đồng;
 - + Bất động sản theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 06/2022/HĐBĐ/NHCT908-VNE ngày 19/07/2022 và Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 07/2022/HĐBĐ/NHCT908-VNE ngày 14/10/2022.
- (4) Tổng Công ty vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo các hợp đồng sau:
- a) Hợp đồng số 03/2020/242753/HĐTD ngày 16/10/2020:
- Số tiền vay là 4.800.000.000 đồng;
 - Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân;
 - Lãi suất: năm đầu tiên lãi suất cố định 8,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất thả nổi được quy định như sau: bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau niêm yết tại ngân hàng + phí 3,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần;
 - Mục đích vay: Đầu tư mua xe ô tô BMW 740 Li phục vụ điều hành.
- b) Hợp đồng số 04/2020/242753/HĐTD ngày 22/10/2020:
- Số tiền vay là 19.700.000.000 đồng;
 - Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân;
 - Lãi suất: năm đầu tiên lãi suất cố định 8,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất thả nổi được quy định như sau: bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau niêm yết tại ngân hàng + phí 3,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần;
 - Mục đích vay: Đầu tư dự án "Mua sắm thiết bị thi công kéo dây không chạm đất".

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.20. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- c) Hợp đồng số 05/2020/242753/HĐTD ngày 15/10/2020:
- Số tiền vay là 5.500.000.000 đồng;
 - Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân;
 - Lãi suất: năm đầu tiên lãi suất cố định 8,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất thả nổi được quy định như sau: bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau niêm yết tại ngân hàng + phí 3,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần;
 - Mục đích vay: Đầu tư trụ sở văn phòng Công ty TNHH MTV Vneco Miền Trung.
- d) Hợp đồng số 01/2021/242753/HĐTD ngày 08/02/2021:
- Số tiền vay là 175.000.000.000 đồng;
 - Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày cấp tín dụng đầu tiên;
 - Lãi suất: năm đầu tiên lãi suất cố định 8,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất thả nổi được quy định như sau: bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau niêm yết tại ngân hàng + phí 3,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần;
 - Mục đích vay: Đầu tư trụ sở văn phòng Công ty TNHH MTV Vneco Miền Trung.
 - Biện pháp bảo đảm: Tài sản cố định, bất động sản, giá trị hình thành trong tương lai dự án siêu thị Greenmart và các tài sản khác theo các hợp đồng bảo đảm với Ngân hàng.
- (5) Vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 31271/21/MN/HĐTD ngày 09/08/2021:
- Số tiền cho vay 750.000.000.000 VND;
 - Thời hạn cho vay 168 tháng (14 năm);
 - Lãi suất vay theo từng giai đoạn nhận nợ cụ thể;
 - Mục đích sử dụng vốn vay để tài trợ, bù đắp chi phí đầu tư, xây dựng dự án “Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong”, công suất 30,4 MW tại xã Hòa Thắng, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

5.20. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Ngày 26/10/2023, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh bán khoản nợ này cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam theo hợp đồng mua bán nợ số 12529/23MN.HĐMBN ngày 26/10/2023 với tổng dư nợ gốc tại thời điểm mua bán là 651.390.023.387 đồng. Các tài sản đảm bảo theo được chi tiết như sau:

- Toàn bộ dự án “Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong” công suất 30,4MW tại xã Hòa Thắng, xã Hồng Phong, huyện Bắc Bình và phường Mũi né, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Bao gồm nhưng không giới hạn:
 - + Quyền sử dụng đất/quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất và tài sản hình thành trong tương lai là CTXD trên đất và toàn bộ MMTB (bao gồm hệ thống trạm biến áp, đường dây đầu nối) của dự án “Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong”
 - + Toàn bộ quyền tài sản và các quyền lợi, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai từ việc đầu tư, phát triển và khai thác dự án “Nhà máy điện gió Thuận nhiên Phong”.
- Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1 và Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN);
- Toàn bộ phần vốn góp (Tối thiểu 440 tỷ đồng, tương đương 100% vốn góp) tại Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.21. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2022	904.329.530.000	2.527.289.930	7.095.055.143	(88.867.037.290)	16.763.832.141	158.221.575	130.710.198.885	51.070.643.132	1.023.787.733.516
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	14.471.540.078	(4.392.183.693)	10.079.356.385
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-	3.250.000.000	3.250.000.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	(2.516.354.549)	(251.093.106)	(2.767.447.655)
Trích quỹ khác	-	-	-	-	-	29.578.783	(29.578.783)	-	-
Số dư tại 31/12/2022	904.329.530.000	2.527.289.930	7.095.055.143	(88.867.037.290)	16.763.832.141	187.800.358	142.635.805.631	49.677.366.333	1.034.349.642.246
Số dư tại 01/01/2023	904.329.530.000	2.527.289.930	7.095.055.143	(88.867.037.290)	16.763.832.141	187.800.358	142.635.805.631	49.677.366.333	1.034.349.642.246
Bán cổ phiếu quỹ	-	(487.401.547)	-	1.239.523.547	-	-	-	-	752.122.000
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	(18.116.424.842)	(10.423.609.741)	(28.540.034.583)
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	-	-	-	(322.192.638)	-	(322.192.638)
Tăng do thay đổi tỷ lệ góp vốn tại Công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	346.111.575	(1)	346.111.574
Số dư tại 31/12/2023	904.329.530.000	2.039.888.383	7.095.055.143	(87.627.513.743)	16.763.832.141	187.800.358	124.543.299.726	39.253.756.591	1.006.585.648.599

(*) Tổng Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2023 NG/NECO-DHDCD ngày 29/6/2023; Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% Lợi nhuận sau thuế năm 2022) số tiền 322.192.638 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.21. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Vốn góp của các cổ đông	820.552.330.000	819.340.330.000
Cổ phiếu quỹ	83.777.200.000	84.989.200.000
Tổng	904.329.530.000	904.329.530.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	904.329.530.000	904.329.530.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	904.329.530.000	904.329.530.000
Lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.432.953	90.432.953
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.432.953	90.432.953
Cổ phiếu phổ thông	90.432.953	90.432.953
Số lượng cổ phiếu được mua lại	8.377.720	8.498.920
Cổ phiếu phổ thông	8.377.720	8.498.920
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	82.055.233	81.934.033
Cổ phiếu phổ thông	82.055.233	81.934.033
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.22. Các chỉ tiêu ngoài bảng Cân đối kế toán hợp nhất**a. Ngoại tệ**

	31/12/2023	01/01/2023
Ngoại tệ các loại		
USD	73,83	87,03

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Nợ khó đòi đã xử lý		
Ông Lâm Phúc Lâm và Bà Lê Thị Thủy Vân	66.520.858.333	66.520.858.333
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà	32.027.715.546	32.027.715.546
Các đối tượng khác	8.890.162.851	8.890.162.851
Tổng	107.438.736.730	107.438.736.730

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	638.687.821.123	1.384.529.878.957
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	769.598.174
Doanh thu hoạt động xây dựng	418.007.623.877	746.647.213.057
Doanh thu hoạt động khác	995.181.924	918.209.727
Tổng	1.057.690.626.924	2.132.864.899.915

*Trong đó:**Doanh thu với các bên liên quan:
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)*

648.148

-

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	503.079.909.565	1.335.736.849.691
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	694.329.029
Giá vốn hoạt động xây dựng	395.208.871.342	662.786.998.771
Giá vốn hoạt động khác	299.020.095	570.788.591
Tổng	898.587.801.002	1.999.788.966.082

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.009.613.101	7.708.453.147
Lãi bán các khoản đầu tư	510.725.346	2.521.214.149
Cổ tức, lợi nhuận được chia	104.547.000	90.450.000
Lãi phạt thanh toán chậm, chiết khấu thanh toán	1.495.983.502	2.358.773.162
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	324.250.000	14.612.491
Doanh thu tài chính khác	85.583.150	-
Tổng	8.530.702.099	12.693.502.949

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	123.670.184.195	101.812.676.416
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.783.570.347
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.120.621.943	4.776.093.310
Dự phòng đầu tư tài chính	532.832.435	1.866.200
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(426.517.980)	(1.070.235.219)
Chi phí tài chính khác	4.214.757.394	2.406.943.671
Tổng	129.111.877.987	109.710.914.725

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí bán hàng	319.267.651	421.871.256
Chi phí dịch vụ mua ngoài	294.508.669	420.389.774
Chi phí bằng tiền khác	24.758.982	1.481.482
Chi phí quản lý doanh nghiệp	57.052.722.273	19.917.774.570
Chi phí nhân viên quản lý	27.959.631.045	34.909.420.037
Chi phí vật liệu quản lý	-	115.836.824
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.169.608.923	2.668.789.067
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.366.864.256	8.927.797.384
Thuế phí và lệ phí	2.580.172.902	733.871.626
Chi phí dự phòng	1.434.802.446	11.752.762.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.489.125.585	4.067.781.274
Chi phí bằng tiền khác	12.199.517.116	10.296.123.647
Hoàn nhập dự phòng	(147.000.000)	(53.554.607.613)
Tổng	57.371.989.924	20.339.645.826

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND (Trình bày lại)
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản cố định hữu hình	77.833.643	265.993.266
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	462.471.816	811.146.126
Thu nhập từ cho thuê	65.833.623	87.879.740
Thu nhập khác	486.344.271	633.612.000
Tổng	1.092.483.353	1.798.631.132
Chi phí khác		
Lãi chậm nộp thuế, phạt vi phạm	1.635.330.325	3.164.962.877
Chi phí thanh lý tài sản	-	246.701.390
Chi phí khác	485.683.432	280.068.840
Tổng	2.121.013.757	3.691.733.107
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(1.028.530.404)	(1.893.101.975)

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế	10.946.701.717	7.746.393.031
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.946.701.717	7.746.393.031

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(2.132.160.321)	879.567.414
Tổng	(2.132.160.321)	879.567.414

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		
Công ty mẹ	(18.116.424.842)	14.471.540.078
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (*)	-	(322.192.638)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	(322.192.638)
Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(18.116.424.842)	14.149.347.440
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm(cổ phiếu)	81.955.237	81.934.033
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(221)	173

(i) Tại ngày lập Báo cáo, Tổng Công ty và các Công ty con chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành. Nếu trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(ii) Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 của Tổng Công ty đã được phê duyệt tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023 NG/VNECO-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2023. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được trình bày lại như sau:

	Năm 2022 (Trình bày lại) VND	Năm 2022 (Đã trình bày) VND	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			
Công ty mẹ	14.471.540.078	14.471.540.078	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (ii)	(322.192.638)	-	(322.192.638)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	(322.192.638)	-	(322.192.638)
Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.149.347.440	14.471.540.078	(322.192.638)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	81.934.033	81.934.033	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	173	177	(4)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	206.404.333.926	405.940.511.871
Chi phí nhân công	54.354.170.103	113.421.147.793
Chi phí khấu hao tài sản cố định	63.895.962.510	73.717.654.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	283.374.795.044	725.959.052.101
Chi phí khác bằng tiền	38.928.176.773	117.838.214.043
Tổng	646.957.438.356	1.436.876.580.028

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Tổng Công ty có các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Malblue	Công ty có chung nhân sự quản lý chủ chốt
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Các giao dịch với nhân sự chủ chốt

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lương và thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	Lương, thù lao	2.080.813.000	1.716.607.000
Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác	Lương, thưởng	2.898.420.585	3.074.757.381

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong đó:

Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	840.000.000	725.500.000
Đào Ngọc Quỳnh	Phó Chủ tịch HĐQT	480.000.000	346.857.000
Phạm Phú Mai	Phó Chủ tịch HĐQT	84.000.000	84.000.000
Trần Quang Cần	Nguyên Phó Chủ tịch HĐQT	196.813.000	84.000.000
Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT	84.000.000	89.000.000
Tổng		1.684.813.000	1.329.357.000

Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng BKS	300.000.000	286.250.000
Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Nguyên Thành viên BKS	24.000.000	53.000.000
Nguyễn Đức Thường	Thành viên BKS	24.000.000	-
Lê Chí Dũng	Thành viên BKS	-	16.000.000
Nguyễn Thị Như	Thành viên BKS	48.000.000	32.000.000
Tổng		396.000.000	387.250.000

Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Nguyễn Tịnh	Tổng Giám đốc	772.465.224	484.912.000
Trần Quang Cần	Tổng Giám đốc	118.195.650	712.119.381
Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc	522.197.381	484.760.000
Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc	493.020.024	484.912.000
Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc	522.290.777	480.115.000
Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng	470.251.529	427.939.000
Tổng		2.898.420.585	3.074.757.381

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bán hàng			648.148	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết	Bán hàng	648.148	-
Mua hàng			798.701.631	3.220.661.587
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết	Mua hàng	784.944.224	3.220.661.587
Công ty Cổ phần Malblue	Công ty có chung nhân sự quản lý chủ chốt	Mua hàng	13.757.407	-
Vay			30.754.967.252	5.000.000.000
Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc	Vay tiền	50.000.000	-
Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Thành viên BKS	Vay tiền	2.219.999.998	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết	Vay tiền	550.000.000	-
Công ty Cổ phần Malblue	Công ty có chung nhân sự quản lý chủ chốt	Vay tiền	27.934.967.254	5.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu khác			19.997.174.034	4.520.548
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết	Phải thu khác	4.520.548	4.520.548
Công ty Cổ phần Malblue	Công ty có chung nhân sự quản lý chủ chốt	Phải thu khác	19.992.653.486	-
Phải thu về cho vay			-	1.212.032.740
Công ty Cổ phần Malblue	Công ty có chung nhân sự quản lý chủ chốt	Phải thu về cho vay	-	1.212.032.740
Phải trả người bán			4.287.372.511	3.896.449.621
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết	Phải người bán	4.279.562.511	3.745.249.621
Công ty Cổ phần Malblue	Công ty có chung nhân sự quản lý chủ chốt	Phải người bán	7.810.000	151.200.000
Người mua trả tiền trước			40.983.072.207	8.742.072.242
Công ty Cổ phần Malblue	Công ty có chung nhân sự quản lý chủ chốt	Ngắn hạn	32.240.999.965	-
		Dài hạn	8.742.072.242	8.742.072.242
Vay và nợ thuê tài chính			24.424.967.252	14.700.000.000
Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc	Vay	50.000.000	-
Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Thành viên BKS	Vay	2.169.999.998	-
Công ty Cổ phần Malblue	Công ty có chung nhân sự quản lý chủ chốt	Vay	22.204.967.254	14.700.000.000
Phải trả khác			7.236.684.930	12.330.000.000
Công ty Cổ phần Malblue	Công ty có chung nhân sự quản lý chủ chốt	Phải trả khác	130.684.932	12.330.000.000
Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Phải trả khác	3.254.999.998	-
Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng	Phải trả khác	3.851.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2 Báo cáo bộ phận

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh BĐS	Khác	Tổng
DOANH THU					
Doanh thu thuần	638.687.821.123	418.007.623.877	-	995.181.924	1.057.690.626.924
Giá vốn	503.079.909.565	395.208.871.342	-	299.020.095	898.587.801.002
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	135.607.911.558	22.798.752.535	-	696.161.829	159.102.825.922
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG					
Kết quả bộ phận	135.607.911.558	22.798.752.535	-	696.161.829	159.102.825.922
Doanh thu hoạt động tài chính					8.530.702.099
Chi phí tài chính					(129.111.877.987)
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết					153.377.107
Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng					(57.371.989.924)
Lợi nhuận khác					(1.028.530.404)
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(10.946.701.717)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					2.132.160.321
Lợi nhuận trong năm					(28.540.034.583)

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh BĐS	Khác	Tổng
TÀI SẢN					
Tài sản phân bổ	2.267.076.251.205	1.483.753.291.628	-	3.532.482.116	3.754.362.024.949
Tài sản không phân bổ					-
Tổng tài sản					3.754.362.024.949
NỢ PHẢI TRẢ					
Nợ phải trả phân bổ	1.659.248.235.798	1.085.942.755.647	-	2.585.384.905	2.747.776.376.350
Nợ phải trả không thể phân bổ					-
Tổng nợ phải trả					2.747.776.376.350

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh BĐS	Khác	Tổng
DOANH THU					
Doanh thu	1.384.529.878.957	746.647.213.057	769.598.174	918.209.727	2.132.864.899.915
Già vốn	1.335.736.849.691	662.786.998.771	694.329.029	570.788.591	1.999.788.966.082
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	48.793.029.266	83.860.214.286	75.269.145	347.421.136	133.075.933.833
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG					
Kết quả bộ phận	48.793.029.266	83.860.214.286	75.269.145	347.421.136	133.075.933.833
Doanh thu hoạt động tài chính					12.693.502.949
Chi phí tài chính					(109.710.914.725)
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết					4.879.542.574
Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng					(20.339.645.826)
Lợi nhuận khác					(1.893.101.975)
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(7.746.393.031)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					(879.567.414)
Lợi nhuận trong năm					10.079.356.385

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh BĐS	Khác	Tổng
TÀI SẢN					
Tài sản phân bổ	2.603.457.519.626	1.403.988.697.452	1.447.145.478	1.726.593.304	4.010.619.955.860
Tài sản không thể phân bổ					-
Tổng tài sản					4.010.619.955.860
NỢ PHẢI TRẢ					
Nợ phải trả phân bổ	1.932.018.843.395	1.041.896.247.180	1.073.922.778	1.281.300.261	2.976.270.313.614
Nợ phải trả không thể phân bổ					-
Tổng nợ phải trả					2.976.270.313.614

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.3 Thông tin khác

Ngày 12/10/2007, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và bà Ngô Kim Huệ ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư về xây dựng công trình phức hợp cao tầng tại thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng Công ty đã chuyển cho bà Ngô Kim Huệ 310.000.000.000 đồng bằng nguồn vốn phát hành trái phiếu và vay ngân hàng. Tuy nhiên, việc sang tên để Tổng Công ty đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không hoàn thành đúng tiến độ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 25/6/2010, hai bên đã lập biên bản làm việc thống nhất chấm dứt hợp đồng hợp tác. Trên cơ sở đó, ngày 30/6/2010, hai bên thống nhất ký thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo đó, bà Ngô Kim Huệ phải trả lại cho Tổng Công ty số tiền 400.000.000.000 đồng (gồm 310.000.000.000 đồng tiền gốc và 90.000.000.000 đồng tiền lãi). Bà Ngô Kim Huệ sau đó đã chuyển trả cho Tổng Công ty 400.000.000.000 đồng nói trên.

Theo Bản án số 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018, Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định Tổng Công ty có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Hứa Thị Phần và các bị cáo khác phạm tội “Lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”, do liên quan đến số tiền 200.000.000.000 đồng trong 400.000.000.000 đồng mà bà Ngô Kim Huệ đã chuyển trả cho Tổng Công ty. Theo đó, bản án yêu cầu Tổng Công ty hoàn trả lại số tiền 200.000.000.000 đồng nêu trên cho Ngân hàng Xây dựng Việt Nam. Về quan hệ giữa các bị cáo và Tổng Công ty sẽ được giải quyết trong một vụ án khác khi các bên có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/2/2022, Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Tổng Công ty về việc buộc Tổng Công ty phải hoàn trả số tiền 200.000.000.000 đồng được xác định là vật chứng vụ án cho ngân hàng TNHH MTV Xây dựng Việt Nam. Hiện tại, Tổng Công ty đang làm các thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục Giám đốc thẩm.

7.4 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 27/02/2024, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã có Nghị quyết số 07/NQ/VNECO-HĐQT về việc gia hạn thời gian thực hiện nghị quyết số 23/NQ/VNECO-HĐQT ngày 30/8/2023 của Hội đồng Quản trị về việc bán một phần vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 trong tháng 09 - tháng 10/2023. Theo đó, thời gian thực hiện nghị quyết trên được gia hạn đến tháng 5 năm 2024.

7.5 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam.

Người lập biểu

Võ Quang

Kế toán trưởng

Phạm Đỗ Minh Triết

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 4 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tịnh



Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam ban hành 02 Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính Hợp nhất và Báo cáo tài chính Tổng hợp.

Báo cáo tài chính Tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT, đã được công bố trên thị trường chứng khoán và đăng tải trên website của Tổng Công ty theo địa chỉ:

<https://vneco.vn/wp-content/uploads/2024/04/VNE-CBTT-BCTC-Tong-Hop-11042024-Sign.pdf>



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM



Đà Nẵng, ngày 19 tháng 4 năm 2024

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT**



NGUYỄN ANH TUẤN



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM - VNECO

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Số điện thoại: (+84) 236 356 2361

Fax: (+84) 2361 356 2367

Website: www.vneco.com.vn

VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

Address: No. 344, Phan Chau Trinh Street, Binh Thuan Ward, Hai Chau District, Da Nang City

Telephone: (+84) 236 356 2361 Fax: (+84) 236 356 2367 Website: www.vneco.com.vn